

Số: 47.2/CV-ACBS.23

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**
 - Mã chứng khoán:
 - Địa chỉ trụ sở chính: *Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP Hồ Chí Minh*
 - Điện thoại: (028) 7300 7000
 - Fax: (028) 7300 3751
 - Người thực hiện công bố thông tin: *Đỗ Thị Ngọc Hạnh*
Chức vụ: Trưởng Phòng Kiểm soát Nội bộ
- Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/03/2023 tại đường dẫn: <http://acbs.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức
Người UQ CBTT

Đỗ Thị Ngọc Hạnh

The logo for ACBS, featuring the letters 'ACBS' in a bold, white, sans-serif font. The letter 'C' is stylized with a yellow dot in its center. The logo is positioned in the upper right quadrant of the image, above the main title.

ACBS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury

117 Nguyễn Đình Chiểu

Phường Võ Thị Sáu, Quận 3

Tel: 1900 5555 33

www.acbs.com.vn

2022

MỤC LỤC

PHẦN 1: VỀ ACBS

1.1	Thông tin khái quát	1
1.2	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
1.3	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
1.4	Định hướng phát triển	7
1.5	Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh	11

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

2.1	Tình hình hoạt động kinh doanh	13
2.2	Tổ chức và nhân sự	14
a)	Thông tin Hội đồng Thành viên (HĐTV)	15
b)	Ban Tổng giám đốc	16
c)	Những thay đổi trong ban điều hành	16
d)	Số lượng cán bộ, nhân viên	16
e)	Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động	16
2.3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	18
a)	Các khoản đầu tư lớn	18
b)	Các công ty con, công ty liên kết	18
2.4	Tình hình tài chính	19
a)	Tình hình tài chính	19
b)	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	19
2.5	Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
2.6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	20

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3.1	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	20
3.2	Tình hình tài chính	21
a)	Tình hình tài sản	21
b)	Tình hình nợ phải trả	21
3.3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	22
3.4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	22
3.5	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	23

3.6	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	
-----	--	--

a)	Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường	23
b)	Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động	23
c)	Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương	24

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

4.1	Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2022	24
4.2	Đánh giá của Hội đồng Thành viên về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	25
4.3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Thành viên	25

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

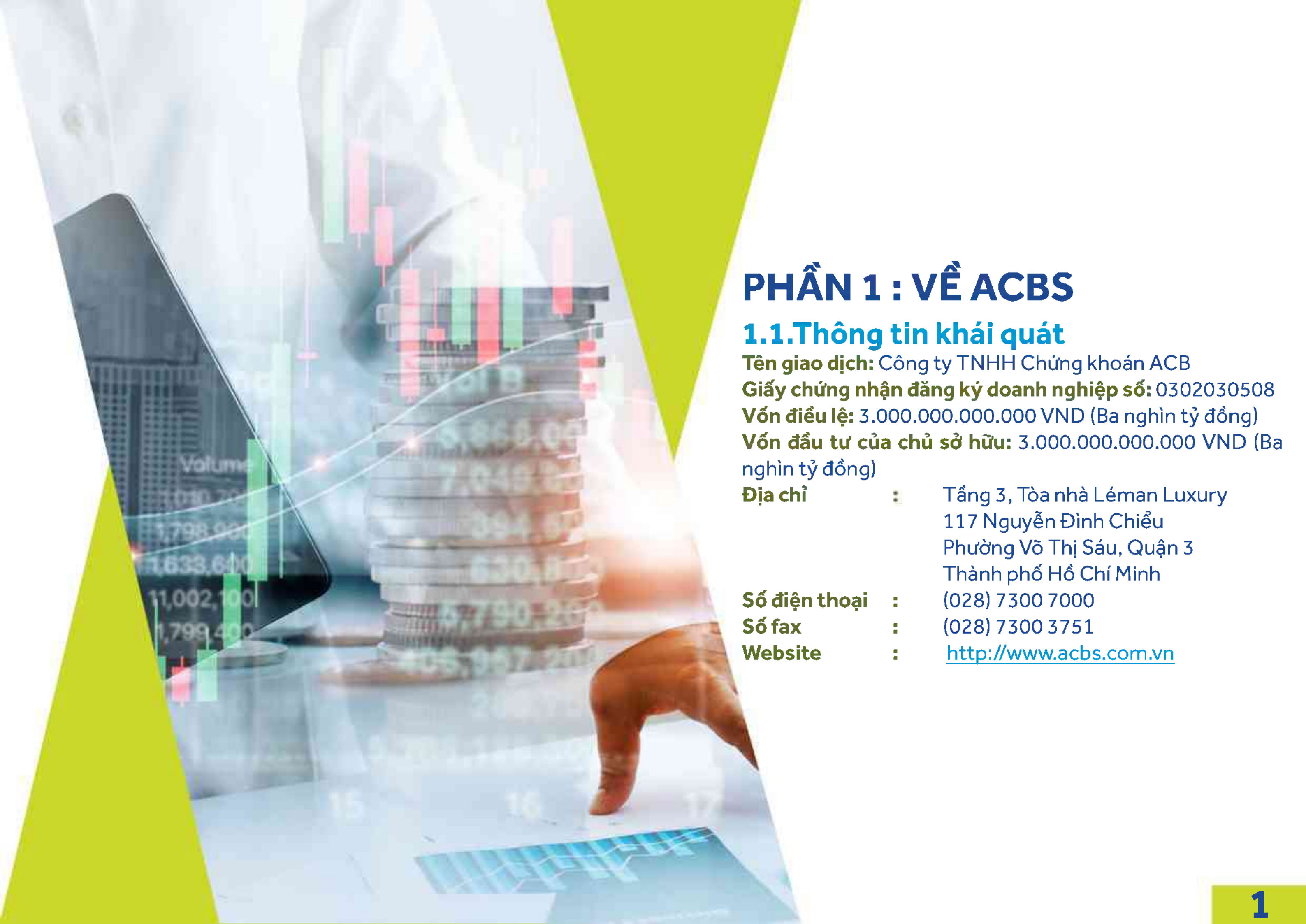
5.1	Hội đồng Thành viên	27
a)	Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên	27
b)	Hoạt động của Hội đồng Thành viên	27
c)	Danh sách các thành viên Hội đồng Thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	27
5.2	Ban Kiểm soát	27
a)	Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát	27
b)	Hoạt động của Ban kiểm soát	27
5.3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	27
a)	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích	27
b)	Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	27

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.1	Ý kiến kiểm toán	27
6.2	Báo cáo tài chính	27

PHẦN 7: KẾ HOẠCH 2023

7.1	Triển vọng thị trường 2023	28
7.2	Kế hoạch phát triển khối bán lẻ	29
7.3	Kế hoạch phát triển theo xu thế Chuyển đổi số trong 2023	30



PHẦN 1 : VỀ ACBS

1.1.Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302030508

Vốn điều lệ: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng)

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury
117 Nguyễn Đình Chiểu
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (028) 7300 7000

Số fax : (028) 7300 3751

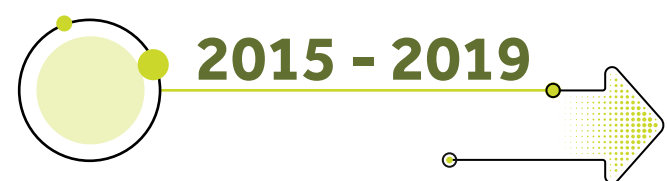
Website : <http://www.acbs.com.vn>

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 06/GPH&KD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29/06/2000. **Hội sở chính đặt tại: Lầu 3 – Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.** ACBS hoạt động với vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu hơn 4.000 tỷ đồng và tổng tài sản hơn 5.500 tỷ đồng.

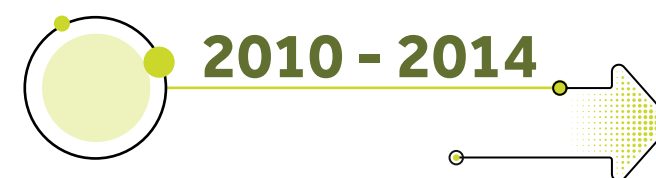


- Đánh dấu cột mốc 20 năm thành lập ACBS
- Thay đổi vốn điều lệ lần sáu (6) lên thành 3.000 tỷ đồng (Ba nghìn tỷ đồng)
- Ra mắt sản phẩm chứng quyền thành công rực rỡ với lượng đăng ký đặt mua đạt hơn 50% trong đợt IPO đầu tiên
- Ra mắt dịch vụ mở tài khoản chứng khoán trực tuyến S-eyes
- Nâng cấp hoàn toàn ứng dụng giao dịch qua điện thoại di động ACBS Smart với giao diện hiện đại và bắt kịp xu hướng
- 24/10/2022, ACBS chuyển đổi Trụ sở chính đến lầu 3 – Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM. Bắt đầu hành trình thay đổi nhận diện thương hiệu cho các chi nhánh ACBS



- Được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán tiêu biểu của Thị trường Chứng khoán Việt Nam
- Chính thức vận hành hệ thống giao dịch hiện đại, nhanh gọn, an toàn, bảo mật hơn

- Triển khai phần mềm giao dịch ACBS Trading cho các thiết bị điện tử sử dụng hệ điều hành iOS và Android
- Mở rộng các chi nhánh ACBS: phòng giao dịch Bàu Cát, Đồng Nai, Mạc Đĩnh Chi 4, Trương Định 2 - 3 - 4, Cách Mạng Tháng 8, và dời chi nhánh Chợ Lớn về 321 -323 Trần Phú, Phường 8, Quận 5
- Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống nhận diện thương hiệu mới trên nền tảng cốt lõi “Đáng tin cậy – Thân thiện – Nhạy bén”
- Tổ chức Cuộc thi “TRADE PRO” dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế - tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn Tp. HCM
- ACBS được UBND Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh và trao tặng bằng khen do có hoạt động xuất sắc nhiều năm liền
- ACBS được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu
- Ra mắt chương trình Top Trader – Nhà đầu tư tài năng
- ACBS được vinh danh Top 10 công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu của HNX và HSX
- Là công ty chứng khoán thứ 11 trên thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh
- Ngày 20/5 ACBS ký thỏa thuận hợp tác với EFG Hermes



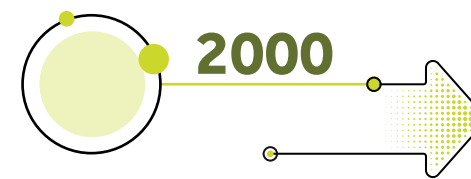
- Kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty Chứng khoán ACB
- Bắt kịp với sự chuyển mình trong thời đại công nghệ cũng như từng bước phát triển giá trị cốt lõi, ACBS chính thức cho ra mắt Dịch vụ giao dịch qua Tổng đài và nâng cấp thành công Phương thức bảo mật Chứng chỉ số USB Token cho các giao dịch qua Internet
- ACBS vinh hạnh được Tạp chí Asiamoney trao tặng nhiều danh

hiệu xuất sắc:

- 🕒 Chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất;
- 🕒 Thực hiện giao dịch tốt nhất;
- 🕒 Tổ chức sự kiện và hội thảo tốt nhất;
- 🕒 Tổ chức giới thiệu cơ hội đầu tư và gặp gỡ doanh nghiệp tốt nhất;
- 🕒 Chuyên viên môi giới xuất sắc nhất. Đứng hạng 3 về thị phần môi giới trên cả hai sàn HOSE và HNX
- ACBS chính thức triển khai giải pháp nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký nước ngoài. Đồng thời đứng hạng 3 về thị phần môi giới trên cả hai sàn HOSE và HNX
- 13/06/2014, ACBS chuyển đổi Trụ sở chính đến 41 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1, Tp. HCM
- Thay đổi giá trị cốt lõi: Chính trực – Hiệu quả - Hải hòa – Cần trọng – Cách tân



- ACBS trải qua 5 lần tăng vốn điều lệ lần lượt là 100 tỷ đồng, 250 tỷ đồng, 500 tỷ đồng, 1.000 tỷ đồng và 1.500 tỷ đồng
- ACBS trải qua 5 lần tăng vốn điều lệ lần lượt là 100 tỷ đồng, 250 tỷ đồng, 500 tỷ đồng, 1.000 tỷ đồng và 1.500 tỷ đồng
- Định vị thương hiệu với giá trị cốt lõi: An toàn – Chính xác – Bảo mật – Sáng tạo
- Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến, cho phép giao dịch qua Internet với phương thức bảo mật bằng Chứng chỉ số



- Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép hoạt động 06.UBCK – GPHĐKD cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu
- Vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng (Bốn mươi ba tỷ đồng)
- Trụ sở chính đặt tại 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
- ACBS đi vào hoạt động cùng lúc với thị trường chứng khoán Việt Nam và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM. Từ ngày đầu hoạt động, ACBS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo luật định:
- 🕒 Môi giới chứng khoán;
- 🕒 Lưu ký chứng khoán;
- 🕒 Tự doanh chứng khoán;
- 🕒 Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- 🕒 Quản lý danh mục đầu tư

SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2022

Năm 2022, Công ty Chứng Khoán ACB chính thức chuyển về hoạt động tại địa điểm mới tầng 3, tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM. Với vị trí giao thông thuận lợi, Trụ sở mới ACBS kỳ vọng sẽ mang đến trải nghiệm tốt nhất đến doanh nghiệp và nhà đầu tư cá nhân tại khu vực này.

Không gian văn phòng Trụ sở chính của ACBS được xây dựng theo chủ đề “GREEN MOUNTAIN”, theo định hướng phát triển bền vững của Ngân hàng mẹ ACB cũng như ý thức và hành động bảo vệ môi trường – “Gắn lại O”. Thiết kế không gian văn phòng được lấy cảm hứng từ sự luân phiên thăng trầm của thị trường chứng khoán, nhưng vẫn hướng đến sự phát triển thịnh vượng về kinh tế và là một phần tất yếu trong việc bảo vệ môi trường xanh sạch bền vững.

Bên cạnh văn phòng được bao phủ bởi các sắc xanh thương hiệu của ACBS, khu vực giải lao và làm việc được thiết kế theo không gian mở hiện đại với nhằm nâng cao hiệu suất làm việc và đem lại hiệu quả cao.

ACBS khai trương Hội sở tại tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM



Văn phòng Hội sở của ACBS với chủ đề GREEN MOUNTAIN



ACBS có tổng cộng 1 Hội sở tại TP.HCM và 11 chi nhánh/ phòng giao dịch trải dài từ Bắc – Trung – Nam bao gồm:

Số 10 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số 15 Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Số 218 Bạch Đằng, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Số 80 Quang Trung, Phường Lộc Thọ, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

1.2.Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty Chứng khoán ACB hoạt động với đầy đủ chức năng của một công ty chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Kinh doanh chứng khoán phái sinh;
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;
- Phát hành chứng quyền có đảm bảo và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có đảm bảo;
- Dịch vụ Lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

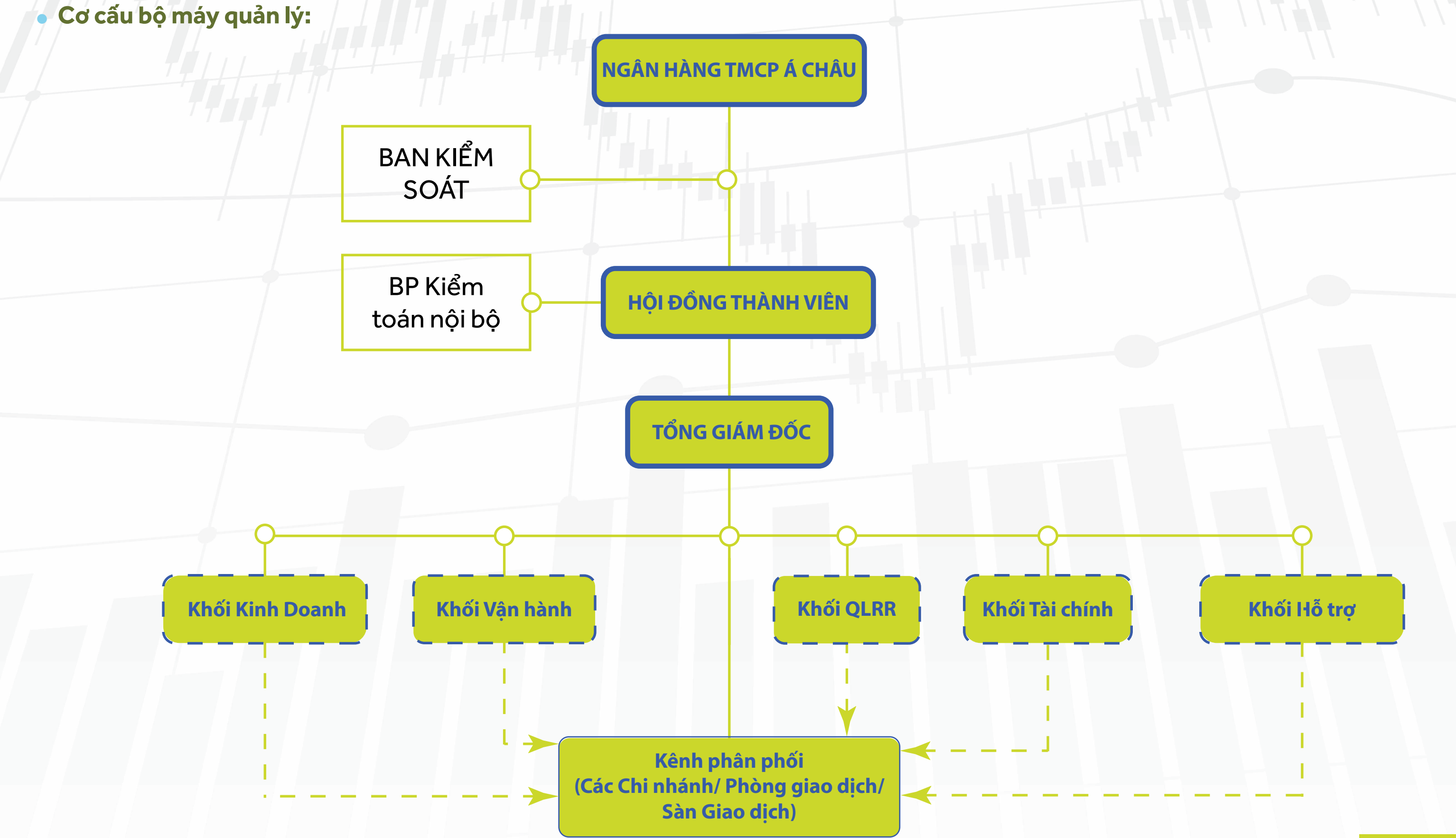
- Hội Sở: Lầu 3, tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3;
- CN Trương Định: Số 107N Trương Định, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3;
- CN Mạc Đĩnh Chi: Số 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1;
- CN Cách Mạng Tháng 8: Số 197A-197B -197C-197/1 Cách Mạng Tháng Tám Phường 4, Quận 3;
- CN Chợ Lớn: Số 321-323 Trần Phú, Phường 8, Quận 5;
- PGD Nguyễn Thị Minh Khai: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3;

Số 111 Hoàng Hoa Thám (Lầu 2 Lô A3-A8), Phường 2, TP. Vũng Tàu

Số 17-19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Tân An, TP. Cần Thơ

1.3.Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

• **Mô hình quản trị:**
ACBS hoạt động với mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, với 100% vốn chủ sở hữu từ Ngân hàng TMCP Á Châu. Người đại diện pháp luật là Ông Đỗ Minh Toàn - Chủ tịch Hội đồng Thành viên.



- **Các công ty con, công ty liên kết**

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC), là công ty con với 100% vốn từ Công ty TNHH Chứng khoán ACB. ACBC được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008 với những chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Thành lập và quản lý các Quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quản lý các danh mục đầu tư cho các tổ chức và cá nhân;
- Huy động và quản lý các quỹ đầu tư nước ngoài có mục tiêu đầu tư vào Việt Nam;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.4. Định hướng phát triển

- **Các mục tiêu trọng yếu tại ACBS**

Năm 2023, ACBS có kế hoạch đưa ra thị trường một số sản phẩm tài chính mới, nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu đa dạng không chỉ của nhà đầu tư hiện hữu mà còn thu hút các nhà đầu tư mới, và quan trọng là khẳng định lại vị thế của một trong những công ty thành lập cùng lúc với thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hạ tầng giao dịch và công nghệ thông tin là một phần không thể thiếu đối với một công ty chứng khoán hàng đầu. Hiểu được điều này, ACBS vẫn đang tiếp tục nâng cấp, cải thiện hạ tầng công nghệ, đưa ra những sản phẩm công nghệ tân tiến đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Tiếp nối sự nâng cấp thành công của trang thông tin điện tử ACBS, trang giao dịch trực tuyến mới sẽ được công bố trong năm 2023, đa tiện ích, thân thiện, dễ sử dụng, và hiệu quả,

giúp các nhà đầu tư luôn tiếp cận được với thông tin được cập nhật liên tục trên thị trường, để đưa ra được quyết định đầu tư hiệu quả và kịp lúc. Đội ngũ nhân viên có trình độ cao là nền tảng giúp ACBS giữ vững và nâng cao vị thế. Do đó, ACBS sẽ không ngừng đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên hiện có, cũng như mở rộng đội ngũ nhân viên nhằm nâng cao dịch vụ đến khách hàng.



• **Kế hoạch phát triển**

Với mục tiêu giữ ACBS ổn định và phát triển thị phần đạt 3.2% trong thời gian tới, Khối Kinh Doanh sẽ đẩy mạnh việc thực hiện các hoạt động:

☉ **Đẩy mạnh phát triển sản phẩm**

- _Xây dựng lại và hoàn thiện nhân sự cho việc phát triển sản phẩm.
- _Cải tiến sản phẩm hiện hữu để tối ưu hiệu quả kinh doanh.
- _Phối hợp với ngân hàng mẹ để phát triển khách hàng thông qua các chương trình bán chéo sản phẩm.
- _Cải tiến các dịch vụ hỗ trợ khách hàng tự động hóa toàn bộ quy trình mở tài khoản online.
- _Duy trì và phát triển đội ngũ kinh doanh
- _Điều chỉnh chính sách Môi giới: giữ được nhân sự có năng lực, thu hút được nhân sự có kinh nghiệm.
- _Mở rộng đội ngũ: tuyển dụng thêm Giám đốc kinh doanh; xây dựng đơn vị kinh doanh KH trực tuyến.
- _Tăng cường kiểm tra, đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng tư vấn, phục vụ khách hàng.
- _Tăng tương tác giữa Môi giới và Khách hàng: có công cụ để nhân viên môi giới tương tác với khách hàng nhiều hơn, phục vụ được nhiều đối tượng nhà đầu tư.



📌 Tăng cường hợp tác

Xây dựng chính sách, hệ thống quản lý và đội ngũ giới thiệu khách hàng tiềm năng, bán chéo sản phẩm thông qua các Ngân hàng, Công ty tài chính, Công ty bất động sản, Công ty bảo hiểm



**ỔN ĐỊNH,
XÂY DỰNG
& PHÁT
TRIỂN
ĐỘI NGŨ
NHÂN SỰ**

- _ Mở rộng và phát triển đội ngũ nhân sự.
- _ Xem xét, điều chỉnh chính sách nhằm thu hút nhân sự có năng lực và kinh nghiệm.
- _ Tổ chức hướng dẫn, đào tạo cho đội ngũ nhân sự mới để đảm bảo chất lượng tư vấn.
- _ Chuẩn hóa, hoàn thiện các quy trình
- _ Hoàn thiện, cập nhật các quy trình tư vấn phù hợp với các quy định mới.
- _ Phối hợp với các Phòng ban để chuẩn hóa các quy trình hiện hành liên quan đến sản phẩm chứng quyền

KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG

- _ Tăng cường phối hợp với Kênh phân phối để tạo sự kết nối và giới thiệu khách hàng sử dụng dịch vụ, tăng cường nhận diện thương hiệu.
- _ Thúc đẩy mối quan hệ với các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng để gia tăng dịch vụ tư vấn phát hành các sản phẩm mới của ACBS.
- _ Xây dựng và duy trì các mối quan hệ từ khách hàng hiện hữu để tạo dựng niềm tin cho khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ và phát triển thêm các khách hàng mới; phát triển khách hàng từ các mối quan hệ cá nhân và nội bộ ACBS.





1.5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

- **Môi trường quản lý rủi ro 2023**

Thế giới vừa trải qua 2 năm (2020-2021) chiến đấu với dịch Covid-19, kéo theo sau đó là sự khó khăn về kinh tế hậu dịch bệnh. Từ 2022, môi trường kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước đã và đang tạo ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Kinh tế tăng trưởng chậm lại, kéo theo sự sụt giảm doanh thu của các doanh nghiệp. Áp lực chi phí gia tăng, trong đó phải kể đến sự gia tăng của chi phí lãi vay trong môi trường lãi suất tăng hiện nay. Trong điều kiện phải đối mặt với các rủi ro về thiên tai dịch bệnh luôn thường trực, không lường trước, cũng như yếu tố kinh tế vĩ mô nhiều biến động như trên, ACBS định hướng sẽ tiếp tục nâng cao vai trò của quản lý rủi ro để đảm bảo các hoạt động của công ty luôn hiệu quả và đạt được các mục tiêu đã đề ra trong năm 2023.

- **Mô hình quản lý rủi ro tại ACBS**

ACBS đã và sẽ tiếp tục áp dụng chính sách, quy trình quản lý rủi ro chặt chẽ, từ khâu nhận diện đến việc đánh giá, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro. ACBS sử dụng mô hình 3 tuyến bảo vệ trong quản lý rủi ro để đảm bảo hoạt động kinh doanh được an toàn và hiệu quả, trong đó:

Tuyến bảo vệ thứ nhất được thực hiện ngay tại đơn vị kinh doanh, đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị tạo ra và thực hiện các quyết định có rủi ro. Tuyến bảo vệ thứ nhất có trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong các quy trình hoạt động, kinh doanh tại đơn vị.

Tuyến bảo vệ thứ hai được thực hiện bởi các đơn vị có chức năng quản lý rủi ro, giảm thiểu rủi ro bao gồm Phòng Quản lý rủi ro và Phòng Pháp chế. Các đơn vị này có trách nhiệm xây dựng các chính sách quản lý rủi ro, các công cụ đo lường, ước lượng rủi ro, các công cụ đánh giá rủi ro, giám sát tuyến bảo vệ thứ nhất trong việc nhận dạng, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, nhằm đảm bảo việc thực thi hiệu quả quản lý rủi ro tại ACBS.

Tuyến bảo vệ thứ ba bao gồm Phòng Kiểm soát nội bộ và Bộ phận Kiểm toán nội bộ, 2 đơn vị này có trách nhiệm kiểm soát/kiểm toán nội bộ để đảm bảo các hoạt động của tuyến thứ nhất và tuyến thứ hai hiệu quả theo quy định của pháp luật và của nội bộ ACBS.

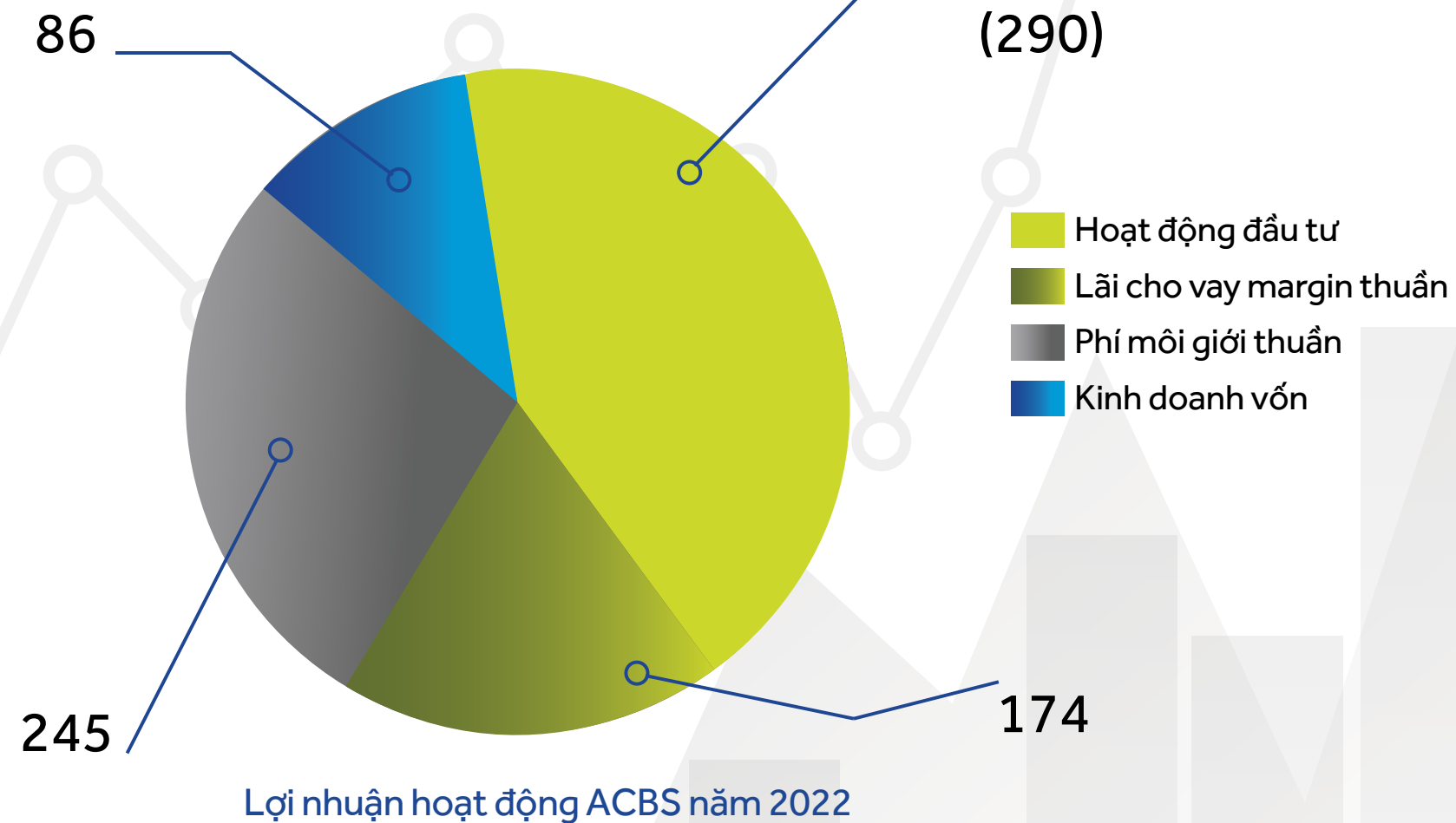
Chính sách quản lý rủi ro tại ACBS được thực hiện xuyên suốt từ Hội đồng Thành viên, Hội đồng quản lý rủi ro, Ban điều hành và toàn thể phòng/ban, nhân viên của Công ty



PHẦN 2 : TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022, ACBS đạt lợi nhuận trước thuế là 97.8 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận hoạt động ACBS đạt 214.8 tỷ đồng giảm -71% so với cùng kỳ, chi tiết như sau:



Hoạt động đầu tư giảm 193% so với cùng kỳ, năm 2021 lãi 312 tỷ đồng. Chủ yếu giảm về bán và đánh giá lại cổ phiếu giảm 201% so với năm 2021 lãi 336.8 tỷ đồng.

Lãi cho vay ký quỹ (margin) thuần đạt 174 tỷ đồng tăng nhẹ 12% so với năm 2021 (155 tỷ đồng). Tuy ảnh hưởng bất lợi từ thị trường nhưng lãi cho vay margin thuần vẫn tăng nhẹ 12% so với năm 2021 và không phát sinh dư nợ xấu là điểm sáng trong năm 2022.

Phí môi giới thuần đạt 245 tỷ đồng tăng nhẹ 11% so với năm 2021 (220 tỷ đồng). Tuy thị trường chứng khoán Việt Nam giảm 32,8% và kết thúc năm với chỉ số VN-Index đạt 1,007.1 điểm. Thanh khoản trên thị trường chứng khoán cũng giảm mạnh từ mức bình quân 24,203.6 tỷ đồng/ phiên trong quý 1/2022, thanh khoản giảm 57.2% và chỉ đạt bình quân 10,351.4 tỷ đồng/phiên trong quý 4/2022, nhưng phí môi giới thuần vẫn tăng so với cùng kỳ là điểm tích cực trong bối cảnh năm 2022.

Hoạt động kinh doanh vốn đạt 86 tỷ đồng tăng 41% so với cùng kỳ, trong khi năm 2021 đạt 61 tỷ đồng.

2.2. Tổ chức và nhân sự

a) Thông tin Hội đồng Thành viên (HĐTV)

Hội đồng Thành viên gồm có:



Ông Đỗ Minh Toàn
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Ông Đỗ Minh Toàn được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ tháng 06/2022. Hiện ông còn đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng đầu tư, Chủ tịch Hội đồng nhân sự và lương thưởng tại ACBS. Ông Đỗ Minh Toàn gia nhập ACB từ năm 1995 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng, chủ chốt trong Tập đoàn. Năm 2012, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng ACB và đảm nhiệm vị trí này trong 3 nhiệm kỳ liên tiếp (9 năm). Ông Toàn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ và là Cử nhân ngành Ngân hàng Trường Cao Cấp Ngân hàng TP.HCM (nay là Đại học Ngân hàng TP.HCM). Ông cũng là Cử nhân Quản trị Ngoại thương Trường Đại học Kinh tế TP.HCM và Cử nhân Luật Trường Đại học Luật TP.HCM.

Ông Nguyễn Thành Long là thành viên Hội đồng Thành viên ACBS nhiệm kỳ 2018-2023.

Tại ACB, ngoài chức danh chính là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Thành Long còn là Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro, thành viên Ủy ban Nhân sự và Ủy ban đầu tư ACB. Ông từng giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt tại Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Ngân hàng Eximbank, Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt. Ông Nguyễn Thành Long chính thức gia nhập tập đoàn ACB từ năm 2012 và là thành viên của Hội đồng Thành viên ACBS từ 08/2018.



Ông Nguyễn Thành Long
Thành viên



Ông Huỳnh Duy Sang
Thành viên

Được bổ nhiệm vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS nhiệm kỳ 2018-2023 từ tháng 6/2022, trước đó, ông Nguyễn Đức Thái Hân từng giữ vai trò Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS. Hiện ông còn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng ALCO tại ACBS. Ông Nguyễn Đức Thái Hân tốt nghiệp Cử nhân khoa học, ngành vật lý lý thuyết, Trường Đại học Tổng hợp TP.HCM. Năm 1994, ông tham gia công tác tại ACB và kiêm nhiệm qua các vị trí Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu và phát triển, Phó Trưởng Phòng Tín dụng, Trưởng Phòng Kinh doanh tiền tệ, Trưởng Phòng Kinh doanh vốn, Trưởng Phòng Kinh doanh ngoại hối.

Từ năm 2008, ông Hân đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc ACB. Tại ACB, ông đồng thời được phân công chỉ đạo hoạt động của Khối Thị trường Tài chính và Phó Chủ tịch ALCO.



Ông Nguyễn Đức Thái Hân
Phó Chủ tịch Hội đồng
Thành viên

Ông Sang được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Thành viên ACBS nhiệm kỳ 2018-2023 vào tháng 06/2022. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Tài chính ACBS kể từ tháng 02/2020 đến tháng 12/2022.

Khởi đầu từ tháng 11/2006 với vị trí Chuyên viên kinh doanh ngoại hối/ vàng tại ACB. Trong suốt thời gian công tác tại ACB, ông đã nắm giữ các vị trí quản lý tại tập đoàn, bao gồm Phó giám đốc Trung tâm giao dịch vàng; Giám đốc dự án quản lý kinh doanh Ngân quỹ; Phó phòng kinh doanh ngoại hối và vàng; Trưởng phòng kinh doanh ngoại hối và vàng. Ông Sang tốt nghiệp xuất sắc chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính ngân hàng của Đại học Paris Dauphine & ESCP Europe, hiện tại ông cũng đang là thành viên chính thức của Hiệp hội CFA thuộc biên chế Singapore Society trực thuộc CFA Institute US. Ông Sang cũng đã từng tham gia giảng dạy với tư cách là giáo viên thỉnh giảng tại trường đại học Kinh tế tài chính (2012-2016) và Học viện IBM cho chương trình đào tạo MBA của đại học UBIS – Thụy Sĩ (2017-2020). Ông Sang hiện là Giám đốc Khối Thị trường tài chính tại Ngân hàng TMCP Á Châu.

b) Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hoàn đã có 20 năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính Việt Nam và quốc tế. Ông từng giữ những chức vụ quan trọng như Tổng giám đốc và Thành viên Hội đồng Thành viên của các công ty như Công ty cổ phần quỹ Tín Phát, Công ty Chứng khoán KB và Công ty Cổ phần Chứng khoán HD.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Đại học Leicester và Thạc sĩ Khoa học Tài chính Quốc tế (MSc in Finance) tại Đại học Westminster của Vương quốc Anh.

Với những chuyên môn được rèn giũa tại nước ngoài, ông Hoàn đã có những đóng góp quan trọng khi làm việc tại Ngân hàng Barclays tại Luân Đôn và Ngân hàng Định chế thuộc Ngân hàng MSB.

Ông Nguyễn Đức Hoàn được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc ACBS từ ngày 22/06/2022. Ông ưu tiên hàng đầu là kiểm soát rủi ro, từ việc nhận diện đến xây dựng các hệ thống ngăn chặn để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được giao



Ông Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám Đốc

Ông Hoàng Công Nguyên Vũ được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc ACBS từ ngày 03/10/2022. Tham gia Ban Tổng giám đốc, ông Vũ trực tiếp quản lý và điều hành Khối vận hành với mục tiêu đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin và các quy trình nghiệp vụ vận hành chứng khoán tại ACBS được an toàn và liền mạch.

Ông Vũ đã có hơn 18 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán với gần 13 năm giữ vai trò quản lý cấp cao, trong đó 9 năm ông tham gia Ban điều hành tại 5 công ty chứng khoán khác nhau. Ngoài ra ông từng có kinh nghiệm làm việc tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán CN TP.HCM (VSD) với nhiệm vụ quản lý, phát triển hệ thống và đào tạo quy trình thanh toán giao dịch cho các công ty chứng khoán thành viên.

Ông Vũ tốt nghiệp Cử nhân Công nghệ thông tin của Đại học Khoa học Tự nhiên TPHCM.



Ông Hoàng Công Nguyên Vũ
Phó Tổng Giám Đốc

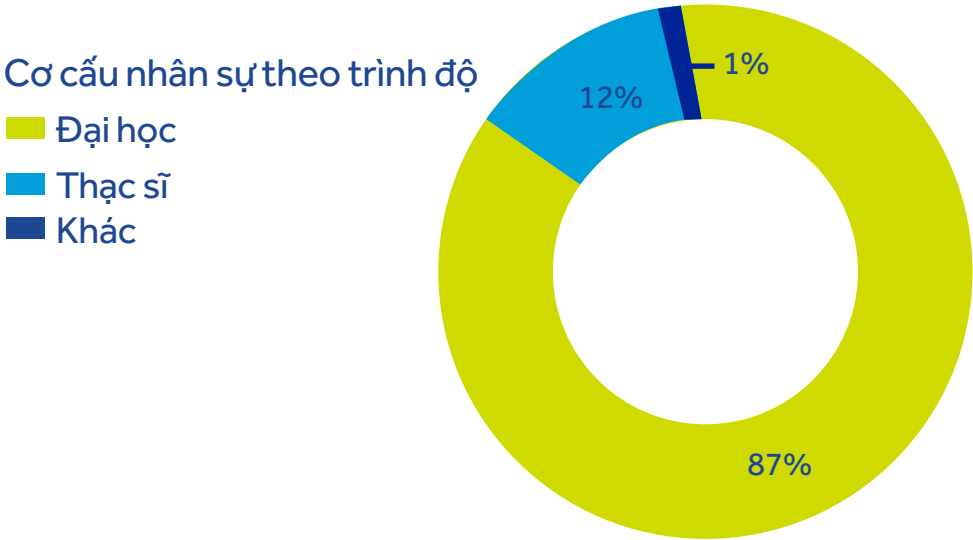
c) Những thay đổi trong ban điều hành

Tháng 04/2022, Ông Trịnh Thanh Cần từ nhiệm vị trí Tổng giám đốc ACBS.

Đến tháng 06/2022, Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu thông qua Quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Hoàn vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Tháng 10/2022, Chủ tịch Hội đồng Thành viên chính thức bổ nhiệm ông Hoàng Công Nguyên Vũ đảm nhiệm vị trí Phó tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS).

d) Số lượng cán bộ, nhân viên:



Tính đến ngày 31/12/2022, ACBS đạt quy mô nhân sự gần 400 nhân viên, trong đó nhân sự đạt trình độ đại học và trên đại học chiếm 98% và hơn 200 nhân sự có Chứng chỉ hành nghề.

e) Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Chính sách và hoạt động đãi ngộ người lao động

ACBS xây dựng chính sách lương thưởng có tính cạnh tranh trên cơ sở khảo sát lương của thị trường lao động, căn cứ trên các tiêu chí công bằng, minh bạch tương xứng với kết quả và chất lượng công việc.

Thu nhập của nhân viên được xác định theo kết quả hoàn thành công việc của ACBS, đơn vị và cá nhân. ACBS đã xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá thành tích công việc nhân viên (BSC) nhằm

đảm bảo người lao động xác định được mức kỳ vọng đối với công việc được giao cũng như biết được mức khen thưởng tương xứng nhằm tạo động lực, khuyến khích trực tiếp đến từng cá nhân.

ACBS tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo hiểm đối với người lao động. Tất cả nhân viên chính thức của ACBS đều được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Bên cạnh đó, nhân viên ACBS còn được tham gia nhiều chế độ đãi ngộ như: tiền ăn giữa ca, chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện, chương trình hỗ trợ bảo hiểm sức khỏe cho người thân, bảo hiểm tai nạn con người 24/24, chương trình cho vay lãi suất ưu đãi, sinh nhật, hiếu hỉ v.v.

ACBS còn nâng cao tinh thần làm việc và vui chơi giải trí cho nhân viên thông qua các chương trình gắn kết đội nhóm (team building), sinh nhật công ty, giải bóng đá, chạy bộ, tiệc 8-3, tiệc tất niên vinh danh nhân viên xuất sắc, v.v.



Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn của người lao động

ACBS vẫn duy trì và tuân thủ công tác phòng chống dịch Covid-19. Tại nơi làm việc đều trang bị đầy đủ máy đo thân nhiệt, nước rửa tay, bộ kit xét nghiệm nhanh...Đồng thời thường xuyên truyền thông đến các nhân viên thông tin, hướng dẫn phòng chống dịch Covid - 19.

ACBS tiếp tục duy trì hoạt động kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể nhân viên, lãnh đạo.

Chính sách và hoạt động tuyển dụng người lao động

Chính sách tuyển dụng của ACBS tập trung vào việc thu hút nhân tài, tạo điều kiện cho người tài phát triển, phát huy năng lực làm chủ sự nghiệp của từng cá nhân. Mối quan hệ giữa ACBS với ứng viên được xây dựng trên nguyên tắc hợp tác vì mục tiêu chung của tổ chức và sự phát triển sự nghiệp của ứng viên.

ACBS là cầu nối tích cực cho các hoạt động giáo dục của các trường Đại học, giúp các sinh viên có cơ hội học tập và trải nghiệm

môi trường làm việc thực tế tại ACBS. Nhờ đó, đội ngũ nhân viên của ACBS ngày càng có nhiều các bạn trẻ đam mê tài chính, chứng khoán đến thực tập và công tác lâu dài với công ty.

ACBS luôn đảm bảo cơ hội tuyển dụng công bằng cho mọi đối tượng từ những sinh viên mới ra trường đến các ứng viên có nhiều năm kinh nghiệm làm việc.

Chính sách và hoạt động đào tạo người lao động

Đối với ACBS, đội ngũ nhân sự là tài sản quý giá vì vậy các chính sách và hoạt động đào tạo luôn được chú trọng để đảm bảo những thành viên đều được học tập, trau dồi thêm nhiều kiến thức mới để giúp nhân viên hoàn thiện năng lực cho công việc hiện tại và phát triển sự nghiệp trong tương lai.

Chương trình học tập được đa dạng hóa về hình thức truyền tải và nội dung được thể hiện thông qua các chương trình workshop, e-learning... ACBS khuyến khích tinh thần học tập chủ động và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cá nhân, tập thể nhằm lan tỏa sự tiến bộ trong tổ chức, đến cộng đồng, và khách hàng của ACBS.

Chính sách và hoạt động phát triển người lao động

Chính sách phát triển nhân sự của ACBS chú trọng đến chất lượng, khả năng thích ứng và đổi mới của nguồn nhân lực để đảm bảo nguồn nhân lực có năng lực hoàn thành tốt công việc được giao.

Thúc đẩy cấp quản lý hoàn thành kế hoạch kinh doanh, cải thiện năng lực huấn luyện và phát triển đội ngũ tại đơn vị, và sẵn sàng tham gia học tập kiến thức mới.

Năm 2022, ACBS đã xây dựng định hướng phát triển mới thông qua việc xây dựng chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hệ thống chức danh theo sơ đồ tổ chức mới.

Xây dựng văn phòng làm việc mô hình mở, bố trí nhiều cây xanh với trang thiết bị hiện đại tạo không gian làm việc thuận lợi, mang đến sự thoải mái và tăng nguồn cảm hứng làm việc cho nhân viên hơn.



2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Khác với khi thị trường cực kỳ thuận lợi trong năm 2021 với dòng tiền mạnh giá rẻ và nhu cầu giải ngân đầu tư cao, thị trường chứng khoán năm 2022 đối mặt liên tiếp các ảnh hưởng xấu từ địa chính trị thế giới, Việt Nam, nền kinh tế suy giảm dần và những sự kiện ảnh hưởng đến dòng vốn. Cũng chính vì xu thế đó mà quy mô đầu tư của ACBS đã phải liên tục giảm dần để giảm ảnh hưởng lợi nhuận đến công ty cũng như phòng tránh những biến cố bất ngờ có thể xảy ra làm xấu đi niềm tin đầu tư của thị trường. Đến cuối năm 2022, các khoản đầu tư lớn đã giảm mạnh rất nhiều về quy mô để giành vốn chờ cơ hội giải ngân trở lại.

Song song, các đợt phát hành Chứng quyền có đảm bảo (Covered Warrants) cũng mang tính phòng thủ và tích trữ tài sản hơn với những cổ phiếu đầu tư chất lượng tốt hơn dành cho khách hàng trú bão chờ cơ hội giải ngân cổ phiếu cơ sở giống như Tự doanh. Tuy thị trường chứng quyền trải qua một năm nhiều biến động do ảnh hưởng từ thị trường chứng khoán cơ sở, các mã chứng quyền có đảm bảo được phát hành bởi ACBS luôn nằm trong nhóm có thanh khoản tốt, được nhà đầu tư ưa chuộng. ACBS thuộc top các tổ chức phát hành có thị phần theo giá trị giao dịch cao, chiếm tỷ lệ xấp xỉ 20%.



b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC) là công ty con của ACBS được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Năm 2022 là năm có nhiều biến động đối với thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, ACBC vẫn linh hoạt cùng diễn biến thị trường để khai thác hiệu quả sinh lời ngắn hạn nhưng vẫn bám sát chiến lược đầu tư, đảm bảo quản trị rủi ro, tập trung vào các giá trị tốt nhất mang lại cho khách hàng, bao gồm hiệu quả đầu tư tối ưu, bền vững trong dài hạn. Kết thúc năm 2022, hoạt động của ACBC đạt kết quả như sau:

- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2,61 tỷ đồng
- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (31/12/2022): 534%

Trong năm 2023 ACBC tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý tài sản cho khách hàng hiện hữu, đồng thời quản lý có hiệu quả Quỹ thành viên ACB50 nhằm đem lại giá trị tối ưu cho khách hàng. ACBC tiếp tục nghiên cứu, thiết kế và quản lý các quỹ đầu tư mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng.

2.4.Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Năm 2021	Năm 2022	%tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	7,608	5,650	-26%
Doanh thu thuần	1,714	1,393	-19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh*	749	215	-71%
Lợi nhuận khác	4	3	-30%
Lợi nhuận trước thuế	671	98	-85%

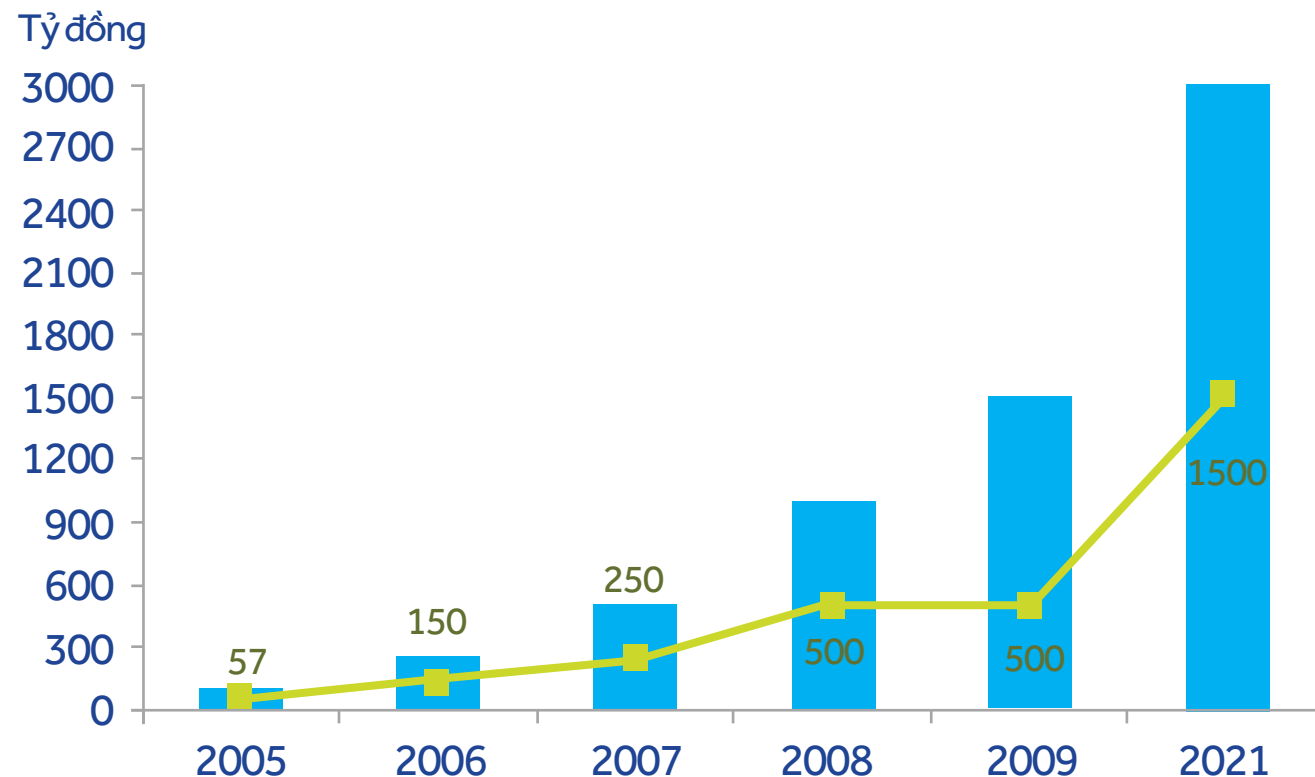
Lợi nhuận sau thuế	541	78	-86%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

* Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh = Doanh thu hoạt động (Mã số 20) - Chi phí hoạt động (Mã số 40) trên báo cáo tài chính hợp nhất.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.1	3.7	
+Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn/Nợ ngắn hạn	-	-	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.5	0.3	
+Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.9	0.4	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.2	0.2	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.3	0.1	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.1	0.02	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.1	0.01	
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0.4	0.2	

2.5. Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

• Tác động lên môi trường và tiêu thụ năng lượng:

Hàng năm, ACBS đều xây dựng kế hoạch chi tiết về việc tiêu thụ và sử dụng năng lượng nhằm giám sát chặt chẽ chi phí sử dụng năng lượng để tránh lãng phí và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Năm 2022, ACBS không ghi nhận trường hợp nào liên quan đến vi phạm luật về bảo vệ môi trường.

• Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Năm 2022, ACBS dành ngân sách ủng hộ và truyền thông, khuyến khích người lao động tham gia các hoạt động xã hội vì cộng đồng như: chương trình "Đi bộ vì nạn nhân chất độc da cam/dioxin" của Sở Lao động thương binh và Xã hội, chương trình hiến máu nhân đạo.

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô không mấy sáng sủa, thị trường chứng khoán bị nhiều tác động tiêu cực. Hết năm 2022, VN-Index đã giảm từ 1485,6 điểm xuống còn 1007 điểm, tương ứng với mức giảm 33%. Thanh khoản cũng đã giảm mạnh xuống với giá trị giao dịch trung bình ngày xuống còn 17 nghìn tỷ đồng giảm 21% so với bình quân phiên năm 2021. Với bối cảnh chung như vậy, KQKD của các công ty chứng khoán nhìn chung đã suy giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước và ACBS cũng không phải là ngoại lệ.

Doanh thu của ACBS giảm 19%, đạt 1.392 tỷ đồng chủ yếu do doanh thu từ mảng tự doanh suy giảm mạnh 39%. Thêm vào đó, mảng doanh thu nghiệp vụ môi giới cũng sụt giảm 13%. Điểm sáng trong bức tranh KQKD của ACBS là doanh thu mảng cho vay tăng 3%. Trong khi đó, chi phí hoạt động tăng 22%, mạnh nhất là ở mảng tự doanh (+76%) dẫn đến LNST của công ty sụt giảm đến 86% so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 78 tỷ đồng.

Có thể nói năm 2022 là một năm hoàn toàn trái ngược với năm 2021. Nếu như năm 2021, mảng tự doanh là điểm sáng giúp cho ACBS ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận vượt bậc thì năm 2022 mảng tự doanh lại là nguyên tố chính làm cho lợi nhuận công ty sụt giảm trầm trọng. Tuy vậy, so với mặt bằng chung VN-Index đã giảm 33% so với đầu năm thì đến hết 2022, danh mục tự doanh của ACBS chỉ ghi nhận mức giảm 15% dù tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục luôn ở mức cao. So với hiệu quả hoạt động của một số quỹ lớn trên thị trường thì mức giảm 15% cũng thuộc nhóm hiệu suất khá tốt trong năm nay.

3.2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản ACBS năm 2022 đạt 5.649 tỷ đồng giảm -25% so với năm 2021 (7.608 tỷ đồng) trong đó:

- Tài sản ngắn hạn năm 2022 đạt 5.459 tỷ đồng giảm 27% so với năm 2021 (7.517 tỷ đồng), chủ yếu:

_ Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) năm 2022 đạt 489 tỷ đồng giảm 32% so với năm 2021 (716 tỷ đồng).

_ Các khoản cho vay năm 2022 đạt 2.048 tỷ đồng giảm 57% so với năm 2021 do ảnh hưởng về thanh khoản giảm, biến động của thị trường chứng khoán, chính sách cho vay. Tuy có sự giảm mạnh về dư nợ ký quỹ nhưng công ty đã không phát sinh dư nợ xấu trong năm 2022.

- Tài sản dài hạn đạt 190,8 tỷ đồng tăng 111% so với năm 2021 (90,5 tỷ đồng), chủ yếu:

_ Tài sản tài chính dài hạn năm 2022 đạt 61,9 tỷ đồng.

_ Tài sản cố định năm 2022 đạt 75,8 tỷ đồng tăng 68% so với năm 2021 (45 tỷ đồng) chủ yếu đầu tư vào các thiết bị và phần mềm công nghệ thông tin nhằm nâng cao trải nghiệm cho khách hàng khi dùng App/Web của ACBS.

- Trong năm 2022, ACBS không phát sinh dư nợ xấu nên không ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả ACBS năm 2022 là 1.477 tỷ đồng giảm 58% so với năm 2021 (3.514 tỷ đồng), chủ yếu giảm vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành 1.898 tỷ đồng.

ACBS không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn trong năm 2022.



3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2022, ACBS đã có sự bổ sung nhân sự đáng kể trong đội ngũ Ban Điều Hành và Hội đồng Thành viên. Ngoài ra Ngân hàng mẹ (Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB) cũng đã phê duyệt và ban hành Quy định sửa đổi và bổ sung về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của ACBS gồm 04 hội đồng, 05 Khối phòng ban thuộc Hội Sở và hệ thống Kênh Phân phối nhằm tăng hiệu quả quản lý và hướng đến chiến lược phát triển lâu dài. Song song với đó, ACBS liên tục thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm rất nhiều vị trí Trưởng đơn vị, trưởng bộ phận theo sơ đồ tổ chức mới.

Với những dự án trọng điểm của bộ phận vận hành như KRX, Giao dịch thuật toán (Algo Trading), Mobile Trading, Web Trading... ACBS đã thành lập những ban dự án chuyên trách tập hợp nhân sự từ nhiều phòng ban nhằm tối ưu hoá nguồn lực. Ngoài ra, Công ty cũng không ngừng rà soát để nâng cấp và ban hành mới hàng loạt Quy chế và Quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp giữa các bộ phận nhằm tối ưu hoá hiệu quả kinh doanh và ứng dụng công nghệ vào quy trình quản lý đội ngũ nhân sự.

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

ACBS đã lên kế hoạch phát triển hệ thống công nghệ thông tin gồm hơn 10 dự án lớn sẽ được triển khai trong thời gian tới. Để phát huy lợi thế của Ngân hàng ACB, ACBS sẽ tiếp tục phát triển và hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật như cổng giao tiếp thanh toán (Payment hub), công cụ mở tài khoản trực tuyến để cung cấp đầy đủ tính năng cần thiết và tiện dụng, phục vụ cho nhu cầu giao dịch chứng khoán ngay trên ứng dụng của ACB. Ngoài ra, sau khi đưa vào sử dụng, hệ thống giao dịch web nhúng cũng cho phép ACBS kết nối thêm với những đối tác khác nhau để tiếp cận nhiều đối tượng khách hàng hơn.

Nhằm đáp ứng cho việc thay đổi core giao dịch và thanh toán của các Sở giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cũng như chuẩn bị cho những sự phát triển trong tương lai của thị trường, ACBS đã và đang liên tục thực hiện việc





nâng cấp, chỉnh sửa, bổ sung tính năng và đưa vào kế hoạch khảo sát thay thế hệ thống core hiện tại vào một thời điểm phù hợp.

Về việc tăng khả năng hoạt động liên tục (BCP), ACBS cũng sẽ xây dựng trung tâm dự phòng (DR site) trong thời gian tới.

3.5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có ý kiến.

3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong quá trình vận hành, ACBS xác định sử dụng nguồn năng lượng hợp lý sẽ giúp giảm thiểu tác động môi trường, đồng thời tránh lãng phí chi phí vận hành công ty. Một số biện pháp được áp dụng tại ACBS như sau: theo dõi và có chế độ bảo trì máy móc thiết bị và hệ thống điều hòa, có kế hoạch vệ sinh định kỳ thiết bị, giám sát chỉ số sử dụng điện, nước một cách hợp lý theo nhu cầu sử dụng, triển khai lưu trữ giao dịch chứng từ điện tử thay chứng từ giấy.

Các hoạt động của ACBS phần lớn đều chú trọng cho các việc liên quan đến môi trường sống, như ấn phẩm, quà tặng của công ty đều sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường; thay đổi mô hình mới các văn phòng theo nhận dạng thương hiệu “GREEN MOUNTAIN – NGỌN NÚI XANH” nhằm định hướng phát triển bền vững của công ty cùng với ý thức và hành động bảo vệ môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

ACBS tuân thủ các quy định, luật định liên quan đến người lao động. Với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, ACBS không ngừng xây dựng môi trường làm việc hiện đại, khuyến khích sự chia sẻ kinh nghiệm, các ý tưởng mới và tinh thần học hỏi lẫn nhau nhằm tạo động lực tốt cho người lao động nỗ lực làm việc, phát triển bản thân và gắn bó lâu dài với Công ty.

c) **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

ACBS cam kết thực thi trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với môi trường và cộng đồng/địa phương cần hỗ trợ với các mục tiêu chính là giảm thiểu lượng rác thải nhựa, giấy in, v.v

Tinh thần bảo vệ môi trường của người ACBS luôn được nuôi dưỡng để trở thành một nét văn hóa. Các ấn phẩm, quà tặng v.v gửi đến đối tác, khách hàng đều sử dụng các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường nhằm lan tỏa hành động chung tay bảo vệ màu xanh của trái đất.

Tổ chức hoạt động hiến máu nhân đạo, một hành động thể hiện sự chia sẻ của những nhân viên ACBS giúp đỡ những người bệnh đang cần máu để điều trị cũng như duy trì sự sống.

PHẦN 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



*Ông Đỗ Minh Toàn
Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS*

4.1.Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2022

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới năm 2022 trải qua nhiều khó khăn, bất ổn, trong đó chính sách Zero-Covid của Trung Quốc và cuộc chiến giữa Nga và Ukraine đã gây ra nhiều hệ lụy trên bình diện toàn cầu. Ngoài ra, các cuộc chiến tranh lạnh giữa Mỹ, Trung Quốc và Nga cũng đã dẫn tới xung đột trong các lĩnh vực công nghệ, nhân lực, thương phẩm. Thế giới đã hứng chịu hậu quả của việc cấm vận hàng hóa, thoái vốn đầu tư, thay đổi nguồn cung ứng. Tất cả các yếu tố trên đã đẩy lạm phát gia tăng mạnh trong năm 2022, dẫn tới việc Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã phải tăng lãi suất 07 lần từ mức 0,25% vào đầu năm 2022 lên 4,5% vào cuối 2022 (hiện tại đang là

4,75%), để kiểm soát và đẩy lùi lạm phát. Theo đó, kinh tế Việt Nam cũng đối mặt nhiều khó thách thức, lãi suất gia tăng, lực cầu sụt giảm, doanh thu và lợi nhuận các doanh nghiệp suy yếu.

Với tình hình kinh tế - chính trị năm 2022 nhiều biến động như phân tích ở trên, thị trường chứng khoán nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng đã không tránh khỏi các ảnh hưởng tiêu cực, dẫn tới việc hầu hết các công ty chứng khoán không thể hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2022, trong đó ACBS đạt xấp xỉ 98 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đạt 24% kế hoạch. Điểm sáng trong kết quả kinh doanh của ACBS là thu nhập phí ròng mảng môi giới tăng 12%, thu nhập lãi cho vay margin tăng 4% so với cùng kỳ. Kết quả này tuy chưa đạt kế hoạch do Chủ sở hữu đề ra, nhưng đó là kết quả đáng khích lệ trong một môi trường kinh doanh nhiều sóng gió như năm 2022.

4.2.Đánh giá của Hội đồng Thành viên về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong điều kiện môi trường vĩ mô có nhiều chuyển biến như trên, Hội đồng Thành viên đã đồng hành cùng với Ban điều hành để cải tiến, hoàn thiện hệ thống hoạt động của ACBS. Bằng những nỗ lực trong việc cải tiến sơ đồ tổ chức, sắp xếp lại bộ máy nhân sự, thay đổi hệ thống vận hành theo hướng nhanh chóng hiệu quả, xây dựng và hoàn thiện các khung quản lý rủi ro, ban hành các chính sách, quy định về hoạt động kinh doanh của Công ty, nâng cấp hệ thống giao dịch, từ đó nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ đến các khách hàng của ACBS. Về các hoạt động xã hội, ACBS đã cùng với Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) tham gia chương trình Gắn Lại O với mục tiêu nâng cao ý thức về môi trường sống ít ô nhiễm, giảm thiểu lượng rác thải nhựa, giấy in, phát huy tối đa việc sử dụng các sản phẩm tái chế để từ đó góp phần bảo vệ môi trường chung.

4.3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Thành viên

Trong điều kiện thị trường chứng khoán được đánh giá sẽ tiếp tục đối mặt nhiều khó khăn trong năm 2023 do môi trường lãi suất cao, thanh khoản tín dụng hạn chế, lợi nhuận các doanh nghiệp được dự báo suy giảm, Hội đồng Thành viên định hướng hoạt động kinh doanh ACBS trong năm 2023 như sau:

Đối với các mảng kinh doanh hiện tại, ACBS định hướng:

- _ Mở rộng hoạt động môi giới bán lẻ, hoạt động cho vay margin. Theo đó, ACBS thực hiện đánh giá lại các cổ phiếu được phép giao dịch ký quỹ để mở rộng danh mục cho vay, rà soát lại danh mục khách hàng để cung ứng và phát triển các sản phẩm phù hợp, từ đó gia tăng doanh thu và lợi nhuận của mảng kinh doanh này trong năm 2023;
- _ Tiếp tục đẩy mạnh việc phát hành chứng quyền có bảo đảm ra thị trường với định hướng ACBS sẽ trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trong việc cung ứng các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến CW;
- _ Đối với mảng tự doanh, ACBS tuân thủ chủ trương đầu tư thận trọng, tập trung tận dụng các cơ hội và các nhịp thị trường để gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh trên bình diện toàn Công ty;
- _ Đẩy mạnh hoạt động tư vấn doanh nghiệp, gia tăng quy mô tư vấn và mở rộng tập khách hàng của mảng dịch vụ này;
- _ Cơ cấu lại nguồn vốn Công ty để gia tăng hiệu quả hoạt động vay và gửi tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, từ đó cải thiện doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.



Đối với việc mở rộng thị phần kinh doanh:

ACBS chủ trương đẩy mạnh việc phát triển tập khách hàng mới, trong đó, với lợi thế là công ty con của ACB, ACBS dự kiến sẽ chủ động tiếp cận và phát triển các sản phẩm phục vụ tập khách hàng tiềm năng này, từ đó

mở rộng tập khách hàng của ACBS và gia tăng hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Đối với việc nâng cao chất lượng dịch vụ:

Công ty đẩy mạnh việc sắp xếp lại các kênh phục vụ khách hàng, trong đó phải kể đến sự ra đời của Phòng giao dịch chứng khoán trực tuyến. Đây sẽ là một kênh chăm sóc và gia tăng số lượng khách hàng, đồng thời giúp Công ty khôi phục, kích hoạt lại các khách hàng và tài khoản đã lâu chưa sử dụng các dịch vụ của ACBS.

Với các định hướng kinh doanh nêu trên, Hội đồng Thành viên kỳ vọng ACBS sẽ đạt được các mục tiêu do Chủ sở hữu giao trong năm 2023.

5.1.Hội đồng Thành viên

Hội đồng Thành viên nhiệm kỳ 2018-2023 có 04 thành viên theo quyết định số 4058/TCQĐ-HĐQT.22 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

► Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên

STT	Thành viên	Chức danh
1	Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
2	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Thành Long	Thành viên
4	Huỳnh Duy Sang	Thành viên

► Hoạt động của Hội đồng Thành viên

Trong năm 2022, Hội đồng thành viên đã tổ chức tổng cộng 20 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh. Hội đồng thành viên đã ban hành tổng cộng 15 nghị quyết, 27 quyết định liên quan đến chủ trương, chính sách đối với các hoạt động, tổ chức bộ máy và nhân sự.

Hội đồng thành viên triển khai

các công việc thuộc thẩm quyền thông qua các Hội đồng chuyên môn gồm Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng, Hội đồng ALCO. Nhân sự của mỗi Hội đồng chuyên môn đảm bảo có ít nhất 02 thành viên Hội đồng thành viên tham gia nhằm tăng cường năng lực quản trị, kịp thời đưa ra các đề xuất, chỉ đạo theo từng lĩnh vực; tăng cường khả năng giám sát, đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả trong quá trình hoạt động của ACBS.

Các báo cáo tình hình quản trị công ty định kỳ sáu tháng và cả năm được thực hiện và báo cáo đầy đủ cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

► Danh sách các thành viên Hội đồng Thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty Không áp dụng.

5.2.Ban Kiểm soát

► Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát ACBS nhiệm kỳ

2018-2023 có 01 Kiểm soát viên là ông Huỳnh Hiếu Nghĩa. Ông tham gia vai trò Kiểm soát viên tại ACBS từ năm 2012.

Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa tốt nghiệp Cử nhân Kế toán Trường Cao cấp Ngân hàng TP.HCM và có hơn 23 năm kinh nghiệm công tác trong ngành Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt ông Nghĩa hiện đang đảm trách vị trí Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Á Châu.

► Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động Công ty theo Điều lệ của ACBS, tham dự các buổi họp định kỳ của Hội đồng thành viên.

ACBS duy trì Bộ phận Kiểm toán nội bộ nhằm thực hiện việc kiểm tra, xem xét, đánh giá tính phù hợp, tuân thủ trong quá trình hoạt động của ACBS, kịp thời phát hiện các lỗi phát sinh (nếu có) để kịp thời ngăn chặn và nhanh chóng đưa ra giải

pháp khắc phục, đảm bảo hoạt động cho ACBS an toàn, hiệu quả, đúng quy định.

5.3.Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

► Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của ban điều hành và kiểm soát viên là 8.265.558.670 đồng (Tám tỉ hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm bảy nghìn đồng).

► Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

ACBS tuân thủ các quy định liên quan đến quản trị công ty trong năm 2022.

6.1.Ý kiến kiểm toán

Đã đề cập chi tiết trong báo cáo tài chính

6.2.Báo cáo tài chính



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	0302030508	ngày 29 tháng 6 năm 2000
Đăng ký Kinh doanh số	0302030508	ngày 17 tháng 11 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	06/GPHĐKD	ngày 29 tháng 6 năm 2000
	56/2001/UBCK-QLKD	ngày 21 tháng 9 năm 2001
	71/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	77/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 1 tháng 10 năm 2007
	105/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 14 tháng 1 năm 2008
	464/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 7 năm 2008
	150/UBCK-GP	ngày 4 tháng 9 năm 2008
	271/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2009
	115/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 10 năm 2012
	13/GPĐC-UBCK	ngày 13 tháng 6 năm 2014
	18/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 8 năm 2014
	26/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 7 năm 2017
	45/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 6 năm 2021
	63/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 8 năm 2022
	101/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 10 năm 2022

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Thành viên	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch (từ ngày 30 tháng 6 năm 2022)
	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch (từ ngày 30 tháng 6 năm 2022)
		Chủ tịch (đến ngày 29 tháng 6 năm 2022)
	Ông Nguyễn Thành Long	Thành viên
	Ông Huỳnh Duy Sang	Thành viên
	Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên	Thành viên (đến ngày 9 tháng 10 năm 2022)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Hoàn	Tổng Giám đốc (từ ngày 22 tháng 6 năm 2022)
	Ông Hoàng Công Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 3 tháng 10 năm 2022)
	Ông Trịnh Thanh Cần	Tổng Giám đốc (đến ngày 7 tháng 4 năm 2022)
	Ông Huỳnh Duy Sang	Giám đốc Tài chính (đến ngày 11 tháng 1 năm 2023)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch Hội đồng thành viên (từ ngày 23 tháng 8 năm 2022)
	Ông Nguyễn Đức Thái Hân	Chủ tịch Hội đồng thành viên (đến ngày 22 tháng 8 năm 2022)
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, Số 117 Nguyễn Đình Chiểu Phường Võ Thị Sáu, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Chi nhánh Chợ lớn	321 - 323 Trần Phú Phường 8, Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Chi nhánh Trương Định	107N Trương Định Phường Võ Thị Sáu, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai	442 Nguyễn Thị Minh Khai Phường 5, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Chi nhánh Cách Mạng Tháng 8	197A-197B-197C-197/1 Cách Mạng Tháng Tám Phường 4, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi	Lầu 2, Lầu 3 số 41 Mạc Đĩnh Chi Phường Đa Kao, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội	10 Phan Chu Trinh Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm Thành phố Hà Nội Việt Nam
Chi nhánh Hải Phòng	15 Hoàng Diệu Phường Minh Khai, quận Hồng Bàng Thành phố Hải Phòng Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	218 Bạch Đằng Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng Việt Nam
Chi nhánh Khánh Hòa	80 Quang Trung Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	111 Hoàng Hoa Thám Phường 2, Thành phố Vũng Tàu Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Phường Tân An, Quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là “ACBS”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của ACBS tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của ACBS cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng ACBS sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con ("gọi chung là ACBS"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 2 năm 2023, được trình bày từ trang 7 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 34 của báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất, trong đó có đề cập đến việc thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được điều chỉnh lại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề này.

Vấn đề khác

Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 34 của báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 24 tháng 2 năm 2022.

Như một phần của công việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 34 được áp dụng để điều chỉnh lại thông tin so sánh. Chúng tôi đã không thực hiện thủ tục kiểm toán, soát xét hay bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngoài các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 34. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay bất kỳ hình thức đảm bảo nào đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó xét trên phương diện tổng thể. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 34 là phù hợp và đã được áp dụng một cách phù hợp.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00341-23-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2023

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		5.458.789.423.911	7.517.383.009.494
I Tài sản tài chính (“TSTC”)	110		5.426.933.077.458	7.504.126.167.610
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	576.035.296.481	380.307.579.547
1.1 Tiền	111.1		151.035.296.481	125.307.579.547
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		425.000.000.000	255.000.000.000
2 Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)	112	7(a)	488.694.834.569	715.769.698.944
3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	2.361.393.479.452	1.677.759.480.691
4 Các khoản cho vay	114	7(c)	2.047.936.817.727	4.749.378.943.227
5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	116	8	(116.201.756.693)	(116.201.087.728)
6 Các khoản phải thu	117	9	49.997.396.970	80.503.098.918
6.1 Phải thu từ bán tài sản tài chính	117.1		543.937.000	34.200.561.000
6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC	117.2		49.453.459.970	46.302.537.918
6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		50.000	50.000
6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		49.453.409.970	46.302.487.918
7 Trả trước cho người bán ngắn hạn	118	10	16.253.263.672	8.819.047.078
8 Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	11	3.451.220.747	8.120.733.981
9 Các khoản phải thu khác	122		671.617.513	972.545.732
10 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(1.299.092.980)	(1.303.872.780)
II Tài sản ngắn hạn khác	130		31.856.346.453	13.256.841.884
1 Tạm ứng	131		295.789.728	117.200.140
2 Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	5.520.253.311	5.126.107.138
3 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		44.000.000	-
4 Thuế GTGT được khấu trừ	135		926.623.643	1.029.505.141
5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	23	18.108.548.213	-
6 Tài sản ngắn hạn khác	137	13	6.961.131.558	6.984.029.465

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B01 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200	190.799.517.826	90.505.529.539
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210	61.920.280.000	-
1	Các khoản đầu tư	212	61.920.280.000	-
1.2	Đầu tư khác	212.4	61.920.280.000	-
II	Tài sản cố định	220	75.798.879.992	45.092.121.228
1	Tài sản cố định hữu hình	221	63.614.354.151	38.716.857.889
	Nguyên giá	222	140.690.048.053	109.853.894.672
	Giá trị hao mòn lũy kế	223a	(77.075.693.902)	(71.137.036.783)
2	Tài sản cố định vô hình	227	12.184.525.841	6.375.263.339
	Nguyên giá	228	56.769.643.611	47.998.410.182
	Giá trị hao mòn lũy kế	229a	(44.585.117.770)	(41.623.146.843)
III	Xây dựng cơ bản dở dang	240	2.030.640.000	2.553.768.000
IV	Tài sản dài hạn khác	250	51.049.717.834	42.859.640.311
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	6.937.962.100	6.930.962.100
2	Chi phí trả trước dài hạn	252	9.099.092.677	910.938.157
3	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	20.000.000.000	20.000.000.000
4	Tài sản dài hạn khác	255	15.012.663.057	15.017.740.054
4.1	Tiền nộp Quỹ Bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh	255.1	15.012.663.057	15.017.740.054
	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	5.649.588.941.737	7.607.888.539.033

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND (Phân loại lại)
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		1.477.325.885.489	3.513.557.691.971
I	Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.477.312.885.489	3.513.544.691.971
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	19	1.342.964.000.000	2.741.018.000.000
1.1	Vay ngắn hạn	312		1.342.964.000.000	2.741.018.000.000
2	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	20	-	500.000.000.000
3	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	21	38.909.146.263	81.461.308.834
4	Phải trả người bán	320	22	4.061.971.429	15.046.785.634
5	Người mua trả trước ngắn hạn	321		187.000.000	479.000.000
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	23	16.745.278.519	62.703.932.597
7	Phải trả người lao động	323		29.474.369.763	44.389.800.822
8	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		165.264.179	156.485.179
9	Chi phí phải trả	325	24	43.626.730.207	66.860.483.201
10	Các khoản phải trả khác	329		1.179.125.129	1.428.895.704
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		13.000.000	13.000.000
1	Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		13.000.000	13.000.000
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.172.263.056.248	4.094.330.847.062
I	Vốn chủ sở hữu	410		4.172.263.056.248	4.094.330.847.062
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	25	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		147.729.332.606	147.729.332.606
3	Quỹ dự phòng tài chính	415		168.979.231.821	168.979.231.821
4	Lợi nhuận chưa phân phối	417		855.554.491.821	777.622.282.635
4.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		1.047.234.722.488	761.671.967.089
4.2	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(191.680.230.667)	15.950.315.546
TÓNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		440		5.649.588.941.737	7.607.888.539.033

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B01 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY				
2 Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (Số lượng)	002	26(a)	4.050.094	4.050.094
8 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của Công ty	008	26(b)	316.564.246.000	259.035.271.000
9 TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009		1.920.000	2.510.000
10 TSTC chờ về của Công ty	010	26(c)	2.330.993.000	4.422.296.000
12 TSTC chưa lưu ký tại VSD	012		1.750.000	1.750.000
14 Chứng quyền (Số lượng)	014		25.937.400	20.956.400

**TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ
VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI
KHÁCH HÀNG**

1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng	021		28.923.832.607.800	26.550.075.656.000
a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		26.444.658.167.800	23.596.691.986.000
b. TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		104.382.900.000	68.170.730.000
c. TSTC giao dịch cầm cố	021.3		1.471.240.760.000	1.706.119.700.000
d. TSTC phong tỏa	021.4		724.029.060.000	663.922.230.000
e. TSTC chờ thanh toán	021.5		179.521.720.000	515.171.010.000
2 TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022		202.539.360.000	195.347.880.000
a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		171.305.060.000	161.567.730.000
b. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		31.234.300.000	33.780.150.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B01 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

3	TSTC chờ về của Nhà đầu tư	023	176.002.526.000	559.499.108.000
5	TSTC chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024b	36.639.045.790.000	26.821.637.190.000
7	Tiền gửi của khách hàng	026	596.123.819.659	1.430.552.012.413
7.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	486.213.228.742	765.945.020.908
7.1.1	Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSD	027.1	34.346.320.080	91.525.980.295
7.2	Tiền tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	72.813.399.820	560.495.651.000
7.4	Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030	2.750.871.017	12.585.360.210

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Mã số	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	520.559.548.822	857.471.001.203
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	520.559.539.271	857.470.992.364
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	9.551	8.839
9 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	032	4.047.299	10.333.565.299
12 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	2.746.823.718	2.251.794.911

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Người lập:


Bà Phạm Thị Sanh
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:


Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởngÔng Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****Mẫu B02 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01		443.379.165.999	729.766.522.950
a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.1	27(a)	207.062.037.140	358.445.166.481
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.2	27(b)	308.568.822.183	248.617.209.360
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.3	27(c)	23.188.611.184	30.266.444.409
d. Chênh lệch giảm đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	01.4	27(b)	(95.440.304.508)	92.437.702.700
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	27(c)	85.999.190.056	61.185.064.101
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	27(c)	354.037.522.300	342.368.942.982
1.6 Doanh thu môi giới chứng khoán	06	27(d)	498.213.087.255	569.915.888.219
1.9 Doanh thu lưu ký chứng khoán	09	27(d)	7.455.318.107	9.008.180.416
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	27(d)	1.975.537.273	1.285.340.000
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11	27(d)	1.610.726.000	781.532.894
Cộng doanh thu hoạt động	20		1.392.670.546.990	1.714.311.471.562
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		720.382.580.823	408.960.453.497
a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.1	27(a)	346.868.169.335	140.532.522.659
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.2	27(b)	507.834.189.788	129.752.650.238
c. Chi phí giao dịch mua các TSTC theo FVTPL	21.3		36.277.200	151.532.700
d. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	21.4	27(b)	(134.356.055.500)	138.523.747.900
2.4 Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	28	180.477.543.160	186.976.334.742
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		12.506.176.770	8.597.010.051
2.7 Chi phí môi giới chứng khoán	27	29	249.435.131.781	347.770.252.611
2.10 Chi phí lưu ký chứng khoán	30		10.870.471.852	10.731.236.236
2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		3.744.894.161	2.548.338.358
2.12 Chi phí các dịch vụ khác	32		480.171.543	107.807.567
Cộng chi phí hoạt động	40		1.177.896.970.090	965.691.433.062

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
III DOANH THU TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		147.157.965	18.336.523
3.2 Lãi tiền gửi không kỳ hạn	42		2.907.381.538	2.626.396.415
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		3.054.539.503	2.644.732.938
IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		93.205.459	17.941.656
Cộng chi phí tài chính	60		93.205.459	17.941.656
V CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		4.723.835.264	3.166.214.918
VI CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	30	117.830.414.306	80.732.808.199
VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 – 40 + 50 – 60 – 61 – 62)	70		95.180.661.374	667.347.806.665
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		3.059.615.943	3.713.201.785
8.2 Chi phí khác	72		479.015.863	29.333.886
Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	80		2.580.600.080	3.683.867.899
IX TÓNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (MANG SANG TRANG SAU)	90		97.761.261.454	671.031.674.564

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**
(tiếp theo)**Mẫu B02 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN				
TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		97.761.261.454	671.031.674.564
(MANG TỪ TRANG TRƯỚC SANG)				
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		258.110.878.067	598.253.160.642
9.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	92		(160.349.616.613)	72.778.513.922
X CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		19.829.052.268	129.761.974.734
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	31	19.829.052.268	129.761.974.734
XI LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 – 100)	200		77.932.209.186	541.269.699.830
XII THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Người lập:

Bà Phạm Thị Sanh
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 – CTCK/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	97.761.261.454	671.031.674.564
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	73.596.692.133	(231.584.116.337)
Khấu hao và phân bổ	03	14.649.649.056	11.400.249.391
Các khoản dự phòng	04	(4.110.835)	4.705.915
Chi phí lãi	06	168.412.291.516	185.819.220.074
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(86.272.526.420)	(61.326.882.283)
Dự thu tiền lãi	08	(23.188.611.184)	(367.481.409.434)
3 Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	373.478.134.288	268.276.398.138
Lỗ từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	373.478.134.288	268.276.398.138
4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(213.128.517.675)	(341.054.912.060)
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(213.128.517.675)	(341.054.912.060)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động	30	1.810.084.840.190	(2.938.799.188.740)
Giảm/(tăng) các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	27.809.496.770	(451.755.182.678)
Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(683.633.998.761)	(637.999.206.718)
Giảm/(tăng) các khoản cho vay	33	2.701.442.125.500	(2.099.122.520.420)
Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	(61.920.280.000)	-
Giảm/(tăng) phải thu từ bán tài sản tài chính	35	33.656.624.000	(27.576.960.000)
Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36	106.036.879.188	419.366.517.609
Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ	37	4.669.513.234	(3.414.139.323)
Giảm các khoản phải thu khác	39	300.928.219	111.825.924
Tăng các tài sản khác	40	(98.733.186)	(13.080.608.223)
(Giảm)/tăng chi phí phải trả	41	(6.453.170.722)	8.856.638.915
Tăng chi phí trả trước	42	(5.131.550.693)	(1.471.480.061)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(73.475.005.819)	(114.299.161.503)
Tiền lãi đã trả	44	(185.192.873.788)	(138.751.432.405)
(Giảm)/tăng phải trả người bán	45	(10.984.814.205)	3.645.823.973
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi cho nhân viên	46	8.779.000	405.000
(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	(10.421.248.740)	13.162.923.434
(Giảm)/tăng phải trả người lao động	48	(14.915.431.059)	32.852.356.765
(Giảm)/tăng phải trả khác	50	(11.612.398.748)	70.675.010.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	2.141.792.410.390	(2.572.130.144.435)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B03 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(48.284.029.820)	(4.908.187.780)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	62	273.336.364	141.818.182
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(48.010.693.456)	(4.766.369.598)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ góp vốn	71	-	1.500.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	7.489.405.000.000	11.364.594.000.000
Tiền vay gốc khác	73.2	7.489.405.000.000	11.364.594.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(9.387.459.000.000)	(10.136.226.000.000)
Tiền chi trả nợ gốc vay khác	74.3	(9.387.459.000.000)	(10.136.226.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	(1.898.054.000.000)	2.728.368.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90	195.727.716.934	151.471.485.967
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	380.307.579.547	228.836.093.580
▪ Tiền gửi ngân hàng đầu năm	101.1	125.307.579.547	226.085.082.895
▪ Các khoản tương đương tiền đầu năm	101.2	255.000.000.000	2.751.010.685
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	576.035.296.481	380.307.579.547
▪ Tiền gửi ngân hàng cuối năm	103.1	151.035.296.481	125.307.579.547
▪ Các khoản tương đương tiền cuối năm	103.2	425.000.000.000	255.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B03 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	Mã số	2022 VND	2021 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	109.279.010.026.870	220.498.178.982.911
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(109.766.692.278.050)	(220.163.460.763.811)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	112.008.593.316.963	222.023.000.232.079
<i>(Chi)/nhận tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD</i>	<i>07.1</i>	<i>(57.179.660.215)</i>	<i>65.414.441.639</i>
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(112.288.325.109.129)	(221.977.057.041.351)
Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	4.821.553.975.174	9.947.675.943.461
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(4.831.388.464.367)	(10.005.906.055.836)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	(834.428.192.754)	387.845.739.092
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
30	1.430.552.012.413	1.042.706.273.321	
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	1.430.552.012.413	1.042.706.273.321
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	857.471.001.203	746.113.368.836
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	560.495.651.000	225.777.431.900
▪ Tiền gửi của các tổ chức phát hành	35	12.585.360.210	70.815.472.585
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	596.123.819.659	1.430.552.012.413

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B03 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	596.123.819.659	1.430.552.012.413
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	520.559.548.822	857.471.001.203
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	72.813.399.820	560.495.651.000
▪ Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	2.750.871.017	12.585.360.210

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Người lập:

Bà Phạm Thị Sanh
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởngÔng Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B04 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2021		Biến động trong năm kết thúc ngày 31/12/2021		Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2021		Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2022	
	VND	(Phân loại lại)	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	(Phân loại lại) VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.500.000.000.000	3.000.000.000.000	1.500.000.000.000				3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Vốn góp	1.500.000.000.000	3.000.000.000.000	1.500.000.000.000				3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	121.345.390.339	147.729.332.606	26.383.942.267				147.729.332.606	147.729.332.606
Quỹ dự phòng tài chính	142.595.289.554	168.979.231.821	26.383.942.267				168.979.231.821	168.979.231.821
Lợi nhuận chưa phân phối	289.785.082.565	777.622.282.635	487.837.200.070				777.622.282.635	855.554.491.821
Lợi nhuận đã thực hiện	393.894.210.541	761.671.967.089	367.777.756.548				761.671.967.089	1.047.234.722.488
(Lợi)/lợi nhuận chưa thực hiện	(104.109.127.976)	15.950.315.546	120.059.443.522				15.950.315.546	(191.680.230.667)
Tổng cộng	2.053.725.762.458	4.094.330.847.062	2.040.605.084.604	-	285.562.755.399	(207.630.546.213)	4.094.330.847.062	4.172.263.056.248

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 101/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2022 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(b) Vốn chủ sở hữu của ACBS

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, vốn góp của ACBS là 3.000.000 triệu VND.

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của ACBS là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cho vay ký quỹ và lưu ký chứng khoán.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của ACBS nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có một (1) công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (“ACBC”) được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

(f) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, ACBS có 386 nhân viên (1/1/2022: 363 nhân viên).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 23”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL và tài sản tài chính sẵn sàng để bán được đo lường theo giá trị hợp lý. Các phương pháp được sử dụng để xác định giá trị hợp lý được mô tả trong Thuyết minh 3(e). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của ACBS là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của ACBS là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

(e) Những thay đổi trong chính sách kế toán

Áp dụng Thông tư 114/2021/TT-BTC

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC về việc bãi bỏ thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (“Thông tư 114”). Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 và áp dụng từ năm tài chính 2022. Theo đó, công ty chứng khoán áp dụng điều khoản chuyển tiếp để thực hiện các chính sách kế toán.

Áp dụng năm tài chính 2022, ACBS đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 114. Việc áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan đến Thông tư 114 và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của ACBS, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 3(r) trong báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Ngoại trừ việc thay đổi chính sách kế toán như mô tả trong Thuyết minh 2(e), các chính sách kế toán đã được áp dụng nhất quán cho tất cả các năm được trình bày trong báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, ACBS dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu ACBS vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ ACBS và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của ACBS tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi ACBS thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của ACBS.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(d) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi ACBS trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(f);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(g); và
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(h).
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(i).

ACBS phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ ngoại trừ khoản phải trả chứng quyền có đảm bảo được phân loại là nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

ACBS chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của ACBS đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi ACBS chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao.

ACBS chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi ACBS có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và ACBS có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, ACBS xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất năm.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên Thị trường Công ty Đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với ACBS. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, ACBS không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn bao gồm các công cụ phái sinh phải được thanh toán kèm theo các công cụ vốn đó được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

(i) Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có đảm bảo theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, ACBS ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá phát hành và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.

Chứng quyền được ghi nhận ban đầu theo giá phát hành sau đó cuối kỳ kế toán năm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại tài khoản “Phải trả chứng quyền”. Cuối kỳ kế toán năm, ACBS thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm hoặc tăng, chênh lệch sẽ được ghi nhận tương ứng vào thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL.

Lãi/(lỗ) tại ngày đáo hạn và mua lại chứng quyền được hạch toán vào lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

(ii) *Hợp đồng tương lai*

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn của Công văn số 6190/BTC-CKDT do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2017, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Hàng ngày, ACBS ghi nhận tăng hoặc giảm tiền và chênh lệch lãi/(lỗ) trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại chỉ tiêu “Lãi/(lỗ) bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL”. ACBS chấm dứt ghi nhận khi đóng vị thế hoặc đáo hạn hợp đồng tương lai.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu “Tài sản dài hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại chỉ tiêu “Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD”.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(f) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà ACBS có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được ACBS xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được ACBS xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng giảm giá được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là ACBS khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và ACBS không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi ACBS thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của ACBS và sự kiện này ACBS không thể dự đoán trước được.

(g) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai ngày giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng các tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

(i) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là tài sản tài chính phi phái sinh được chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- TSTC ghi nhận theo FVTPL;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

Vào cuối kỳ kế toán năm, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý, cách xác định giá trị hợp lý được trình bày tại Thuyết minh 3(e). Thay đổi về giá trị hợp lý của TSTC được ghi nhận là thu nhập toàn diện khác trong vốn chủ sở hữu. Khoản lỗ lũy kế sẽ được ghi nhận là chi phí ngay lập tức khi có bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị. Khi dừng ghi nhận một TSTC sẵn sàng để bán, số dư lãi hoặc lỗ đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.

▪ Nhà cửa	25 năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
▪ Phương tiện vận tải	6 năm
▪ Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
▪ TSCĐ hữu hình khác	3 - 6 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(l) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại Thuyết minh 3(f) và 3(g), một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, ACBS có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào thu nhập toàn diện khác, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào thu nhập toàn diện khác.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(r) Các quỹ dự trữ bắt buộc***Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022***

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận đã thực hiện như sau:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022

Thông tư 114 có hiệu lực từ 1 tháng 2 năm 2022 và do đó Thông tư 114 sẽ được áp dụng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, Công ty dùng trích lập các quỹ từ lợi nhuận đã thực hiện và xử lý số dư các quỹ đã trích lập trước đó như sau:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(s) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi ACBS nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của ACBS được xác lập. ACBS không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(t) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh. Chi phí lãi vay liên quan đến các khoản cho vay được ghi nhận ở chi tiêu “Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của ACBS nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi ACBS và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của ACBS trong năm trước.

(x) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà ACBS phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà ACBS có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình ACBS sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của ACBS như thế nào, và kiểm toán tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà ACBS gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của ACBS. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của ACBS. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của ACBS được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà ACBS gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của ACBS. ACBS, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của ACBS nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, ACBS ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của ACBS.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***Tài sản đảm bảo**

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. ACBS ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại ACBS. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của ACBS tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền:			
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	5	151.035.296.481	125.307.579.547
Các khoản tương đương tiền (i)	5	425.000.000.000	255.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	7(b)	2.361.393.479.452	1.677.759.480.691
Các khoản cho vay:			
Hợp đồng giao dịch ký quỹ (ii)	7(c)	1.979.945.476.320	4.494.324.570.919
Tạm ứng giao dịch chứng khoán (iii)	7(c)	67.991.341.407	255.054.372.308
Các khoản phải thu khác:			
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC (iv)		49.453.459.970	46.302.537.918
Phải thu thanh lý TSTC (iv)		543.937.000	34.200.561.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (iv)	11	3.451.220.747	8.120.733.981
Tài sản ngắn hạn khác	13	6.961.131.558	6.984.029.465
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng		5.045.775.342.935	6.903.053.865.829

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của ACBS chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có bậc tín nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho ACBS.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(ii) Hợp đồng giao dịch ký quỹ**

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, tỷ lệ ký quỹ ban đầu không thấp hơn 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt bởi các cấp quản lý và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm tình hình hoạt động kinh doanh của công ty niêm yết, biến động giá và tính thanh khoản của cổ phiếu.

Bộ phận Nghiệp vụ Chứng khoán có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi khách hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp trong thời hạn theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một khách hàng là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính quá hạn và bị tổn thất như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ		
▪ Quá hạn từ 3 năm trở lên	116.201.992.743	116.201.941.678

(iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn hoặc chưa thu hồi mà bị suy giảm giá trị.

(iv) Các khoản phải thu khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà ACBS không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của ACBS là đảm bảo đến mức cao nhất có thể ACBS luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của ACBS.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và khoản thanh toán tiền lãi ước tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay ngắn hạn	1.342.964.000.000	2.741.018.000.000
Trái phiếu phát hành ngắn hạn		500.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	38.909.146.263	81.461.308.834
Phải trả người bán	4.061.971.429	15.046.785.634
Chi phí phải trả	43.626.730.207	66.860.483.201
Các khoản phải trả khác	1.179.125.129	1.428.895.704
	1.430.740.973.028	3.405.815.473.373

ACBS quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

ACBS cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với bên cho vay hiện tại.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của ACBS hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà ACBS nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

ACBS chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của ACBS, tức là VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, ACBS không có các số dư từ các giao dịch này.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của ACBS như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	576.035.296.481	380.307.579.547
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.361.393.479.452	1.677.759.480.691
Các khoản cho vay – thuần	1.931.735.061.034	4.633.177.855.499
Tài sản ngắn hạn khác	6.961.131.558	6.984.029.465
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay ngắn hạn	(1.342.964.000.000)	(2.741.018.000.000)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn		(500.000.000.000)

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do ACBS nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. ACBS quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu rủi ro về giá cổ phiếu của ACBS như sau:

	Giá trị hợp lý	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các công cụ tài chính có rủi ro về giá cổ phiếu		
Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL	488.686.617.868	715.764.379.353
▪ <i>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM</i>	360.969.986.368	489.043.037.353
▪ <i>Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền do Công ty phát hành</i>	127.716.631.500	221.835.600.000
▪ <i>Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức khác phát hành</i>	-	4.885.742.000
Nợ phải trả tài chính ghi nhận theo FVTPL	33.828.143.000	71.380.746.000
▪ <i>Phải trả chứng quyền có bảo đảm</i>	33.828.143.000	71.380.746.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 5% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, mức chênh lệch thuần đánh giá lại của tài sản tài chính của ACBS và nợ phải trả tài chính của Công ty lần lượt sẽ tăng/giảm 19.547 triệu VND và 1.353 triệu VND (1/1/2022: tăng/giảm 28.630 triệu VND và 2.855 triệu VND).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	488.694.834.569	488.694.834.569	715.769.698.944	715.769.698.944
▪ Có phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	360.969.986.368	360.969.986.368	489.043.037.353	489.043.037.353
▪ Có phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	8.216.701	8.216.701	5.319.591	5.319.591
▪ Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	127.716.631.500	127.716.631.500	221.835.600.000	221.835.600.000
▪ Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức khác phát hành	-	-	4.885.742.000	4.885.742.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	576.035.296.481	576.035.296.481	380.307.579.547	380.307.579.547
▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	2.361.393.479.452	2.361.393.479.452	1.677.759.480.691	1.677.759.480.691
▪ Các khoản cho vay – thuần (i)	1.931.735.061.034	1.931.735.061.034	4.633.177.855.499	4.633.177.855.499
▪ Các khoản phải thu (i)	48.698.303.990	48.698.303.990	79.199.226.138	79.199.226.138
▪ Trả trước cho người bán (i)	16.253.263.672	16.253.263.672	8.819.047.078	8.819.047.078
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp (i)	3.451.220.747	3.451.220.747	8.120.733.981	8.120.733.981
▪ Các khoản phải thu khác (i)	671.617.513	671.617.513	972.545.732	972.545.732
▪ Tài sản ngắn hạn khác (i)	6.961.131.558	6.961.131.558	6.984.029.465	6.984.029.465
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	6.937.962.100	(*)	6.930.962.100	(*)
▪ Tiền nợ Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	(*)	20.000.000.000	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	15.012.663.057	(*)	15.017.740.054	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Các khoản đầu tư	61.920.280.000	(*)	-	(*)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ Phải trả chứng quyền có bảo đảm	(33.828.143.000)	(33.828.143.000)	(71.380.746.000)	(71.380.746.000)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn (i)	(1.342.964.000.000)	(1.342.964.000.000)	(2.741.018.000.000)	(2.741.018.000.000)
▪ Trái phiếu phát hành ngắn hạn (i)	-	-	(500.000.000.000)	(500.000.000.000)
▪ Phải trả cho các cơ sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký (i)	(5.081.003.263)	(5.081.003.263)	(10.080.562.834)	(10.080.562.834)
▪ Phải trả người bán (i)	(4.061.971.429)	(4.061.971.429)	(15.046.785.634)	(15.046.785.634)
▪ Chi phí phải trả (i)	(43.626.730.207)	(43.626.730.207)	(66.860.483.201)	(66.860.483.201)
▪ Các khoản phải trả khác (i)	(1.179.125.129)	(1.179.125.129)	(1.428.895.704)	(1.428.895.704)

(i) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này được xem như bằng với giá trị ghi sổ của chúng vì các tài sản và nợ phải trả này có kỳ hạn ngắn.

(*) ACBS chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng	149.185.877.802	119.403.674.050
Tiền gửi bù trừ và thanh toán	1.849.418.679	5.903.905.497
Các khoản tương đương tiền (i)	425.000.000.000	255.000.000.000
	576.035.296.481	380.307.579.547

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng có lãi suất năm dao động từ 5,50% đến 6,00% (1/1/2022: từ 2,90% đến 3,00%).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2022		2021	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	518.102.893	6.372.842.577.790	256.636.492	5.797.957.439.100
Trái phiếu	21.140.000	2.189.401.190.000	89.400.000	9.221.595.790.000
Khác	3.076	424.376.290.000	14.266	1.882.295.980.000
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	9.635.729.282	219.052.501.468.860	14.124.895.453	326.193.889.071.300
Trái phiếu	1.500.000	154.328.500.000	533.390.000	55.516.993.185.391
Khác	408.838	50.059.499.410.000	435.212	59.221.229.760.000
	10.176.884.089	278.252.949.436.650	15.004.771.423	457.833.961.225.791

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**
(tiếp theo)**Mẫu B09 – CTCK/HN**(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**7. Tài sản tài chính****(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	528.078.862.630	360.969.986.368	486.646.878.015	489.043.037.353
BTS	96.516.948.816	45.751.305.600	101.555.812.800	83.880.034.000
HPG	46.473.553.626	42.198.156.000	28.235.994.003	28.254.862.400
TCB	38.729.904.613	30.632.508.500	51.844.609.314	51.513.200.000
POW	31.594.664.651	28.307.700.000	2.980.319	3.675.000
NLG	48.004.678.907	27.900.000.000	16.414.265	19.388.400
MWG	28.999.263.981	23.818.080.000	14.782.717.469	17.816.082.300
MBB	29.593.811.136	22.833.630.000	340.365.273	338.419.000
SSI	43.389.683.387	22.567.500.000	338.035.332	355.969.600
CTG	24.667.561.350	20.437.500.000	268.905.296	295.608.000
IDC	24.565.769.960	12.680.000.000	-	-
Khác	115.543.022.203	83.843.606.268	289.261.043.944	306.565.798.653
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	7.770.909	8.216.701	4.888.673	5.319.591
PME	2.163.000	2.163.000	2.163.000	2.163.000
TAC	1.778.400	1.824.000	-	-
VIS	924.000	1.023.000	-	-
Khác	2.905.509	3.206.701	2.725.673	3.156.591
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	148.794.721.689	127.716.631.500	208.548.858.175	221.835.600.000
HPG	39.972.526.846	36.295.200.000	-	-
TCB	25.214.752.711	19.943.016.500	82.452.063.122	81.925.000.000
MWG	18.960.253.648	15.572.700.000	43.187.721.998	52.049.700.000
MBB	19.379.037.263	14.952.240.000	-	-
FPT	10.695.154.790	9.766.300.000	-	-
VHM	11.655.509.991	9.652.800.000	35.594.032.375	35.194.400.000
MSN	7.008.953.171	6.500.700.000	28.195.322.054	33.071.400.000
VRE	6.264.879.493	5.920.130.000	19.119.718.626	19.595.100.000
POW	5.542.735.939	4.966.095.000	-	-
VNM	4.100.917.837	4.147.450.000	-	-
Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức khác phát hành	-	-	9.490.227.135	4.885.742.000
CTCB2109	-	-	3.960.500.000	2.086.920.000
CFPT2105	-	-	2.600.540.130	1.160.082.000
CMSN2011	-	-	2.929.187.005	1.638.740.000
	676.881.355.228	488.694.834.569	704.690.851.998	715.769.698.944

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	2.293.753.479.452	-	1.607.549.480.691	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – Chứng quyền (**)	67.640.000.000	-	70.210.000.000	-
	2.361.393.479.452	-	1.677.759.480.691	-

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có thời hạn đáo hạn ban đầu từ 6 tháng đến 12 tháng bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất từ 4,80%/năm đến 9,50%/năm (1/1/2022: từ 3,70%/năm đến 5,10%/năm).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm 1.059.440 triệu VND (1/1/2022: 1.625.000 triệu VND) đã được dùng để cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

- (**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có đảm bảo do Công ty phát hành là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Ngân hàng”) có thời hạn đáo hạn từ 6 tháng đến 9 tháng bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất 6,0% năm đến 8,2%/năm. Công ty có quyền sử dụng số tiền trên tài khoản thực hiện các giao dịch tài khoản hợp pháp, hợp lệ; được thực hiện các giao dịch liên quan đến đồng sở hữu, ủy quyền liên quan đến tài khoản tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của Ngân hàng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Các khoản cho vay**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	1.979.945.476.320	1.863.743.719.627	4.494.324.570.919	4.378.123.483.191
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho vay khách hàng	67.991.341.407	67.991.341.407	255.054.372.308	255.054.372.308
	2.047.936.817.727	1.931.735.061.034	4.749.378.943.227	4.633.177.855.499

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xem như bằng với giá trị ghi sổ của chúng vì các khoản cho vay này có kỳ hạn ngắn.

8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dự phòng suy giảm giá trị cho các khoản cho vay	116.201.992.743	116.201.756.693	116.201.941.678	116.201.087.728
2022	Tại ngày 31/12/2022		Dự phòng tại ngày 1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
	116.201.992.743	236.050	116.201.756.693	668.965
2021	Tại ngày 31/12/2021		Dự phòng tại ngày 1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	VND	Dự phòng hoàn nhập trong năm VND
	116.201.941.678	853.950	116.201.087.728	(73.885)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***9. Các khoản phải thu**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	26.719.077.729	37.963.906.974
Phải thu bán chứng khoán niêm yết	543.937.000	34.200.561.000
Lãi dự thu từ ngân hàng mẹ	22.463.712.241	8.085.087.944
Khác	270.670.000	253.543.000
	49.997.396.970	80.503.098.918

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Sửa chữa và thiết kế văn phòng	10.939.756.900	559.811.700
Ứng trước tiền mua và sửa chữa hệ thống tin phần mềm	2.809.222.140	-
Ứng trước tiền mua thiết bị tin học	-	6.049.786.740
Khác	2.504.284.632	2.209.448.638
	16.253.263.672	8.819.047.078

11. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu môi giới chứng khoán	2.215.961.311	7.343.579.931
Phải thu hoạt động tư vấn	775.600.000	304.000.000
Khác	459.659.436	473.154.050
	3.451.220.747	8.120.733.981

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí phần mềm	3.442.579.339	2.084.591.752
Chi phí thuê văn phòng	-	1.040.000.000
Chi phí khác	2.077.673.972	2.001.515.386
	5.520.253.311	5.126.107.138

13. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	6.961.131.558	6.984.029.465

14. Các khoản đầu tư

	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2022			1/1/2022		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam	10,20%	10.520.280.000	(*)	-	-	-	-
Công ty cổ phần Bất động sản Hòa Phát - Á Châu	10,16%	51.400.000.000	(*)	-	-	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, ACBS chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

2022	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	4.838.053.139	4.919.438.800	35.339.784.135	2.310.884.203	109.853.894.672
Tăng trong năm	-	-	1.575.225.636	18.870.864.241	1.440.138.320	21.886.228.197
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	-	-	-	13.676.547.400	-	13.676.547.400
Thanh lý	-	-	(1.413.640.000)	-	-	(1.413.640.000)
Xóa sổ	-	(1.605.050.936)	-	(1.707.931.280)	-	(3.312.982.216)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	3.233.002.203	5.081.024.436	66.179.264.496	3.751.022.523	140.690.048.053
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	33.747.924.347	4.838.053.139	3.044.505.081	27.338.445.479	2.168.108.737	71.137.036.783
Khấu hao trong năm	2.497.829.376	-	599.417.805	7.489.441.236	78.590.918	10.665.279.335
Thanh lý	-	-	(1.413.640.000)	-	-	(1.413.640.000)
Xóa sổ	-	(1.605.050.936)	-	(1.707.931.280)	-	(3.312.982.216)
Số dư cuối năm	36.245.753.723	3.233.002.203	2.230.282.886	33.119.955.435	2.246.699.655	77.075.693.902
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	28.697.810.048	-	1.874.933.719	8.001.338.656	142.775.466	38.716.857.889
Số dư cuối năm	26.199.980.672	-	2.850.741.550	33.059.309.061	1.504.322.868	63.614.354.151

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2021	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	4.974.506.319	4.455.305.400	30.349.948.384	2.310.884.203	104.536.378.701
Tăng trong năm	-	-	982.100.000	5.797.169.700	-	6.779.269.700
Thanh lý	-	(136.453.180)	(517.966.600)	(807.333.949)	-	(1.461.753.729)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	4.838.053.139	4.919.438.800	35.339.784.135	2.310.884.203	109.853.894.672
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	31.250.094.971	4.974.506.319	2.827.100.059	25.461.555.961	2.122.275.409	66.635.532.719
Khấu hao trong năm	2.497.829.376	-	735.371.622	2.684.223.467	45.833.328	5.963.257.793
Thanh lý	-	(136.453.180)	(517.966.600)	(807.333.949)	-	(1.461.753.729)
Số dư cuối năm	33.747.924.347	4.838.053.139	3.044.505.081	27.338.445.479	2.168.108.737	71.137.036.783
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	31.195.639.424	-	1.628.205.341	4.888.392.423	188.608.794	37.900.845.982
Số dư cuối năm	28.697.810.048	-	1.874.933.719	8.001.338.656	142.775.466	38.716.857.889

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá là 26.643 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2022: 29.214 triệu VND).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**
(tiếp theo)**Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định vô hình**

2022	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.800.410.182	198.000.000	47.998.410.182
Tăng trong năm	696,500,000	526,000,000	1,222,500,000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ đang (Thuyết minh 17)	8,571,132,223	-	8,571,132,223
Xóa sổ	(1,022,398,794)	-	(1,022,398,794)
Số dư cuối năm	56,045,643,611	724,000,000	56,769,643,611
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	41.425.146.843	198.000.000	41.623.146.843
Khấu hao trong năm	3,832,625,996	151,743,725	3,984,369,721
Xóa sổ	(1,022,398,794)	-	(1,022,398,794)
Số dư cuối năm	44,235,374,045	349,743,725	44,585,117,770
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	6.375.263.339	-	6.375.263.339
Số dư cuối năm	11,810,269,566	374,256,275	12,184,525,841

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

2021	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	45.714.780.182	198.000.000	45.912.780.182
Tăng trong năm	2.085.630.000		2.085.630.000
Số dư cuối năm	47.800.410.182	198.000.000	47.998.410.182
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	35.988.155.245	198.000.000	36.186.155.245
Khấu hao trong năm	5.436.991.598		5.436.991.598
Số dư cuối năm	41.425.146.843	198.000.000	41.623.146.843
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	9.726.624.937	-	9.726.624.937
Số dư cuối năm	6.375.263.339	-	6.375.263.339

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 33.279 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2022: 31.850 triệu VND).

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.553.768.000	
Tăng trong năm	25.175.301.623	2.553.768.000
Chuyển sang chi phí trả trước	(3.450.750.000)	
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 15)	(13.676.547.400)	
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 16)	(8.571.132.223)	
Số dư cuối năm	2.030.640.000	2.553.768.000

Số dư xây dựng cơ bản dở dang thể hiện khoản chi phí phần mềm máy vi tính chưa được lắp đặt xong.

18. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

(a) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, ACBS phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2.500 triệu VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Lãi phát sinh	1.181.866.225	1.351.623.979
Lãi nhận được	(1.181.866.225)	(1.351.623.979)
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

(b) Tài sản dài hạn khác

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, ACBS có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 1 tháng 1 năm 2022, ACBS đã nộp đủ mức đóng góp tối thiểu.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

19. Vay ngắn hạn

	Số dư tại ngày 1/1/2022 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư tại ngày 31/12/2022 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (i)	975.000.000.000	3.530.000.000.000	(4.055.000.000.000)	450.000.000.000
Vay cá nhân (ii)	713.588.000.000	1.235.764.000.000	(1.151.388.000.000)	797.964.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	-	190.000.000.000	(95.000.000.000)	95.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	300.000.000.000	600.000.000.000	(900.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	270.000.000.000	490.000.000.000	(760.000.000.000)	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	226.430.000.000	113.580.000.000	(340.010.000.000)	-
Ngân hàng Maybank Việt Nam	150.000.000.000	300.000.000.000	(450.000.000.000)	-
Ngân hàng CTBC				
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	106.000.000.000	553.061.000.000	(659.061.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	183.000.000.000	(183.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	294.000.000.000	(294.000.000.000)	-
	2.741.018.000.000	7.489.405.000.000	(8.887.459.000.000)	1.342.964.000.000

- (i) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là khoản vay có hạn mức tín dụng là 1.200.000 triệu đồng, có hiệu lực rút vốn đến hết ngày 2 tháng 11 năm 2023 và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này có thời hạn vay là 12 tháng và được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu với giá trị là 500.000 triệu đồng.
- (ii) Khoản vay với các cá nhân là khoản vay chịu lãi suất từ 7,10%/năm đến 8,20%/năm (1/1/2022: 5,90%/năm đến 7,50%/năm). Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này có thời hạn 1 năm và không áp dụng biện pháp bảo đảm tín dụng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh khoản vay có hạn mức tín dụng là 350.000 triệu đồng, có hiệu lực rút vốn đến hết ngày 29 tháng 8 năm 2023 và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời điểm giải ngân. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này có thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này hiện nay không có tài sản bảo đảm.

20. Trái phiếu phát hành ngắn hạn

	1/1/2022 VND	Phát sinh trong năm VND	Số trả trong năm VND	31/12/2022 VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (i)	500.000.000.000	-	(500.000.000.000)	-

- (i) Đây là các trái phiếu ghi danh không đảm bảo và không chuyển đổi được phát hành riêng lẻ dưới hình thức chứng chỉ cho nhà đầu tư là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài. Các trái phiếu có mệnh giá là 1 tỷ đồng, kỳ hạn 1 năm kể từ ngày phát hành. Trái chủ có quyền yêu cầu ACBS mua lại trước ngày đáo hạn. Lãi suất trái phiếu áp dụng từ 7,40%/năm đến 7,80%/năm.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải trả cho các cơ sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký	5.081.003.263	10.080.562.834
Phải trả chứng quyền có bảo đảm (*)	33.828.143.000	71.380.746.000
	38.909.146.263	81.461.308.834

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lượng chứng quyền do ACBS phát hành như sau:

Mã chứng quyền	31/12/2022		1/1/2022	
	Được phép phát hành	Được lưu hành	Được phép phát hành	Được lưu hành
CHPG2225	9.000.000	8.411.500	-	-
CTCB2214	4.500.000	4.132.900	-	-
CMBB2213	4.500.000	3.847.800	-	-
CMSN2214	3.000.000	1.388.900	-	-
CMWG2213	9.000.000	7.767.600	-	-
CVNM2211	6.000.000	428.600	-	-
CVRE2219	4.500.000	1.686.800	-	-
CVHM2218	9.000.000	2.602.500	-	-
CFPT2212	8.000.000	1.810.600	-	-
CPOW2210	2.000.000	1.485.400	-	-
CMWG2104	-	-	5.000.000	2.500.600
CMSN2104	-	-	5.000.000	1.931.200
CTCB2105	-	-	15.000.000	10.606.500
CVRE2105	-	-	10.000.000	4.908.400
CVHM2115	-	-	15.000.000	9.096.900
	59.500.000	33.562.600	50.000.000	29.043.600

22. Phải trả người bán

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải trả mua các tài sản tài chính khác	3.485.548.000	12.676.681.000
Phải trả cho người bán khác	576.423.429	2.370.104.634
	4.061.971.429	15.046.785.634

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

23. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

2022	1/1/2022 VND	Phải nộp VND	Đã trả VND	Cần trừ VND	Phải thu 31/12/2022 VND	Phải nộp 31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.715.856.394	19.829.052.268	(73.475.005.819)	-	18.108.548.213	178.451.056
Thuế thu nhập cá nhân	6.056.528.099	31.234.525.952	(34.665.353.447)	-	-	2.625.700.604
Thuế thu nhập nhà đầu tư	18.759.745.860	154.168.081.213	(161.941.993.927)	-	-	10.985.833.146
Thuế giá trị gia tăng	215.658.018	1.047.831.751	(585.911.177)	(362.719.689)	-	314.858.903
Các loại thuế khác	1.956.144.226	17.714.964.375	(17.030.673.791)	-	-	2.640.434.810
	62.703.932.597	223.994.455.559	(287.698.938.161)	(362.719.689)	18.108.548.213	16.745.278.519
2021						
Thuế thu nhập doanh nghiệp			20.156.995.447	129.858.022.450	(114.299.161.503)	35.715.856.394
Thuế thu nhập cá nhân			2.024.550.236	35.719.542.186	(31.687.564.323)	6.056.528.099
Thuế thu nhập nhà đầu tư			10.290.885.396	182.275.343.323	(173.806.482.859)	18.759.745.860
Thuế giá trị gia tăng			112.453.005	870.901.860	(767.696.847)	215.658.018
Các loại thuế khác			828.696.622	12.016.245.190	(10.888.797.586)	1.956.144.226
	33.413.580.706	360.740.055.009	(331.449.703.118)			62.703.932.597

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***24. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	40.588.562.107	57.369.144.379
Các chi phí khác	3.038.168.100	9.491.338.822
	43.626.730.207	66.860.483.201

25. Vốn góp**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của ACBS là:

	Vốn điều lệ được duyệt và đã góp VND	%
Ngân hàng TMCP Á Châu	3.000.000.000.000	100%

26. Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất**(a) Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (Số lượng)**

	31/12/2022	1/1/2022
Cổ phiếu	3.850.094	3.850.094
Trái phiếu	200.000	200.000
	4.050.094	4.050.094

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(b) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	315.528.532.000	247.546.127.000
TSTC chờ thanh toán	1.035.714.000	11.489.144.000
	316.564.246.000	259.035.271.000

(c) TSTC chờ về của Công ty

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ phiếu	750.000.000	2.400.000.000
Chứng quyền	1.580.993.000	2.022.296.000
	2.330.993.000	4.422.296.000

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động

(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL

2022	Số lượng	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm trước VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu	63.616.693	2.927.403.363.790	3.095.743.466.047	249.653.693.557	(4.627.230.000)
Trái phiếu	10.570.000	1.094.531.540.000	1.094.869.650.000	(338.110.000)	(27.157.065.433)
Chứng quyền do tổ chức khác phát hành	12.739.500	14.549.965.000	27.864.912.135	(13.314.947.135)	3.458.163.088
Chứng chỉ quỹ ETF					
(Lỗ)/lãi bán chứng khoán cơ sở				(181.993.159.392)	221.327.561.212
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do tổ chức khác phát hành				2.514.053.100	38.680.872.060
Lãi/(lỗ) thuần vị thế từ nghiệp vụ tự doanh chứng khoán				826.250.000	(4.587.500.000)
Phái sinh – hợp đồng tương lai				47.274.279.997	(46.931.235.250)
Lãi/(lỗ) khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				(8.427.555.900)	9.422.945.800
(Lỗ)/lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				(139.806.132.195)	217.912.643.822

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)

(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL (tiếp theo)

2021	Số lượng	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND	Lãi từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu					
Trái phiếu	52.935.792	2.415.472.905.114	2.165.819.211.557	249.653.693.557	23.703.323.436
Chứng quyền do tổ chức khác phát hành	44.700.000	4.608.484.280.000	4.613.111.510.000	(4.627.230.000)	(1.522.250.000)
Chứng chỉ quỹ ETF	24.397.250	87.902.172.000	115.059.237.433	(27.157.065.433)	2.834.898.768
Chứng chỉ tiền gửi	3.441.300	77.598.684.000	74.140.520.912	3.458.163.088	1.092.558.712
	-	-	-	-	(200.000.000)
Lãi bán chứng khoán cơ sở					
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do tổ chức khác phát hành (Lỗ)/lãi thuần vị thế từ nghiệp vụ tự doanh chứng khoán phái sinh – hợp đồng tương lai				221.327.561.212	25.908.530.916
Lỗ khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				38.680.872.060	-
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				(4.587.500.000)	394.500.000
				(46.931.235.250)	(15.138.593.300)
				9.422.945.800	-
				217.912.643.822	11.164.437.616



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)

(b) Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các TSTC và chứng quyền có đảm bảo (tiếp theo)

	Giá gốc tại ngày 31/12/2021 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2021 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2021 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong năm VND
TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	486.646.878.015	489.043.037.353	2.396.159.338	(66.425.378.776)	68.821.538.114
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	4.888.673	5.319.591	430.918	(47.625.732.413)	47.626.163.331
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	208.548.858.175	221.835.600.000	13.286.741.825	3.500.874.693	9.785.867.132
Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức khác phát hành	9.490.227.135	4.885.742.000	(4.604.485.135)	2.316.375.232	(6.920.860.367)
Chứng chỉ quỹ ETF	-	-	-	448.149.088	(448.149.088)
	704.690.851.998	715.769.698.944	11.078.846.946	(107.785.712.176)	118.864.559.122
Chứng quyền có bảo đảm	28.971.285.000	71.380.746.000	(42.409.461.000)	3.676.584.200	(46.086.045.200)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**
(tiếp theo)**Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)****(c) Cổ tức, thu nhập lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu**

	2022 VND	2021 VND
Từ TSTC ghi nhận theo FVTPL, nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.188.611.184	30.266.444.409
▪ Thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn	9.115.075.777	23.190.269.626
▪ Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	14.073.535.407	7.076.174.783
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	85.999.190.056	61.185.064.101
Từ các khoản cho vay và phải thu	354.037.522.300	342.368.942.982
▪ Thu nhập từ hoạt động ký quỹ	349.284.588.423	337.214.965.025
▪ Thu nhập từ dịch vụ ứng trước tiền bán	4.752.933.877	5.153.977.957
	463.225.323.540	433.820.451.492

(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	498.213.087.255	569.915.888.219
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán	7.455.318.107	9.008.180.416
Doanh thu từ tư vấn tài chính	1.975.537.273	1.285.340.000
Thu nhập hoạt động khác	1.610.726.000	781.532.894
	509.254.668.635	580.990.941.529

28. Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay

	2022 VND	2021 VND
Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng TSTC và tài sản thế chấp (Thuyết minh 8)	668.965	(73.885)
Chi phí đi vay	168.412.291.516	185.819.220.074
Chi phí khác	12.064.582.679	1.157.188.553
	180.477.543.160	186.976.334.742

29. Chi phí môi giới chứng khoán

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lương cho nhân viên	127.128.607.174	190.500.398.837
Phí môi giới chứng khoán	60.524.837.273	90.949.704.257
Dịch vụ mua ngoài	23.061.918.760	19.832.532.503
Khấu hao tài sản cố định	10.861.402.111	7.974.363.207
Khác	27.858.366.463	38.513.253.807
	249.435.131.781	347.770.252.611

30. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lương	78.845.957.229	58.709.720.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.864.857.688	13.540.565.471
Khấu hao tài sản cố định	3.569.500.065	3.405.952.468
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	4.230.000.204	1.756.723.690
Chi phí văn phòng phẩm	1.637.206.366	1.190.173.486
Chi phí khác	5.682.892.754	2.129.672.813
	117.830.414.306	80.732.808.199

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**
(tiếp theo)**Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	97.761.261.454	671.031.674.564
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.552.252.291	131.541.870.301
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	2.944.110.000	-
Thu nhập không bị tính thuế	(2.814.707.081)	(1.785.762.345)
Chi phí không được khấu trừ thuế	95.820.285	-
Dự phòng thiếu các năm trước	51.576.773	5.866.778
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	19.829.052.268	129.761.974.734

(b) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và Công ty con là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

ACBS có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu		
Nhận vốn góp chủ sở hữu		1.500.000.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	36.619.232.666	16.398.157.769
Chi phí thuê văn phòng, điện nước phải trả	2.044.594.586	2.123.214.005
Doanh thu chuyển quyền sở hữu		77.251.454
Doanh thu hoạt động cho thuê	840.000.000	720.000.000
Doanh thu tư vấn	995.454.546	661.363.636
Doanh thu hoạt động môi giới	141.432.931.433	22.180.958.560
Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	51.400.000.000	
Chi phí khác	102.292.806	297.683.484
Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt	8.729.921.670	6.265.800.000

ACBS có các số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	146.694.248.405	116.037.319.191
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	1.414.439.780.822	305.800.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	350.000.000.000	180.000.000.000
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	22.463.712.241	8.085.087.944

33. Các cam kết***Cam kết thuê***

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	15.771.384.147	2.735.684.800
Từ hai đến năm năm	59.897.108.393	3.993.854.400
	75.668.492.540	6.729.539.200

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

34. Thông tin so sánh

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu liên quan đến việc phân loại lại chênh lệch đánh giá lại của chứng quyền do Công ty phát hành trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	1/1/2022 (phân loại lại) VND	1/1/2022 (theo báo cáo trước đây) VND
Lợi nhuận đã thực hiện	761.671.967.089	808.952.896.689
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	15.950.315.546	(31.330.614.054)

(b) Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất

	1/1/2022 (phân loại lại) VND	1/1/2022 (theo báo cáo trước đây) VND
Lợi nhuận đã thực hiện	761.671.967.089	808.952.896.689
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	15.950.315.546	(31.330.614.054)

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám đốc

Số: 30.2/CV-ACBS.23

TP.HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

V/v Giải trình biến động lợi nhuận hợp nhất sau thuế Năm 2022 so với Năm 2021 trên 10%

Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") giải trình về chênh lệch lợi nhuận hợp nhất sau thuế Năm 2022 so với Năm 2021 trên 10% như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Báo cáo tài chính	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
Báo cáo tài chính hợp nhất	Lợi nhuận sau thuế	78	541	(463)

Lý do ảnh hưởng chủ yếu: Tình hình thị trường chứng khoán năm 2022 trải qua nhiều khó khăn, bất ổn đã tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của ACBS.

- Doanh thu hoạt động giảm với số tiền 321 tỷ đồng, trong đó: lãi từ hoạt động đầu tư giảm 260 tỷ đồng; doanh thu hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán giảm 73 tỷ đồng; lãi từ các khoản cho vay tăng 12 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm 2021.
- Chi phí hoạt động kinh doanh tăng 212 tỷ đồng. Biến động tăng này chủ yếu từ khoản lỗ từ hoạt động đầu tư tăng 316 tỷ đồng; chi phí hoạt động tư vấn tăng 1 tỷ đồng; chi phí nghiệp vụ môi giới giảm 98 tỷ đồng; chi phí đi vay của các khoản cho vay giảm 7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021.
- Chi phí quản lý tăng 39 tỷ đồng.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 109 tỷ đồng.

Như vậy, do ảnh hưởng trọng yếu của yếu tố nêu trên, lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2022 so với năm 2021 đã giảm 463 tỷ đồng. ACBS giải trình để Quý Cơ quan hữu quan được rõ.

Trân trọng

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu P.HC và P.KT

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN
ACB
Nguyễn Đức Hoàn
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẦN 7

KẾ HOẠCH 2023

7.1. TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG 2023



Nền kinh tế thế giới trong năm 2023 dự kiến sẽ có nhiều tín hiệu lạc quan trong 6 tháng cuối năm với lạm phát, lãi suất dự kiến sẽ dần hạ nhiệt, thúc đẩy tiêu dùng toàn cầu phục hồi. Đối với Việt Nam, đây cũng sẽ là tín hiệu tốt giúp cho các

hoạt động kinh tế, sản xuất, xuất nhập khẩu phát triển trong 6 tháng cuối năm. Đầu tư công dự kiến được đẩy mạnh sẽ thúc đẩy các ngành kinh tế trong nước, tạo việc làm, tạo dòng vốn và thúc đẩy tiêu dùng nội địa.

Dự phóng GDP

Tăng trưởng GDP	2019	2020	2021	2022	2023F
Việt Nam	7,0%	2.9%	2,6%	7,8%	6.5%
Bình quân	3,8%	-5,7%	4,3%	4,6%	4,1%
Singapore	1,3%	-5,4%	8,0%	3,0%	2,3%
Thái Lan	2,3%	-6,1%	1,5%	2,8%	3,7%
Malaysia	4,3%	-5,6%	3,1%	5,4%	4,4%
Indonesia	5,0%	-2,1%	3,7%	5,3%	5,0%
Philippines	5,9%	-9,5%	5,7%	6,5%	5,0%

Nguồn: IMF, TCTK

Với kỳ vọng bức tranh sẽ tươi sáng hơn trong 6 tháng cuối năm, thị trường chứng khoán Việt Nam dự kiến sẽ đi trước sự đảo chiều của nền kinh tế với những đợt giải ngân sớm từ quý 2/2023 nhằm đón đầu những tín hiệu lạc quan đó. Chúng tôi ước tính chỉ số VN-Index năm 2023 sẽ đạt 1.217 điểm theo kịch bản cơ sở với mức tăng trưởng lợi nhuận là 12,8% và P/E là 11,3x. Kịch bản cơ sở này dựa trên hai giả định: khả năng phục hồi của ngành ngân hàng nhờ chất lượng tài sản và NIM duy trì ổn định và lạm phát năm 2023 trong tầm kiểm soát giúp

Chính phủ có nhiều dư địa hơn để xúc tiến đầu tư công, qua đó thúc đẩy các ngành liên quan như vật liệu xây dựng, logistics, khu công nghiệp... Vốn được bơm vào nền kinh tế thông qua chi tiêu công sẽ giải quyết vấn đề thanh khoản của hệ thống và giúp các doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất, dễ dàng tiếp cận các khoản vay hơn. Theo đó, thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2023 trở nên hấp dẫn và sẽ thu hút thêm dòng vốn ngoại quay trở lại, đặc biệt khi định giá thị trường đang ở mức rất hấp dẫn, gần với đáy của 10 năm.

7.2.KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KHỐI BÁN LẺ

Triển khai hoạt động hợp tác giới thiệu với Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB):

Khai thác sức mạnh hệ thống về thương hiệu và khách hàng từ Ngân hàng mẹ là ACB, ACBS nỗ lực đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện trong công tác giới thiệu sản phẩm dịch vụ chứng khoán, mở rộng quy mô hoạt động ra tất cả các Chi nhánh, Phòng Giao dịch ACB trên toàn quốc. Bên cạnh đó, ACBS cũng sẽ phối hợp cùng ACB phát triển khách hàng qua kênh số, cung cấp sản phẩm dịch vụ chứng khoán trên nền tảng ứng dụng di động ACB ONE.

Hoàn thiện đội ngũ Môi giới và nâng cao chất lượng tư vấn, chăm sóc khách hàng:

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của năm 2023 của ACBS là hoàn tất việc cải tổ đội ngũ Môi giới để làm tiền đề cho chiến lược phát triển giai đoạn 2023 – 2025. Đội ngũ Môi giới sẽ được sàng lọc, sắp xếp lại. Đồng thời, để nâng cao chất lượng đội ngũ, ACBS sẽ xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ dành cho Môi giới.

Các hoạt động được triển khai nhằm hỗ trợ và thúc đẩy Môi giới trong việc phát triển, chăm sóc khách hàng:

- ▶ Quy định chuẩn nguyên tắc chăm sóc khách hàng, yêu cầu Môi giới phải đảm bảo tần suất tương tác với khách hàng, chất lượng phục vụ;
- ▶ Xây dựng các hệ thống, chương trình phần mềm quản lý khách hàng và hoạt động chăm sóc khách hàng;
- ▶ Phát triển kênh tư vấn, chăm sóc khách hàng trực tuyến;
- ▶ Tổ chức các chương trình thi đua định kỳ thúc đẩy việc chăm sóc và phát triển khách hàng.





Không ngừng cải tiến sản phẩm, dịch vụ:

Trong năm 2023, ACBS tiếp tục thực hiện cải tiến các kênh giao dịch trực tuyến, cụ thể:

_ Giới thiệu trang giao dịch trực tuyến (web trading) mới, tích hợp giữa bảng giá, thông tin thị trường, phân tích cổ phiếu và các chức năng giao dịch;

_ Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng giao dịch chứng khoán (app), bổ sung thêm các tính năng, tiện ích. Ngoài ra, một số sản phẩm dịch vụ mới cũng sẽ được triển khai

như chuyển tiền qua tài khoản định danh, giao dịch chứng chỉ quỹ mở. ACBS tiếp tục nghiên cứu, thiết kế các gói sản phẩm với chính sách giá linh hoạt phù hợp nhu cầu và hành vi của từng nhóm đối tượng khách hàng, từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng khác biệt trên thị trường.

7.3.KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THEO XU THẾ CHUYỂN ĐỔI SỐ

TRONG 2023

Theo xu hướng của năm 2023, chúng tôi sẽ nghiên cứu để áp dụng công nghệ tiên tiến để tăng tương tác, trải nghiệm khách hàng như AI chatbot, features add-on, feedback instantly, v.v.

Nhằm tăng sự yên tâm cho khách hàng khi giao dịch chứng khoán, ACBS luôn quan tâm nghiêm túc đến vấn đề bảo mật. Cụ thể trong năm nay, ACBS sẽ tiếp tục thực hiện hàng loạt những đợt kiểm tra (pen test)

để phát hiện và khắc phục từ sớm những vấn đề dù là nhỏ nhất.

Cùng với phương châm "Lấy khách hàng làm trọng tâm" ACBS sẽ đầu tư xây dựng Data Warehouse, chuẩn hoá nền tảng dữ liệu khách hàng (Customer Data Platform - CDP) tạo tiền đề cho việc khai thác dữ liệu để giúp chúng tôi hiểu rõ Khách hàng hơn, từ đó có thể cung cấp những sản phẩm dịch vụ phù hợp nhất với từng đối tượng.

The background of the cover is a dark blue, high-angle night photograph of a city skyline. Several tall buildings are visible, with their windows glowing with light. Overlaid on this image is a large, stylized graphic of a building facade, composed of a grid of yellow squares and rectangles, creating a 3D effect. A thin, yellow, curved line arches over the central part of the image, framing the ACBS logo and the main title. The ACBS logo is in white, and the words 'ANNUAL REPORT' are in large, bold, yellow-green letters with a slight shadow. The year '2022' is in large, white, bold letters at the bottom right.

ACBS

**ANNUAL
REPORT**

2022

ACB SECURITIES COMPANY LIMITED

3rd Floor Léman Luxury Building

117 Nguyen Dinh Chieu

Vo Thi Sau Ward, District 3

Ho Chi Minh City

Tel: 1900 5555 33

www.acbs.com.vn

Table of contents

PART 1: ABOUT ACBS

1.1	General information	1
1.2	Business lines and locations of the business	5
1.3	Information about governance model, business organization and managerial apparatus	6
1.4	Development orientations	7
1.5	Specify the risks probably affecting the production and business of the Company's objectives	11

PART 2: OPERATIONS IN 2022

2.1	Situation of production and business operations	13
2.2	Organization and Human resource	14
a)	Members of Council	15
b)	Board of Directors	16
c)	Changes in the Board of Management	16
d)	Number of employees and changes	16
e)	Policies related to employees: summary and changes	16
2.3	Investment activities, project implementation	18
a)	Major investments	18
b)	Subsidiaries, associated companies	18
2.4	Financial situation	19
a)	Financial situation	19
b)	Major financial indicators	19
2.5	Shareholders structure, change in the owner's equity	20
2.6	Environment-Social-Governance (ESG) Report of ACBS	20

PART 3: REPORTS AND ASSESSMENTS OF THE BOARD OF MANAGEMENT

3.1	Assessment of operating results	20
3.2	Financial Situation	21
a)	Assets	21
b)	Debt Payable	21
3.3	Improvements in organizational structure, policies, and management	22
3.4	Development plans in future	22

3.5	Explanation of the Board of Management for auditor's opinions	
3.6	Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company	
a)	Assessment related to environmental criteria (consumption of water, energy, emissions...)	23
b)	Assessments related to employee issues	23
c)	Assessment regarding corporate social responsibility	24

PART 4: ASSESSMENTS OF THE BOARD OF COUNCIL ON THE ACBS'S OPERATION

4.1	Assessments of the Board of Directors on the ACBS's operation	24
4.2	Assessment of Board of Council on Board of Directors performance	25
4.3	Plans and orientations of the Board of Council	25

PART 5: CORPORATE GOVERNANCE

5.1	Members of Council	27
a)	Members and structure of the Board of Council	27
b)	Activities of Members of Council	27
c)	The list of Members of Council possessing certificates on corporate governance	27
5.2	Supervisory Board	27
a)	Members and structure of the Supervisory Board	27
b)	Activities of the Supervisory Board	27
5.3	Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	27
a)	Salary, rewards, remuneration and benefits	27
b)	Assessing the Implementation of regulations on corporate governance	27

PART 6: FINANCIAL STATEMENTS

6.1	Auditor's opinions	27
6.2	Audited financial statements	27

PART 7: ACTION IN 2023

7.1	Outlook in 2023	28
7.2	Retail development outlook in 2023	29
7.3	Digital transformation in 2023	30



PART 1 : ABOUT ACBS

1.1.General information

Company name: ACB securities company limited

Enterprise registration certificate number: 0302030508

Charter capital: 3,000,000,000,000 VND (Three thousand billion Vietnam dong).

Owner's equity: 3,000,000,000,000 VND (Three thousand billion Vietnam dong).

Address : 3rd Floor Léman Luxury Building
117 Nguyen Dinh Chieu
Vo Thi Sau Ward, District 3
Ho Chi Minh City

Telephone number : (028) 7300 7000

Fax : (028) 7300 3751

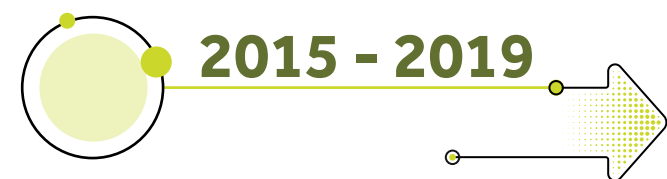
Website : <http://www.acbs.com.vn>

The process of **FORMATION AND DEVELOPMENT**

ACB Securities Company Limited (ACBS) was established under the business license number 06/GPH&KD issued by the State Securities Commission on June 29th, 2000. **The Head Office is located at 3rd Floor – Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh city.** The charter capital is 3,000 billion VND and the equity is more than 4,000 billion VND and the total assets are more than 5,500 billion VND.

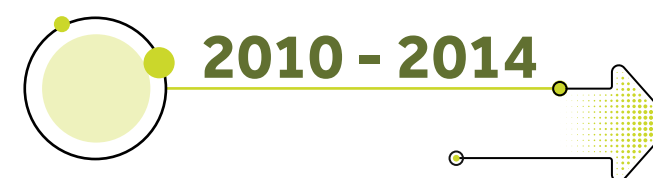


- ACBS marked the 20th year of establishment.
- The company changed its charter capital for the sixth time to 3,000 billion VND (Three thousand billion VND).
- ACBS initially issued covered warrant products
- ACBS launched online securities account opening service S-eyes
- ACBS mobile trading completely updated application with a modern interface and caught up with the market trend.
- October 24th, 2022, ACBS Head Office moved to the 3rd floor – Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC.



- ACBS was honored in the top 10 biggest securities companies of the Vietnamese Stock Market.
- The transaction system of ACBS officially operated a modern, fast, safe and secure version.
- The company deployed ACBS Trading – a trading software for electronic devices using iOS and Android operating systems.

- ACBS expanded branches: transaction offices in Bau Cat branche, Dong Nai branche, Mac Dinh Chi 4 branche, Truong Dinh 2 - 3 – 4 branches, Cach Mang Thang 8 street, and moved Cho Lon branch to 321 -323 Tran Phu, Ward 8, District 5.
- ACBS launched and officially put into use the new brand identity system on the core foundation of "Reliable - Friendly - Agility".
- ACBS organized a contest "TRADE PRO" for students interested in securities in the economic - financial, securities or banking sectors in the city. Ho Chi Minh City.
- ACBS was honored and awarded certificates of merit by the People's Committee of Ho Chi Minh City for its excellent activities for many consecutive years.
- ACBS launched the program Top Trader – Talented Investor.
- ACBS was the 11th securities company on the derivatives trading market.
- On May 20th, ACBS signed a cooperation agreement with EFG Hermes.



- ACB Securities Company celebrating its 10 years of establishment.
- Catching up with the transformation in the technology era as well as gradually developing core values, ACBS officially launched the Call Center Transaction Service and successfully upgraded the USB Token Digital Certificate Security Method for transactions over the Internet.
- ACBS won many categories prestigious award by Asiamoney Brokers Poll

- 🕒 Best overall sales services;
- 🕒 The most improved brokerage over the last 12 months;
- 🕒 The most independent research brokerage;
- 🕒 The best for events and/or conference;
- 🕒 The best for roadshows and company visits;
- 🕒 The best salesperson;

- ACBS officially deployed the SWIFT power connection solution with foreign depository banks.

- 13/06/2014, ACBS moved its Head Office to 41 Mac Dinh Chi Street, Dakao Ward, District 1, Ho Chi Minh City

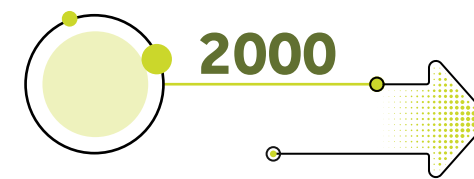
- Changing core values: Integrity - Efficiency - Harmony - Carefulness – Innovation.



- ACBS witnessed 5 times charter capital increase of 100 billion VND, 250 billion VND, 500 billion VND, 1,000 billion VND and 1,500 billion VND respectively.

- ACBS brand positioning with core values: Safety - Accuracy - Security - Creativity.

- ACBS launched and officially put into use the online trading system, allowing transactions over the Internet with a secure method using Digital Certificates.



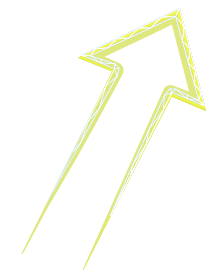
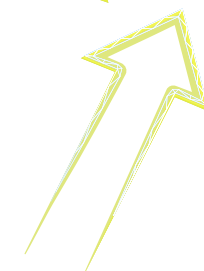
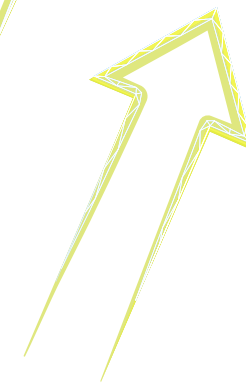
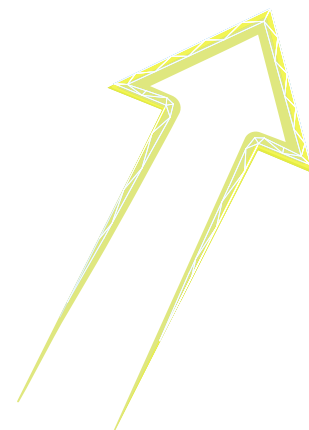
- ACB Securities CoLtd ("ACBS") was established as a 100% owned subsidiary of ACB under business license No. 06.UBCK GPHĐKD issued by the State Securities Commission of Vietnam, with 100% equity of Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB).

- ACBS initial charter capital is 43 billion VND (Forty-three billion VND)

- The head office is located at 442 Nguyen Thi Minh Khai, Ward 5, District 3

- ACBS came into operation at the same time as the Vietnam stock market and the Ho Chi Minh City Stock Exchange, including:

- 🕒 Securities brokerage;
- 🕒 Securities dealing;
- 🕒 Securities trading;
- 🕒 Securities underwriting;
- 🕒 Securities investment advisory
- 🕒 Securities investment portfolio management



OTHER EVENT IN 2022

On October 24th, 2022, ACB Securities Company Limited officially moved and reopened its Head Office on the 3rd floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCM city. With a convenient traffic location, the new ACBS Head Office is expected to bring the best experience to institutional and individual investors in this area.

The office of ACBS follows the “GREEN MOUNTAIN” theme, reflecting ACB’s commitment to sustainability and environmental protection - “Gan lai O” campaign. The office design draws from the stock market’s fluctuations, but also aims for economic growth and harmony with the green, clean and sustainable environment.

The pantry and working area have a modern open design, besides the office that has ACBS’s signature green colors. The goal is to enhance work performance and achieve high results.



ACBS office follows GREEN MOUNTAIN theme



ACBS reopened its Head Office at Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCM city

ACBS has a Head Office in Ho Chi Minh City and 11 branches/transaction offices stretching from the North - Central to South including:



1.2.Business lines and locations of the business

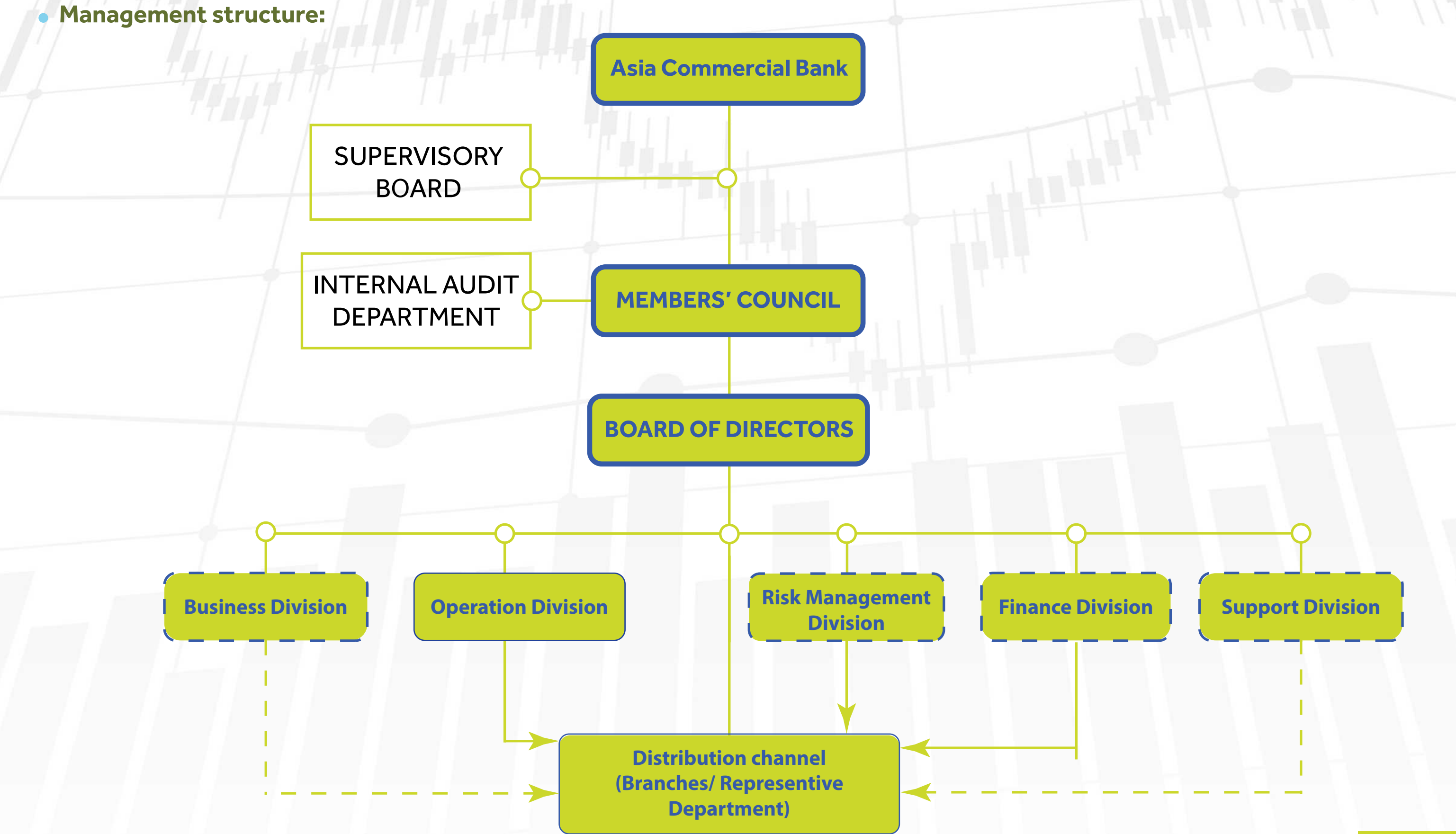
ACB Securities Company operates with full functions of a securities company including:

- **Securities brokerage;**
- **Proprietary trading;**
- **Underwriting securities;**
- **Securities investment advisory;**
- **Trading in derivatives;**
- **Provide clearing and settlement services for derivative securities transactions;**
- **Issue covered warrants and performing all operations related to covered warrants;**
- **Securities depository services, financial consulting, receiving entrustment management of securities trading accounts of investors and other financial services according to regulations of the Ministry of Finance.**

- **Head Office:**
3rd Floor, Léman Luxury Building,117 Nguyen Dinh Chieu Street,Vo Thi Sau Ward, District 3;
- **Truong Dinh Branch:**
107N Truong Dinh Street, Vo Thi Sau Ward, District 3;
- **Mac Dinh Chi Branch:**
41 Mac Dinh Chi Street, Dakao Ward, District 1;
- **Cach Mang Thang 8 Branch:**
197A-197B-197C-197/1,Cach Mang Thang Tam Street, Ward 4;
- **Cho Lon Branch:**
321- 323, Tran Phu Street, Ward 8, District 5;
- **Nguyen Thi Minh Khai Transaction Office:**
442 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ward 5, District 3;
- **HCM City Branch**
- **Vung Tau Branch**
111 Hoang Hoa Tham Street (2nd Floor, Block A3- A8), Ward 2, Vung Tau City
- **Can Tho Branch**
No. 17- 19, Nam Ky Khoi Nghia Street, Tan An Ward, Can Tho City

1.3.Information about governance model, business organization and managerial apparatus

● **Governance model:**
ACBS operates under the model of limited liability company, with 100% equity of Asia Commercial Joint Stock Bank. The legal representative is Mr. Do Minh Toan, who is the Chairman of the Members' Council.



- **Subsidiaries, associated companies**

ACB Fund Management Company Limited (ACBC), is a subsidiary with 100% capital from ACB Securities Company Limited. ACBC was established under the operating license No. 41/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on October 28th, 2008 with the following functions and duties:

- 🕒 Establishing and managing Securities Investment Funds;
- 🕒 Manage investment portfolios for organizations and individuals;
- 🕒 Raising and managing foreign investment funds with investing aim in Vietnam;
- 🕒 Securities investment advisory.

1.4. Development orientations

- **Main objectives of the Company**

In 2023, ACBS has ambitious plans to introduce a range of novel financial products to the market. These initiatives aim to address the diverse needs of both existing investors and attract new investors. Importantly, ACBS seeks to reinforce its position as one of the companies that pioneered Vietnam's stock market.

Recognizing the pivotal role of trading infrastructure and information technology, ACBS remains committed to upgrading and enhancing its technological framework. The company is dedicated to delivering cutting-edge technology solutions that align with customer requirements. As part of this effort, ACBS recently upgraded its information website. Furthermore, in 2023, ACBS will launch a new online trading platform characterized by versatility, user-friendliness, and effectiveness. This platform will empower investors by providing real-time, market-updated information, enabling them to make informed and timely investment decisions.

ACBS recognizes that a highly skilled workforce is fundamental to maintaining and elevating its standing. Consequently, the company will continuously train and enhance the expertise of its existing staff while also expanding its workforce to enhance customer service.



• Development strategies

With the goal of keeping ACBS stable and developing a market share of 3.2% in near future, Business Division will promote the implementation of the following activities:

• Accelerate product development

_Rebuilding and perfecting human resource structure for product development.

_Improve existing products to optimize business efficiency.

_Coordinate with parent banks to develop customers through cross-selling programs.

_Improve customer support services to automate the entire online account opening process.

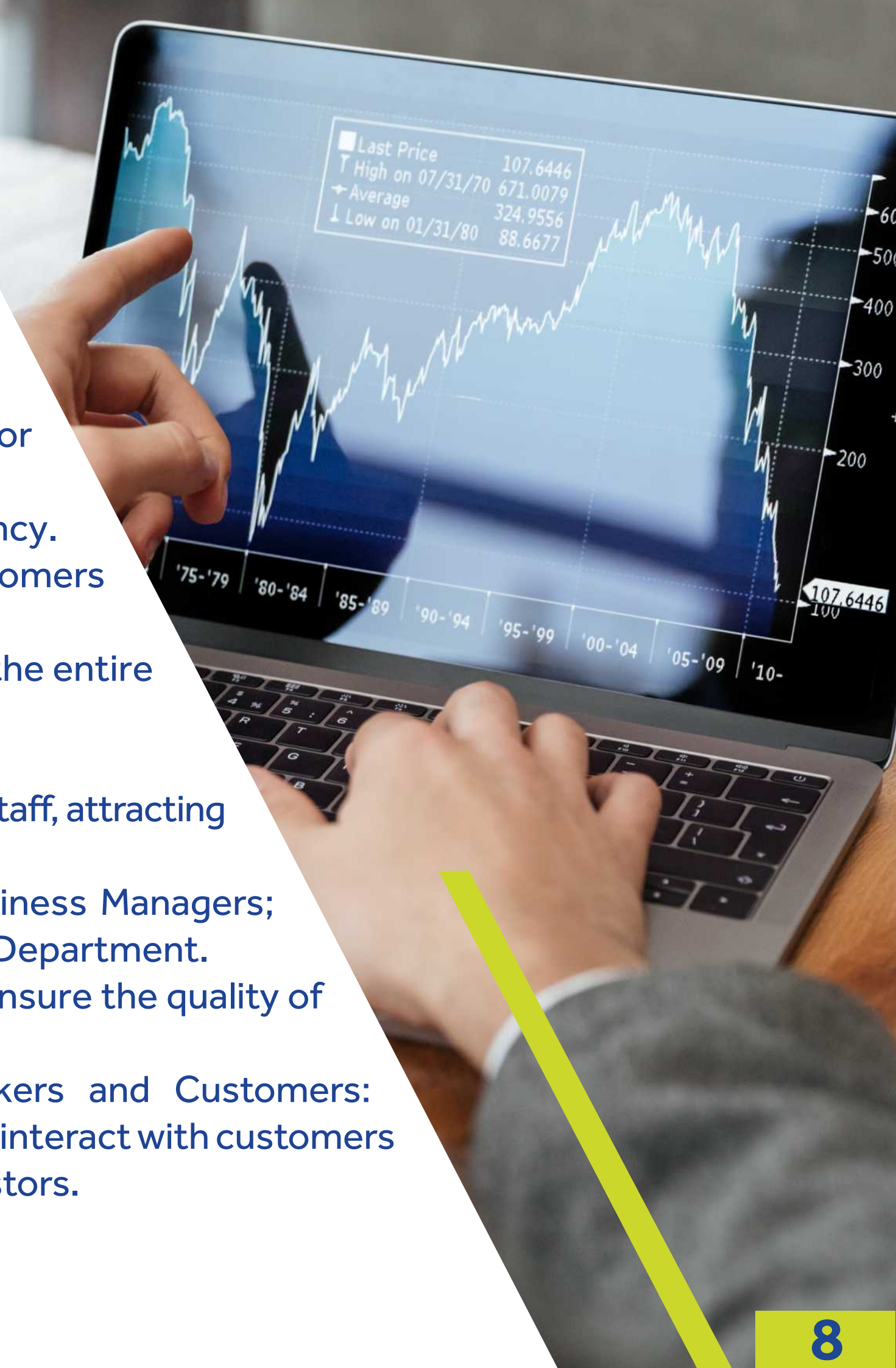
_Maintain and develop a brokerage team.

_Adjusting Brokerage policy: retaining qualified staff, attracting more experienced executives.

_Expanding the team: recruiting more Business Managers; developing Online Securities Distribution Department.

_Strengthen inspection and training to ensure the quality of consulting and customer service.

_Increase interaction between Brokers and Customers: there are tools for brokerage staff to interact with customers more, serving a wide range of investors.



🔗 Strengthen cooperation

Develop policies, management system and team to introduce potential customers, cross-sell products through banks, financial companies, real estate companies, insurance companies.

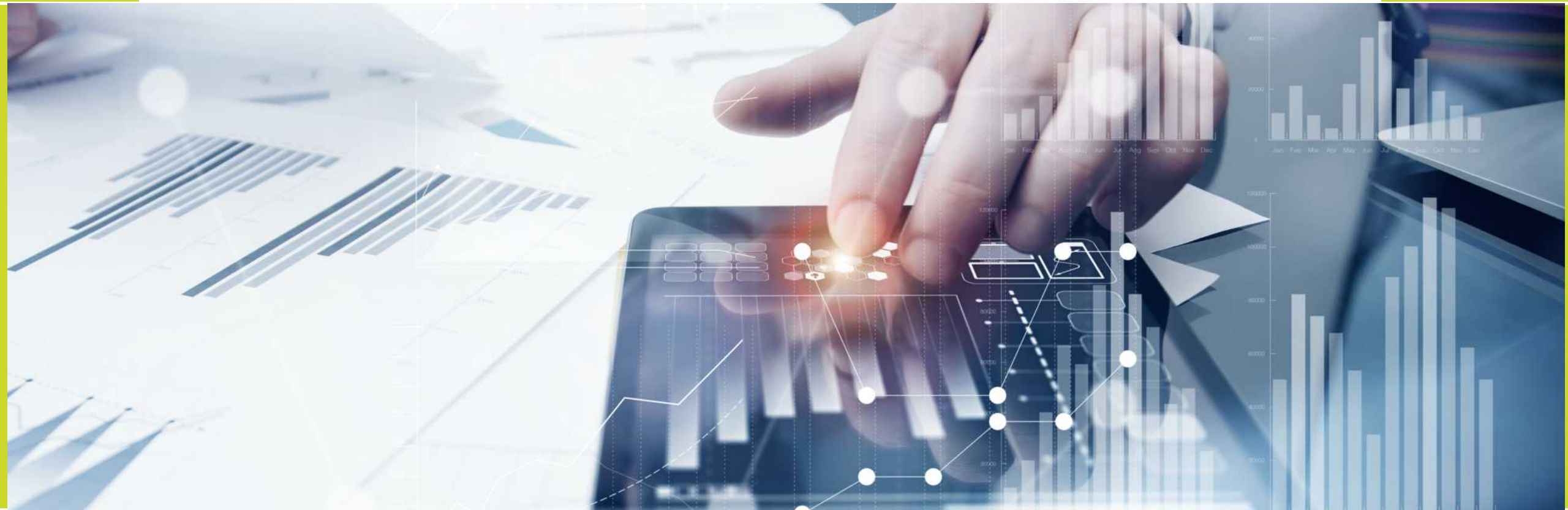
**STABILIZE,
BUILD &
DEVELOP
HUMAN
RESOURCES**

- _ Expand and develop employees.
- _ Review and adjust policies to attract qualified and experienced personnel.
- _ Organize guidance and training for new staff to ensure consulting quality.
- _ Standardize and improve processes.
- _ Completing and updating consulting processes in line with new regulations.
- _ Coordinate with other departments to standardize current processes related to warrant products.

EXPLOIT AND DEVELOP CUSTOMERS

- _ Strengthen coordination with Distribution Channels to create connections and introduce customers to use services, enhance brand recognition.
- _ Promote relationships with Banks and Credit Institutions to increase ACBS's advisory service for issuing new products.
- _ Building and maintaining relationships from existing customers to build trust for customers to continue using the service and develop new customers; client development from personal and internal relationships ACBS.





1.5.Specify the risks probably affecting the production and business of the Company's objectives

- **Situation of risk management at ACBS**

The world in the recent times passed 2 years (2020 – 2021) of struggling against covid-19 pandemic causing subsequently economical disadvantages of the period of post-pandemic. Since 2022, domestic and abroad macroeconomic environment have been posing significant challenges for firms in specific and securities market in general. A slowdown in growth rate of the economy consequently leads to revenue loss of firms. An increase in the pressure of various types of cost is being applied to corporations in which it is notable that high interest rate of lending is one of the main factors in the current interest rate environment. In the context of frequent and unpredictable occurrence of natural disasters and epidemic along with the aforementioned macroeconomic factor, ACBS' orientation is keeping enhancing the role of risk management in order to ensure high performance of ACBS and achieve objectives established in the year of 2023.

• The risk management system at ACBS

ACBS has been implementing rigorous procedures and policies of risk management from recognizing risks to assessing, measuring, controlling and minimizing risks. Three lines of protection are being adopted in risk management in purpose of ensuring business operation in safe and efficient manner, in which:

First line of protection has been formed by business sectors, service sectors and others in likelihood of posing potential risks and making risky decisions. These sectors are responsible for recognizing, assessing and minimizing risk in operating procedures.

Second line of protection has been formed by sectors with major function of managing and minimizing risk comprising of Risk Management Department and Legal Department. These departments are in charge of developing policies, imposing mechanism of measuring and estimating risk, mechanism of assessing risk aiming at supervising the sectors of the first line executing their above functions in a proper process.

Third line of protection has been formed by Internal Control Department and Internal Audit Department, these two departments have to be responsible for internally controlling and auditing to ensure that risk management operations of the first and second lines are complied with internal regulations of ACBS and government laws.

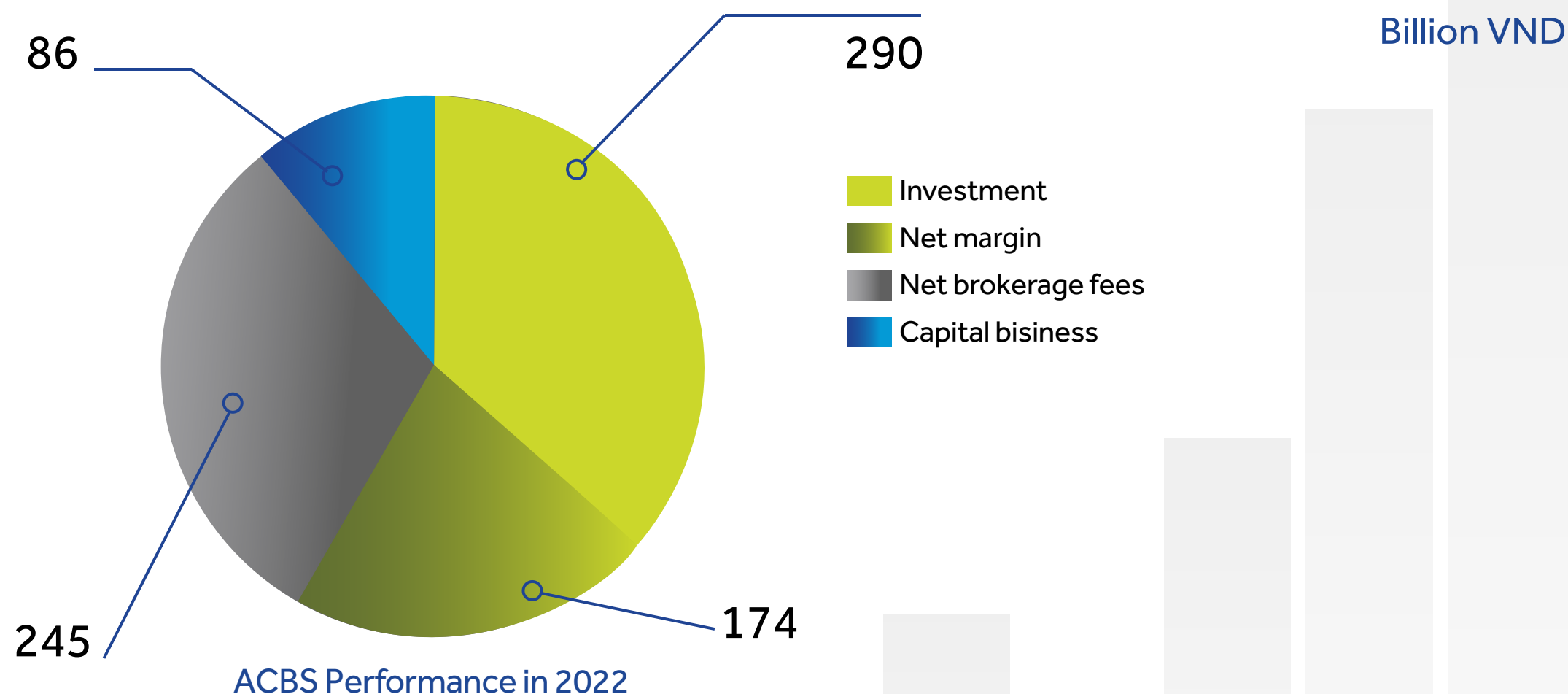
Risk management policies in ACBS are implemented throughout Board of Member, Risk Management Committee, Board of Management and all other departments and employees.



PART 2 : OPERATIONS IN 2022

2.1.Situation of production and business operations

In 2022, ACBS achieved a pre-tax profit of 97.8 billion VND, of which, ACBS operating profit reached 214.8 billion VND, down -71% over the same period, details are as follows:



Net brokerage fees with revenue of 245 billion VND, a slight increase of 11% compared to 2021 (220 billion VND). Although Vietnam's stock market fell 32.8% and ended the year with the VN-Index reaching 1,007.1 points. Liquidity on the stock market reached an average of 10,351.4 billion VND/session in Q4/2022, decreasing by 57.2% compare to Q1/2022 with an average of 24,203.6 billion VND/session, but net brokerage fees still increased over the same period which was a positive point in 2022.

Net margin reached 174 billion VND, a slight increase of 12% compared to 2021 (155 billion VND). Despite the adverse influence from the market, net margin lending interest still increased slightly by 12% compared to 2021 and no bad debt balance is a bright spot in 2022. Capital business reached 86 billion VND, up 41% over the same period, while in 2021 it reached 61 billion VND.

Investment lost of 290 billion VND decreased by 193% over the same period, in 2021 profit of 312 billion VND. Cause of decreasing in selling and revaluation of stocks lost 339 billion VND, down 201% compared to 2021 profit of 336.8 billion VND.

2.2.Organization and Human resource

a) Members of Council

Members' Council include:



Mr. Do Minh Toan
Chairman of the Members' Council

Mr. Do Minh Toan was appointed Chairman of ACBS's Member Council for the term of 2018-2023 from June 2022. Currently, he also holds the position of Chairman of Investment Council, Chairman of Human Resources and Compensation Council at ACBS.

Mr. Do Minh Toan joined ACB in 1995 and held many important and key positions in the Group. In 2012, he was appointed General Director of ACB and held this position for 3 consecutive terms (9 years).

Mr. Toan graduated with a Master's degree in Business Administration from Columbia Southern University, USA and a Bachelor's degree in Banking from the Banking Advanced School of Ho Chi Minh City (now Ho Chi Minh City Banking University). He also holds a Bachelor of Foreign Trade Administration from the University of Economics Ho Chi Minh City and a Bachelor of Laws from the Law University of Ho Chi Minh City.

Mr. Nguyen Thanh Long is the Member of ACBS Members' Council for the term of 2018- 2023. At ACBS, besides the main position of Vice-Chairman of Board of Management, he also holds the position of the Chairman of the Risk Management Committee, Member of the Human Committee and the ACB Investment Committee. He had held many leadership positions at Saigon Jewelry Company (SJC), Eximbank, Rong Viet Securities Joint Stock Company. Mr. Nguyen Thanh Long has officially joined ACB Group since 2012 and become Member of ACBS Members' Countil since August 2018.



Mr. Nguyen Thanh Long
Member



Mr. Huynh Duy Sang
Member

He was appointed as Vice Chairman of the ACBS Member Council for the term of 2018-2023 from June 2022, Mr. Nguyen Duc Thai Han previously held the role of Chairman of the ACBS Members' Council. He currently holds the position of Chairman of the ALCO Council at ACBS.

Mr. Nguyen Duc Thai Han graduated with a Bachelor of Science, major in theoretical physics, General University of Ho Chi Minh City. In 1994, he joined Asia Commercial Bank and went through the following positions: Deputy Head of Research and Development Department, Deputy Head of Credit Department, Head of Monetary Business Department, Head of Capital Business Department, Head of Foreign Exchange Trading Department.

Since 2008, Mr. Han has held the position of Deputy CEO of Asia Commercial Joint Stock Bank. Currently he is assigned to lead the Financial Market Division and incharge of ALCO Vice Chairman.



Mr. Nguyen Duc Thai Han
Vice- Chairman of the Members' Council

Mr. Sang is the Member of ACBS Members' Council for the term of 2018- 2023 in June 2022. Mr. Sang used to be as the Chief Financial Officer of ACBS from February 2020 to December 2020. At the beginning in November 2006 with the Senior Forex/Gold Trading position at ACB. During his time at ACB, Mr. Sang has held management positions at the group including Deputy Director of Gold Transaction Center; Director of Treasury Business Management Project; Deputy Head of Foreign Exchange Trading & Gold Sales Department. Mr. Sang holds an excellent grade from the Master of Banking and Finance Program of Paris Dauphine University & ESCP Europe, currently he also is official member of the CFA Association on the payroll of the Singapore Society under CFA Institute US. Mr. Sang was also a Visiting Lecturer of University of Economics – Finance and IBM Academy for the MBA Training Program of UBIS University – Switzerland (2017- 2020). Currently, Mr. Sang is Director of Financial Market Division at ACB.

b) Board of Directors

Mr. Nguyen Duc Hoan has 20 years of experience in the Vietnamese and International financial markets. He used to hold important positions such as CEO and Member of the Members’ Council of companies such as: Tin Phat Fund Joint Stock Company, KB Securities Company and HDB Securities Joint Stock Company. He graduated from University of Leicester and held Master of Business Administration (MBA) the and a Master of Science in Financial International (MSc in Finance) from the University of Westminster, UK. With his expertise forged abroad, Mr. Hoan has made important contributions while working at Barclays Bank in London and Institutional Banking under MSB. Mr. Nguyen Duc Hoan was appointed as CEO of ACBS from June 22th, 2022. His top priority is risk controlling, from identification to building preventing systems to fulfill assigned business targets.



Mr. Nguyen Duc Hoan
CEO

Mr. Hoang Cong Nguyen Vu was appointed Vice President of ACBS from October 3rd, 2022. Joining the Board of Directors, Mr. Vu directly manages and operates the Operations Division with the goal of ensuring the information technology system and procedures of securities operation at ACBS are safe and fluent. Mr. Vu has more than 18 years of experience in the securities industry with nearly 13 years in senior management roles, which 9 years he joined the Board of Management at 5 different securities companies. In addition, he had working experiences at the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) and the Securities Depository Center Ho Chi Minh City Branch (VSD) with the tasks of managing, developing the system and training the transaction payment process for member securities companies. Mr. Vu graduated with a degree of Master in Business Administration from the FPT University.



Mr. Hoang Cong Nguyen Vu
Vice President

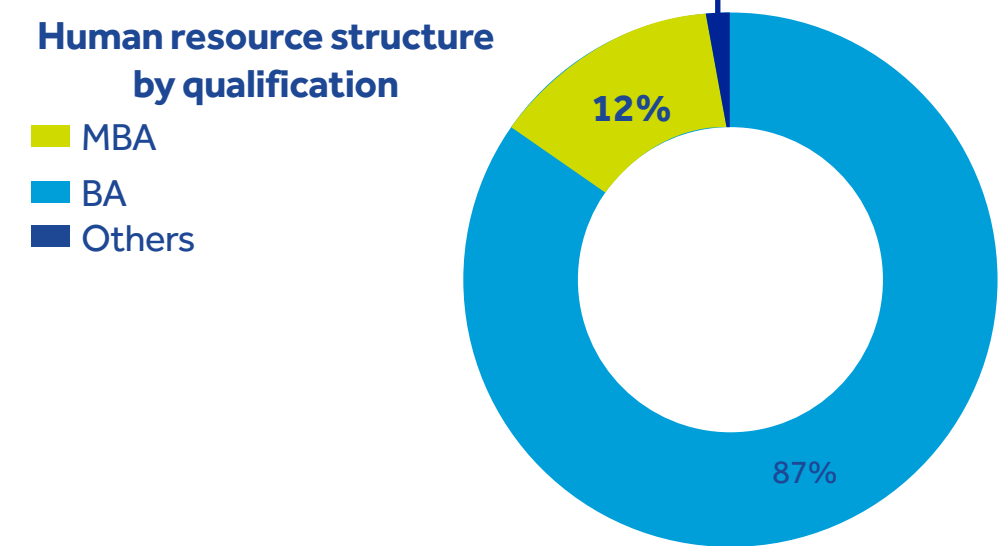
c) Changes in the Board of Management

In April 2022, Mr. Trinh Thanh Can resigned from the position of CEO at ACBS.

By June 2022, the Board of Management of Asia Commercial Joint Stock Bank approved the Decision to appoint Mr. Nguyen Duc Hoan to the position of CEO of ACB Securities Company Limited.

In October 2022, Chairman of the Board of Members officially appointed Mr. Hoang Cong Nguyen Vu to assume the position of Vice President of ACB Securities Company Limited (ACBS).

d) Number of employees



As of December 31st 2022, ACBS has obtain the number nearly 400 employees which 98% of staff have BA and MBA degree and more than 200 employees get Securities Practicing Certificates.

e) Policies related to employees: summary and changes

Policy of employees treatment

ACBS develops a competitive salary and bonus policy on the basis of a salary survey of the labor market, based on fairness and transparency criteria commensurate with result of performance and work quality.

Employees’s income is determined according to the job completion set up by ACBS for departments and individual. ACBS has built performance appraisal management system that is called Balanced Scorecard (BSC)

for employees to ensure that employees can determine the expected level of assigned work as well as be informed the appropriate reward level to motivate, direct encourage to each individual.

ACBS complies with the provisions of the law on insurance for employees. All official employees of ACBS are entitled to participate and receive benefits from social insurance, health insurance and unemployment insurance benefits.

In addition, ACBS employees are also participate in many benefits such as: meal allowances, comprehensive health care, supporting health insurance for employees’s relatives, personal accident insurance 24/24, employees preferential interest rate, birthday, marriage, compassionate, etc.

ACBS also enhances the spirit of working and entertainment for employees through many activities such as Team building, Incorporation Date Anniversary, Football Tournaments, Jogging, Women’s day Party, Year-end Party -Honoring Outstanding Employees, etc



Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers

ACBS still maintains and complies with Covid-19 epidemic prevention and control. At the workplace, there are fully equipped with temperature monitors, hand sanitizers, quick test kits, etc. At the same time, regularly transfer information and instructions to the staff to prevent and control the Covid - 19 epidemic.

ACBS continues to maintain annual health checking for all employees and leaders.

Policies and activities of Employee recruitment

ACBS recruitment policy focuses on attracting talents, creating conditions for talented candidates to develop their career orientation. The relationship between ACBS and the candidate is built on organization general purpose and candidate's career development.

ACBS is an active connection for educational activities of universities, giving students the opportunity to study and working experience at ACBS. As a result, ACBS Team has more and more young candidates who are passionate about finance

and securities join to get internship and job opportunities as well as long-term co-operation and working.

ACBS set up a fair recruitment chance to ensure job opportunities for all candidates from fresh to working experienced.

Employee training

For ACBS, human resources are a valuable asset, so that job training policies are always focused to ensure that all members can learn and cultivate new knowledge to help employees fulfill their tasks and improve the capacity for the current job and develop the career in the future.

Educational plan is diversified in terms of transmission and the contents was expressed through workshops, elearning... ACBS encourages proactive learning and experience sharing among individuals and groups in order to spread progress not only within the organization, but also to the community and to ACBS customers.

The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development

ACBS's human resources development policy focuses on the quality, adaptability and innovation of human resources to ensure that they are capable of well completing assigned tasks.

Motivating the management to fulfill the business plan, improving training ability and developing at all departments, be willing to participate in learning new knowledge.

In 2022, ACBS has built a new development orientation through the construction of functions and tasks, organizational structure and title system according to the new organizational chart.

Building an opened model office with many plants and modern equipment to create a favorable working space, bring comfort and increase inspiration for employees.



2.3. Investment activities, project implementation

a) Major investments

Unlike when Vietnam stock market is extremely favorable in 2021 with strong cheap cash inflow and high demand for investment multipliers, the stock market in 2022 faced consecutive negative influences from world's and Vietnam's geopolitics, economic downturn and critical events affecting capital flows. Because of that momentum, ACBS's investment scale had to be continuously reduced to narrow down the impact on its company's profits as well as prevent more unexpected events that could worsen the investment confidence of the market. By the end of 2022, large investments have greatly reduced in size to save capital and wait for the opportunities to disburse again.

At the same time, ACBS's covered warrants in 2022 were issued in the style of being more defensive and of hoarding assets with better quality investment stocks for customers who also have waited for the opportunity to disburse. Although Vietnam covered warrant market experienced a volatile year due to the influence of the underlying stock market, covered warrants issued by ACBS are always in the top tier group favored by investors with good liquidity. ACBS was among the top issuers with a high market share by transaction value, accounting for approximately 20%.



Source: Internet

b) Subsidiaries, associated companies

ACB Capital Management Company Limited (ACBC) is a subsidiary of ACBS established under the Operating License No. 41/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 28th October 2008. There are many fluctuations for the stock market in 2022. However, ACBC is still flexible with market movements to effectively exploit short-term profitability while sticking to investment strategies, ensuring risk management, focusing on the optimal and sustainable investment performance for customers.

End of year 2022, ACBC's activities achieved the following results:

- Owner’s Capital: 50 billion VND
- Profit before tax: 2.61 billion VND
- Financial Safety Ratio: 534%

In 2023, ACBC will continue to focus on core business activities, improve the efficiency of asset management for existing customers, and effectively manage ACB50 Member Funds to bring the value for customers. ACBC continues to research, design and manage new investment funds to diversify products and services to customers.

2.4.Financial situation

a) Financial situation

Items (Billion VND)	2021	2022	%YoY
Total Assets	7,608	5,650	-26%
Operating Income	1,714	1,393	-19%
Gross Profit/(Loss)*	749	215	-71%
Other Operating Income	4	3	-30%
Profit Before Tax	671	98	-85%

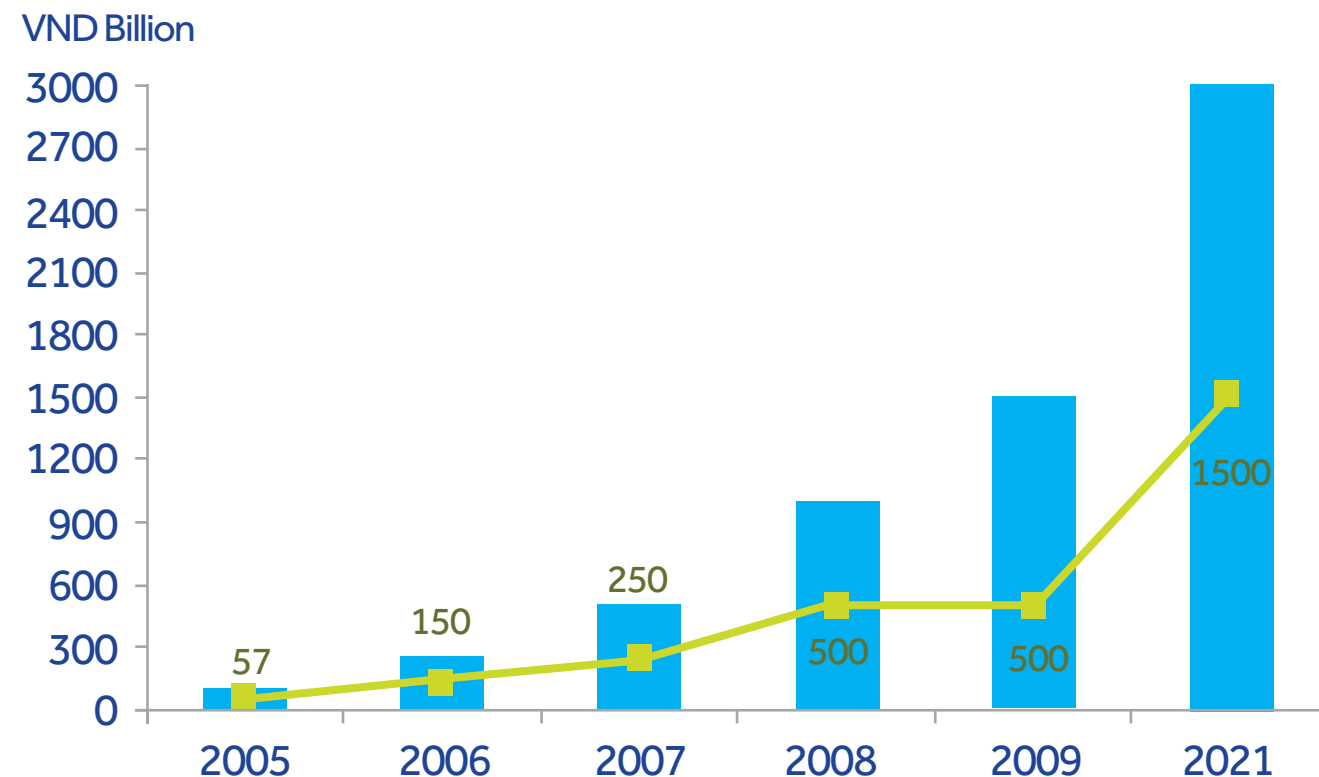
Profit After Tax	541	78	-86%
Dividend Payout Rate	-	-	-

** Gross Profit/(Loss) = Operating Income (Notes 20) – Operating Expenses (Notes 40) in Consolidated Financial Statements.*

b) Major financial indicators

Items	2021	2022
<i>Liquidity Measures</i> <i>+ Current ratio:</i>		
Current Assets/ Current Liabilities	2.1	3.7
<i>+ Quick Ratio:</i>		
(Current Assets – Inventory)/ Current Liabilities	-	-
<i>Capital Structure Ratio</i>		
Debt / Total Assets Ratio	0.5	0.3
Debt/ Owner’s Equity Ratio	0.9	0.4
<i>Operation Capability Ratio</i>		
<i>+ Inventory Turnover</i>		
Cost Of Goods Sold / Average Inventory		
<i>+ Total Asset Turnover</i>		
Net Revenue/Average Total Assets	0.2	0.2
<i>Profitability Ratio</i>		
Profit After Tax/Net Revenue Ratio	0.3	0.1
Profit After Tax/Total Capital Ratio	0.1	0.02
Profit After Tax/Total Assets Ratio	0.1	0.01
Profit From Business Activities/Net Revenue Ratio	0.4	0.2

2.5.Shareholders structure, change in the owner's equity



2.6.Environment-Social-Governance (ESG) Report of ACBS

• Environmental impact and energy consumption:

Every year, ACBS develops a detailed plan on energy consumption and use to closely monitor the cost of energy use to avoid waste and minimize impact on the environment.

In 2022, ACBS did not record any cases related to violations of the law on environmental protection.

• Reports regarding Corporate Social Responsibility:

In 2022, ACBS spent a budget to support, communicate, encourage employees to participate in social activities for the community such as: the program "Walking for victims of Dioxin" of the Department of Labor, War Invalids and Social Affairs, Blood Donation Program.

3.1.Assessment of operating results

In an unfavorable macroeconomic environment, the stock market faces significant challenges. By the conclusion of 2022, the VN-Index has declined from 1485.6 points to 1.007 points, representing a 33% decrease. Liquidity has also experienced a sharp decline, with the average daily trading value plummeting to 17 trillion VND, down 21% compared to the average session in 2021. Given this overall context, the financial performance of securities companies has generally worsened, and ACBS is no exception.

ACBS experienced a 19% decline in revenue, amounting to VND 1,392 billion. This reduction was primarily driven by a significant 39% drop in revenue from proprietary trading. Additionally, brokerage revenue also decreased by 13%. However, there is a positive aspect in ACBS's financial performance: lending revenue saw a 3% increase. On the other hand, operating costs surged by 22%, particularly in the self-trading segment (with a staggering 76% increase). Consequently, the company's net profit plummeted by 86% compared to the same period last year, reaching a mere VND 78 billion.

In 2022, a stark contrast emerged compared to the preceding year, 2021. While the proprietary trading segment had been a beacon of success, driving ACBS to remarkable profit growth in 2021, 2022 witnessed a shift. In this new year, the proprietary trading segment became the primary factor contributing to ACBS's outstanding profit growth, albeit with a significant downside: a dramatic decline in overall company profits.

Despite the challenging market conditions, the VN-Index experienced a 33% decrease from the beginning of the year to the end of 2022. Remarkably, ACBS's proprietary trading portfolio only recorded a 15% decrease, even though the proportion of stocks in the portfolio remained consistently high. When compared to the performance of other large funds in the market, this 15% decline places ACBS in the category of relatively strong performance for the year.

3.2. Financial Situation

a) Assets

Total assets value in 2022 reached VND 5,649 billion, down -25% compared to 2021 (VND 7,608 billion) of which:

- Because of the impact of reduced liquidity, fluctuations of the stock market, lending policies, the short-term assets in 2022 reached VND 5,459 billion, down 27% compared to 2021 (VND 7,517 billion), mainly:
 - _ Financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL) in 2022 was VND 489 billion, down 32% compared to 2021 (VND 716 billion).
 - _ Margin was VND 2,048 billion, down 57% compared to 2021 (VND 4,749 billion). The company did not incur any bad debts due to the sharp decrease in the demand for margin lending services from the investors.
- Long-term assets reached VND 190.8 billion, up 111% compared to 2021 (VND 90.5 billion), mainly:
 - _ Long-term financial assets was VND 61.9 billion.
 - _ Fixed assets in 2022 was 75.8 billion VND, an increase of 32% compared to 2021 (45 billion VND). To provide the best experience for customers, ACBS has developed the information technology equipment and software through App / Web ACBS.

b) Debt Payable

In 2022, liabilities was 1,477 billion VND, down 58% compared to 2021 (3,514 billion VND), mainly reducing short-term loans and issued bonds of 1,898 billion VND.



3.3.Improvements in organizational structure, policies, and management

In 2022, ACBS made significant additions to its Executive Committee and Board of Directors. Additionally, the parent bank (Asia Commercial Bank - ACB) approved and issued amendments to the functions, duties, and organizational structure of ACBS, including four councils, five departments under the Headquarters Association, and a distribution channel system, aimed at enhancing management efficiency and long-term development strategy. Concurrently, ACBS continuously recruited and appointed numerous managerial positions, following the new organizational chart. For major projects such as KRX, Algorithm Trading, Mobile Trading, and Web Trading, ACBS established dedicated project teams, gathering personnel from multiple departments to optimize resources. Furthermore, the company consistently reviewed and upgraded a series of regulations and business processes, as well as coordination processes between departments, to optimize business efficiency and apply technology to human resources management processes.

3.4.Development plans in future

ACBS has planned to develop an information technology system consisting of more than 10 major projects that will be implemented in the near future. To leverage the advantage of ACB Bank, ACBS will continue to develop and improve technical solutions such as payment gateway (Payment hub), online account opening tools to provide full and convenient functionality to serve securities trading needs right on the ACB app. In addition, after being put into use, the embedded web trading system also allows ACBS to connect with various partners to reach more customers.

To meet the change in trading and payment core of Securities Trading Centers and Securities Depository Centers as well as prepare for future developments in the market, ACBS has been continuously upgrading, modifying, adding features, and planning to survey replacing the current core system at an appropriate time.

Regarding increasing continuous operation capability (BCP), ACBS will also build a backup center (DR site) in the near future.





3.5.Explanation of the Board of Management for auditor's opinions

There is no comment.

3.6.Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a) Assessment related to environmental criteria (consumption of water, energy, emissions...):

During the operation process, ACBS determines that suitable use of energy sources will help reduce environmental impacts and at the same time avoid wasting company operating costs. Some of the measures applied at ACBS are as follows: monitoring and maintaining machinery and equipment and air conditioning systems, having a plan for periodic cleaning of equipment, monitoring electricity and water usage indicators on a regular basis in a reasonable manner according to usage needs, deploying and storing transactions of electronic documents instead of paper documents.

ACBS's activities mostly focus on activities related to the living environment, such as the company's publications and gifts using environmentally friendly materials; changing the new model of offices according to the brand identity "Green Mountain" in order to orient the company's sustainable development along with the awareness and action of environmental protection.

b) Assessments related to employee issues

ACBS complies with regulations and laws related to employees. With the aim of improving the material and spiritual life of employees, ACBS is constantly building a modern working environment, encouraging the sharing of experiences, new ideas and the spirit of mutual learning in order to create good motivation for employees to work hard, develop themselves and accompany with the Company for a long term.

c) **Assessment regarding corporate social responsibility**

ACBS is committed to implement corporate social responsibility towards the environment and the community/locality in need of support with the main goals of reducing the amount of plastic waste, printing paper, etc.

The spirit of environmental protection of ACBS has always been nurtured to become a cultural feature. Publications, gifts, etc. be sent to partners and customers all use environmentally friendly materials to spread the act of joining hands to protect the health of environment. Organizing blood donation activities that was an action showing the sharing of ACBS staffs to help patients who are in need for treatment and maintenance of life.

PART 4 ASSESSMENTS OF THE BOARD OF COUNCIL ON THE ACBS'S OPERATION



*Mr. Do Minh Toan
ACBS' Chairman of the Members' Council*

4.1. Assessments of the Board of Directors on the ACBS's operation

In the context of the world economy and politics experiencing many difficulties and instability in 2022, in which the China's Zero-Covid policy and the war between Russia and Ukraine have caused many consequences at a global scale. In addition, the cold wars between the US, China and Russia have also led to conflicts in the fields of technology, human resources, and commerce. The world has suffered from the consequences of the embargoes, divestments, and changes in supply. All of the above factors have rapidly pushed up inflation in 2022, leading to the event that US Federal Reserve System (Fed) had to raise interest rates 07 times from 0.25% in early 2022

to 4.5% at the end of 2022 (currently rate is 4.75%) to control and reverse inflation. Accordingly, Vietnam's economy have faced many difficulties and challenges when such interest rates increase, demand declines, revenue and profits of enterprises weaken.

With a volatile economic - political situation in 2022 as stated above, it is inevitable that the stock market in general and securities companies in particular have experienced some negative effects, leading to the result that most companies could not complete their business plans set out in 2022, of which ACBS achieved approximately VND98 billion in pre-tax profit and completed 24% of the plan. The highlight in ACBS' business results is the increasement in net brokerage fee income by 12% and margin i income increased by 4% over the same period.

4.2.Assessment of Board of Council on Board of Directors performance

In the context of the above-mentioned changes in the macro environment, the Board of Members has supported the Board of Management to improve and perfect the operation system of ACBS. Due to the efforts to renovate the organizational chart, to rearrange the personnel apparatus, to improve the operating system in a faster and more efficient way, to build and perfect risk management frameworks, to promulgate relevant policies and procedures on the Company's business activities, and to upgrade the transaction system, the ability to provide services to customers of ACBS is constantly enhanced.

Regarding social activities, ACBS and Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB) participated in the program "G O" with the goal of raising awareness of environmental protection, reducing the amount of plastic and printing waste, and promoting the maximum use of recycled products in order to contribute to protect the environment.

4.3.Plans and orientations of the Board of Council

In the forecast that the stock market may continue to face many difficulties in 2023 due to the high interest rates, limited credit liquidity, and expected decline in corporate profits, the Board of Members has prepared the following business plans in 2023:

For the current business segments, ACBS aims to:

- _ Expand retail brokerage and margin lending activities. Accordingly, ACBS re-evaluates stocks which are eligible for margin trading to expand the lending portfolio, and reviews customer portfolio to supply and develop suitable products in order to increase revenue and profit of this segment in 2023.
- _ Continue to promote the issuance of covered warrants (CW) to the market with the objective to be the leading securities company in providing CW related products and services.
- _ Regarding proprietary trading, ACBS advocates prudent investment and focuses on taking advantage of opportunities and market rhythms to increase the Company's business efficiency.
- _ Promote corporate financial advisory services, increase the scale of business consultation and expand the customer base of this segment.
- _ Restructure the Company's capital to increase the efficiency of borrowing and depositing activities, and to improve the efficiency of capital use, thereby improving the Company's revenue and profit.



For market share expansion:

ACBS concentrates on developing new customers, together with the advantage of being a subsidiary of ACB, ACBS is expected to actively approach and develop products serving these potential customers, thereby expanding ACBS' customer base and increasing the Company's business efficiency.

For the improvement of service quality:

ACBS promotes the rearrangement of customer service channels, including the introduction of the Telesales Department. This shall be a channel to take care and develop customers, and help the Company restore and reactivate customers and accounts which are inactive for a long time.

With the above business orientations, the Board of Members expects ACBS to achieve the targets assigned by the Owner in 2023.

PART 5: CORPORATE GOVERNANCE

5.1.Members of Council

The Board of Members for the term 2018-2023 has 04 members according to the Decision No. 4058/TCQD-HDQT.22 dated on October 10, 2022 of the Board of Directors of Asia Commercial Joint Stock Bank.

► Members and structure of the Board of Council

	Member	Professional titles
1	Do Minh Toan	Chairman
2	Nguyen Duc Thai Han	Vice-Chairman
3	Nguyen Thanh Long	Member
4	Huynh Duy Sang	Member

► Activities of Members of Council

In 2022, the Board of Members held a total of 20 meetings and collected written opinions on arising issues. The Board of Members has issued a total of 15 resolutions, 27 decisions on guidelines and policies regarding the operation, organizational structure and personnel. The Board of Members implements work under its authority through

professional committees including Investment Committee, Risk Management Committee, Human Resources and Compensation Committee, and ALCO Committee. The personnel of each professional committee must have at least 02 members of the Board of Members in order to strengthen governance capacity, promptly give suggestions and directions in each field; and perform monitoring function, ensure safety, and improve efficiency in the operation of ACBS.

The six-monthly and annual reports on corporate governance are made and fully reported to the State authorities.

► The list of Members of Council possessing certificates on corporate governance
Not applicable.

5.2.Supervisory Board

► Members and structure of the Supervisory Board
The Board of Supervisors of ACBS for the 2018-2023 term has 01 Supervisor, Mr. Huynh

Hieu Nghia. He has been the Supervisor of ACBS since 2012. Mr. Huynh Hieu Nghia graduated with a Bachelor of Accountancy from the Banking Academy of Ho Chi Minh City and he has more than 23 years of experience in the Finance - Banking industry, and in particular, Mr. Nghia is holding the position of Head of Internal Audit Department of Asia Commercial Joint Stock Bank.

► Activities of the Supervisory Board

The Board of Supervisors performs supervisory duties on the Company's activities in accordance with the Charter of ACBS, and attends periodic meetings of the Board of Members. ACBS maintains the Internal Audit Department to conduct inspection, review and assessment of suitability and compliance in the operation of ACBS, promptly detect arising errors (if any) in order to prevent and provide remedial

solutions, to ensure the operation to safe, effective and legitimate.

5.3.Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

► Salary, rewards, remuneration and benefits

Salary, bonus, remuneration and benefits of the executive board and supervisors are 8,265,558,670 VND (Eight billion two hundred and sixty-five million five hundred and fifty-eight thousand six hundred and seven thousand dong).

► Assessing the Implementation of regulations on corporate governance
ACBS complied with all regulations related to corporate governance in 2022.

PART 6: FINANCIAL STATEMENTS

6.1.Auditor's opinions

Mentioned details in the financial statements

6.2.Audited financial statements



KPMG'S COPY

ACB Securities Company Limited

Consolidated financial statements
for the year ended 31 December 2022

ACB Securities Company Limited
Corporate information

Business Registration Certificate	0302030508	29 June 2000
	0302030508	17 November 2022

The Business Registration Certificate and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

Establishment and Operation Certificate	06/GPHĐKD	29 June 2000
	56/2001/UBCK-QLKD	21 September 2001
	71/UBCK-GPĐCCTCK	6 September 2007
	77/UBCK-GPĐCCTCK	1 October 2007
	105/UBCK-GPĐCCTCK	14 January 2008
	464/QĐ-UBCK	7 July 2008
	150/UBCK-GP	4 September 2008
	271/UBCK-GP	4 November 2009
	115/GPĐC-UBCK	3 October 2012
	13/GPĐC-UBCK	13 June 2014
	18/GPĐC-UBCK	11 August 2014
	26/GPĐC-UBCK	11 July 2017
	45/GPĐC-UBCK	21 June 2021
	63/GPĐC-UBCK	3 August 2022
	101/GPĐC-UBCK	24 October 2022

The initial Establishment and Operation Licence and its amendments were issued by the State Securities Commission of Vietnam.

Members' Council	Mr. Do Minh Toan	Chairman (from 30 June 2022)
	Mr. Nguyen Duc Thai Han	Vice Chairman (from 30 June 2022)
		Chairman (until 29 June 2022)
	Mr. Nguyen Thanh Long	Member
	Mr. Huynh Duy Sang	Member
	Ms. Nguyen Ngoc Nhu Uyen	Member (until 9 October 2022)

ACB Securities Company Limited
Corporate information (continued)

Board of Directors	Mr. Nguyen Duc Hoan	General Director (from 22 June 2022)
	Mr. Hoang Cong Nguyen Vu	Deputy General Director (from 3 October 2022)
	Mr. Trinh Thanh Can	General Director (until 7 April 2022)
	Mr. Huynh Duy Sang	Chief Financial Officer (until 11 January 2023)
Legal Representative	Mr. Do Minh Toan	Chairman (from 23 August 2022)
	Mr. Nguyen Duc Thai Han	Chairman (until 22 August 2022)
Registered office		
Head office	3 rd Floor, Léman Luxury Building 117 Nguyen Dinh Chieu Street Vo Thi Sau Ward, District 3 Ho Chi Minh City Vietnam	
Cho Lon Branch	321 - 323 Tran Phu Street Ward 8, District 5 Ho Chi Minh City Vietnam	
Truong Dinh Branch	107N Truong Dinh Street Vo Thi Sau Ward, District 3 Ho Chi Minh City Vietnam	
Nguyen Thi Minh Khai Transaction office	442 Nguyen Thi Minh Khai Street Ward 5, District 3 Ho Chi Minh City Vietnam	
Cach Mang Thang 8 Branch	197A-197B-197C-197/1 Cach Mang Thang 8 Street Ward 4, District 3 Ho Chi Minh City Vietnam	

ACB Securities Company Limited
Corporate information (continued)

Mac Dinh Chi Branch	2 nd Floor, 3 rd Floor, 41 Mac Dinh Chi Street Da Kao Ward, District 1 Ho Chi Minh City Vietnam
Ha Noi Branch	10 Phan Chu Trinh Street Phan Chu Trinh Ward, Hoan Kiem District Hanoi City Vietnam
Hai Phong Branch	15 Hoang Dieu Street Minh Khai Ward, Hong Bang District Hai Phong City Vietnam
Da Nang Branch	218 Bach Dang Street Phuoc Ninh Ward, Hai Chau District Da Nang City Vietnam
Khanh Hoa Branch	80 Quang Trung Street Loc Tho Ward, Nha Trang City Khanh Hoa Province Vietnam
Vung Tau Branch	111 Hoang Hoa Tham Street Ward 2, Vung Tau City Ba Ria - Vung Tau Province Vietnam
Can Tho Branch	17 - 19 Nam Ky Khoi Nghia Street Tan An Ward, Ninh Kieu District Can Tho City Vietnam
Auditor	KPMG Limited Vietnam

ACB Securities Company Limited
Statement of the Board of Directors

The Board of Directors of ACB Securities Company Limited ("the Company") presents this statement and the accompanying consolidated financial statements of the Company and subsidiary (collectively referred to as "ACBS") for the year ended 31 December 2022.

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 ("Circular 210") issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting. In the opinion of the Board of Directors:

- (a) the consolidated financial statements set out on pages 7 to 65 give a true and fair view of the consolidated financial position of ACBS as at 31 December 2022, and its consolidated statement of income and consolidated statement of cash flows for the year ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance on amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting; and
- (b) at the date of this statement, there is no reasons to believe that ACBS will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Board of Directors has, on the date of this statement, authorised the accompanying consolidated financial statements for issue.



On behalf of the Board of Directors

Mr. Nguyễn Đức Hoàn
General Director

Ho Chi Minh City, 22 February 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

To the Owner
ACB Securities Company Limited

We have audited the accompanying consolidated financial statements of ACB Securities Company Limited and its subsidiary (collectively referred to as "ACBS"), which comprise the consolidated statement of financial position as at 31 December 2022, the consolidated statements of income and cash flows for the year ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Directors on 22 February 2023, as set out on pages 7 to 65.

Board of Directors' Responsibility

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 ("Circular 210") issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Board of Directors determines is necessary to enable the preparation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



Auditor's Opinion

In our opinion, the consolidated financial statement give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of ACB Securities Company Limited and its subsidiary as at 31 December 2022 and of their consolidated results of operations and their consolidated cash flows for the year ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies and Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

Emphasis of matter

We draw attention to Note 34 to the consolidated financial statements, which describes that the comparative information in the accompanying consolidated financial statements has been adjusted. Our audit opinion is not modified in respect of this matter.

Other matter

Comparative information

The consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries for the year ended 31 December 2021, except for the adjustments described in Note 34 to the consolidated financial statements, were audited by another firm of auditors whose reports dated 24 February 2022 expressed an unqualified opinion on those statements.

As part of our audit of the consolidated financial statements as at 31 December 2022 and for the year ended, we have audited the adjustments described in note 34 that were applied to adjust the comparative information. We were not engaged to audit, review or any procedures regarding the consolidated financial statements for the year then ended 31 December 2021, other than with respect to the adjustments described in Note 34. Accordingly, we do not express an opinion or any other form of assurance on those respective consolidated financial statements as a whole. However, in our opinion, the adjustments described in Note 34 are appropriate and have been properly applied.

KPMG Limited's Branch in Ho Chi Minh City

Vietnam
Audit Report No.: 22-01-00341-23-2



Nelson Rodriguez Casihan
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 2225-2023-007-1
Deputy General Director

Ho Chi Minh City, 22 February 2023

Tran Dinh Vinh
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 0339-2023-007-1

ACB Securities Company Limited

Consolidated statement of financial position as at 31 December 2022

Form B01 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
ASSETS				
A CURRENT ASSETS (100 = 110 + 130)	100		5,458,789,423,911	7,517,383,009,494
I Financial assets ("FA")	110		5,426,933,077,458	7,504,126,167,610
1 Cash and cash equivalents	111	5	576,035,296,481	380,307,579,547
1.1 Cash	111.1		151,035,296,481	125,307,579,547
1.2 Cash equivalents	111.2		425,000,000,000	255,000,000,000
2 Financial assets at fair value through profit or loss ("FVTPL")	112	7(a)	488,694,834,569	715,769,698,944
3 Held-to-maturity investments	113	7(b)	2,361,393,479,452	1,677,759,480,691
4 Loans receivables	114	7(c)	2,047,936,817,727	4,749,378,943,227
5 Allowance for diminution in value of financial assets and pledge assets	116	8	(116,201,756,693)	(116,201,087,728)
6 Receivables	117	9	49,997,396,970	80,503,098,918
6.1 Receivables from sales of financial assets	117.1		543,937,000	34,200,561,000
6.2 Dividend and interest receivables from financial assets	117.2		49,453,459,970	46,302,537,918
6.2.1 Overdue dividend and interest receivables from financial assets	117.3		50,000	50,000
6.2.2 Undue dividend and interest receivables from financial assets	117.4		49,453,409,970	46,302,487,918
7 Short-term prepayment for suppliers	118	10	16,253,263,672	8,819,047,078
8 Receivables from services rendered	119	11	3,451,220,747	8,120,733,981
9 Other receivables	122		671,617,513	972,545,732
10 Allowance for diminution in value of account receivables	129		(1,299,092,980)	(1,303,872,780)
II Other current assets	130		31,856,346,453	13,256,841,884
1 Advances	131		295,789,728	117,200,140
2 Short-term prepaid expenses	133	12	5,520,253,311	5,126,107,138
3 Short-term deposits, collaterals and pledges	134		44,000,000	-
4 Deductible value added tax	135		926,623,643	1,029,505,141
5 Taxes and other receivables from State Treasury	136	23	18,108,548,213	-
6 Other current assets	137	13	6,961,131,558	6,984,029,465

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of financial position as at 31 December 2022 (continued)

Form B01 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
B LONG-TERM ASSETS (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		190,799,517,826	90,505,529,539
I Long-term financial assets	210		61,920,280,000	-
2 Investments	212	14	61,920,280,000	-
2.2 Other investments	212.4		61,920,280,000	-
II Fixed assets	220		75,798,879,992	45,092,121,228
1 Tangible fixed assets	221	15	63,614,354,151	38,716,857,889
Cost	222		140,690,048,053	109,853,894,672
Accumulated depreciation	223a		(77,075,693,902)	(71,137,036,783)
2 Intangible fixed assets	227	16	12,184,525,841	6,375,263,339
Cost	228		56,769,643,611	47,998,410,182
Accumulated amortisation	229a		(44,585,117,770)	(41,623,146,843)
III Construction in progress	240	17	2,030,640,000	2,553,768,000
IV Other long-term assets	250		51,049,717,834	42,859,640,311
1 Long-term deposits, collaterals and pledges	251		6,937,962,100	6,930,962,100
2 Long-term prepaid expenses	252		9,099,092,677	910,938,157
3 Deposits at Settlement Funds	254	18(a)	20,000,000,000	20,000,000,000
4 Other long-term assets	255	18(b)	15,012,663,057	15,017,740,054
4.1 Deposits at the Derivatives Trading Clearing Fund	255.1		15,012,663,057	15,017,740,054
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		5,649,588,941,737	7,607,888,539,033

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of financial position as at 31 December 2022 (continued)

Form B01 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND (Reclassified)
C LIABILITIES (300 = 310 + 340)	300		1,477,325,885,489	3,513,557,691,971
I Current liabilities	310		1,477,312,885,489	3,513,544,691,971
1 Short-term borrowings and finance lease liabilities	311	19	1,342,964,000,000	2,741,018,000,000
1.1 Short-term borrowings	312		1,342,964,000,000	2,741,018,000,000
2 Short-term bonds issued	316	20	-	500,000,000,000
3 Payables for securities trading activities	318	21	38,909,146,263	81,461,308,834
4 Account payables to suppliers	320	22	4,061,971,429	15,046,785,634
5 Short-term advances from customers	321		187,000,000	479,000,000
6 Taxes and other payables to State Treasury	322	23	16,745,278,519	62,703,932,597
7 Payables to employees	323		29,474,369,763	44,389,800,822
8 Employees' benefits payable	324		165,264,179	156,485,179
9 Accrued expenses	325	24	43,626,730,207	66,860,483,201
10 Other payables	329		1,179,125,129	1,428,895,704
II Long-term liabilities	340		13,000,000	13,000,000
1 Other long-term payables	353		13,000,000	13,000,000
D EQUITY (400 = 410)	400		4,172,263,056,248	4,094,330,847,062
I Owner's equity	410		4,172,263,056,248	4,094,330,847,062
1 Owner's equity	411	25	3,000,000,000,000	3,000,000,000,000
1.1 Contributed capital	411.1		3,000,000,000,000	3,000,000,000,000
2 Reserve to supplement authorised capital	414		147,729,332,606	147,729,332,606
3 Financial reserve	415		168,979,231,821	168,979,231,821
4 Retained profits	417		855,554,491,821	777,622,282,635
4.1 Realised profits	417.1		1,047,234,722,488	761,671,967,089
4.2 Unrealised (losses)/profits	417.2		(191,680,230,667)	15,950,315,546
TOTAL LIABILITIES AND EQUITY (440 = 300 + 400)	440		5,649,588,941,737	7,607,888,539,033

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of financial position as at 31 December 2022 (continued)

Form B01 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

OFF-BALANCE SHEET ITEMS

	Code	Note	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
A. THE COMPANY'S ASSETS				
2 Valuable papers custodied (Quantity)	002	26(a)	4,050,094	4,050,094
8 Listed/registered financial assets at Vietnam Securities Depository ("VSD") of the Company	008	26(b)	316,564,246,000	259,035,271,000
9 Custodied financial assets at VSD not available for trading	009		1,920,000	2,510,000
10 The Company's financial assets in transit	010	26(c)	2,330,993,000	4,422,296,000
12 Financial assets not custodied at VSD	012		1,750,000	1,750,000
14 Covered warrants (Quantity)	014		25,937,400	20,956,400
B. ASSETS AND PAYABLES RELATING TO ASSETS MANAGED BY THE COMPANY				
1 Listed/registered financial assets at VSD of investors/customers	021		28,923,832,607,800	26,550,075,656,000
a. Freely traded financial assets	021.1		26,444,658,167,800	23,596,691,986,000
b. Financial assets restricted on transfer	021.2		104,382,900,000	68,170,730,000
c. Pledged financial assets	021.3		1,471,240,760,000	1,706,119,700,000
d. Blocked financial assets	021.4		724,029,060,000	663,922,230,000
e. Financial assets awaiting settlement	021.5		179,521,720,000	515,171,010,000
2 Investors'/customers' financial assets custodied at VSD but not yet traded	022		202,539,360,000	195,347,880,000
a. Financial assets custodied at VSD but not yet traded and freely on transfer	022.1		171,305,060,000	161,567,730,000
b. Financial assets custodied at VSD but not yet traded and limited on transfer	022.2		31,234,300,000	33,780,150,000

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of financial position as at 31 December 2022 (continued)

Form B01 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

OFF-BALANCE SHEET ITEMS (CONTINUED)

	Code	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
3 Investors' financial assets in transit	023	176,002,526,000	559,499,108,000
5 Investors'/customers' financial assets have not been custodied at VSD	024b	36,639,045,790,000	26,821,637,190,000
7 Customers' deposits	026	596,123,819,659	1,430,552,012,413
7.1 Customers' cash deposits managed by the Company for securities transactions	027	486,213,228,742	765,945,020,908
7.1.1 Derivative deposits of customers at VSD	027.1	34,346,320,080	91,525,980,295
7.2 Customers' synthesising deposits for securities trading activities	028	72,813,399,820	560,495,651,000
7.4 Deposits of securities issuers	030	2,750,871,017	12,585,360,210
8 Payables to investors for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031	520,559,548,822	857,471,001,203
8.1 Payables to domestic investors for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031.1	520,559,539,271	857,470,992,364
8.2 Payables to foreign investors for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031.2	9,551	8,839
9 Payables to securities issuers	032	4,047,299	10,333,565,299
12 Dividend payables, bond principals and interest payables	035	2,746,823,718	2,251,794,911

22 February 2023

Prepared by:



Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

Reviewed by:



Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of income for the year ended 31 December 2022

Form B02 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	Code Note	2022 VND	2021 VND
I OPERATING INCOME			
1.1 Gains from financial assets at FVTPL	01	443,379,165,999	729,766,522,950
a. Gains from sales of financial assets at FVTPL	01.1 27(a)	207,062,037,140	358,445,166,481
b. Gains from revaluation of financial assets at FVTPL	01.2 27(b)	308,568,822,183	248,617,209,360
c. Dividends and interest income from financial assets at FVTPL	01.3 27(c)	23,188,611,184	30,266,444,409
d. Gains from revaluation outstanding amount of covered warrants payables	01.4 27(b)	(95,440,304,508)	92,437,702,700
1.2 Interest income from HTM investments	02 27(c)	85,999,190,056	61,185,064,101
1.3 Interest income from loans and receivables	03 27(c)	354,037,522,300	342,368,942,982
1.6 Revenue from securities brokerage	06 27(d)	498,213,087,255	569,915,888,219
1.9 Revenue from securities custody	09 27(d)	7,455,318,107	9,008,180,416
1.10 Revenue from financial advisory services	10 27(d)	1,975,537,273	1,285,340,000
1.11 Other operating income	11 27(d)	1,610,726,000	781,532,894
Total operating income	20	1,392,670,546,990	1,714,311,471,562
II OPERATING EXPENSES			
2.1 Losses from financial assets at FVTPL	21	720,382,580,823	408,960,453,497
a. Losses from sales of financial assets at FVTPL	21.1 27(a)	346,868,169,335	140,532,522,659
b. Unrealised losses from revaluation of financial assets at FVTPL	21.2 27(b)	507,834,189,788	129,752,650,238
c. Transaction costs of acquisition of financial assets at FVTPL	21.3	36,277,200	151,532,700
d. Losses from revaluation outstanding amount of covered warrants payables	21.4 27(b)	(134,356,055,500)	138,523,747,900
2.4 Allowance expenses for loans receivables and borrowings costs of loans	24 28	180,477,543,160	186,976,334,742
2.6 Expenses for securities trading and investments	26	12,506,176,770	8,597,010,051
2.7 Expenses for securities brokerage	27 29	249,435,131,781	347,770,252,611
2.10 Expenses for securities custody	30	10,870,471,852	10,731,236,236
2.11 Expenses for financial advisory services	31	3,744,894,161	2,548,338,358
2.12 Expense for other services	32	480,171,543	107,807,567
Total operating expenses	40	1,177,896,970,090	965,691,433,062

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of income for the year ended 31 December 2022 (continued)

Form B02 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	Code Note	2022 VND	2021 VND
III FINANCIAL INCOME			
3.1 Realised and unrealised foreign exchange gains	41	147,157,965	18,336,523
3.2 Interest income from current accounts	42	2,907,381,538	2,626,396,415
Total financial income	50	3,054,539,503	2,644,732,938
IV FINANCIAL EXPENSES			
4.1 Realised and unrealised foreign exchange losses	51	93,205,459	17,941,656
Total financial expenses	60	93,205,459	17,941,656
V SELLING EXPENSES	61	4,723,835,264	3,166,214,918
VI GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES	62 30	117,830,414,306	80,732,808,199
VII RESULTS FROM OPERATING ACTIVITIES (70 = 20 – 40 + 50 – 60 – 61 – 62)	70	95,180,661,374	667,347,806,665
VIII OTHER INCOME AND OTHER EXPENSES			
8.1 Other income	71	3,059,615,943	3,713,201,785
8.2 Other expenses	72	479,015,863	29,333,886
Results from other activities (80 = 71 – 72)	80	2,580,600,080	3,683,867,899
IX ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX (90 = 70 + 80) (CARRIED FORWARD TO THE NEXT PAGE)	90	97,761,261,454	671,031,674,564

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of income for the year ended 31 December 2022 (continued)

Form B02 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

	Code Note	2022 VND	2021 VND
IX ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX (90 = 70 + 80) (BROUGHT FORWARD FROM THE PREVIOUS PAGE)	90	97,761,261,454	671,031,674,564
9.1 Realised profit before tax	91	258,110,878,067	598,253,160,642
9.2 Unrealised (loss)/profit before tax	92	(160,349,616,613)	72,778,513,922
X INCOME TAX EXPENSE	100	19,829,052,268	129,761,974,734
10.1 Income tax expense – current	100.1 31	19,829,052,268	129,761,974,734
XI NET PROFIT AFTER TAX (200 = 90 – 100)	200	77,932,209,186	541,269,699,830
XII OTHER COMPREHENSIVE INCOME AFTER TAX	300	-	-

Prepared by:


Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

22 February 2023

Reviewed by:


Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:


Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2022
(Indirect method)

Form B03 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

	Code	2022 VND	2021 VND
I CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1 Profit before tax	01	97,761,261,454	671,031,674,564
2 Adjustments for	02	73,596,692,133	(231,584,116,337)
Depreciation and amortisation	03	14,649,649,056	11,400,249,391
Allowance	04	(4,110,835)	4,705,915
Interest expenses	06	168,412,291,516	185,819,220,074
Profit from investment activities	07	(86,272,526,420)	(61,326,882,283)
Accrued interest income	08	(23,188,611,184)	(367,481,409,434)
3 Increase in non-monetary expenses	10	373,478,134,288	268,276,398,138
Losses from revaluation of financial assets at FVTPL	11	373,478,134,288	268,276,398,138
4 Decrease in non-monetary income	18	(213,128,517,675)	(341,054,912,060)
Gains from revaluation of financial assets at FVTPL	19	(213,128,517,675)	(341,054,912,060)
5. Operating profit before changes in operating assets and liabilities	30	1,810,084,840,190	(2,938,799,188,740)
Decrease/(increase) in financial assets at FVTPL	31	27,809,496,770	(451,755,182,678)
Increase in held to maturity investments	32	(683,633,998,761)	(637,999,206,718)
Decrease/(increase) in loans receivables	33	2,701,442,125,500	(2,099,122,520,420)
Increase available for sells financial assets	34	(61,920,280,000)	-
Decrease/(increase) in receivables from selling financial assets	35	33,656,624,000	(27,576,960,000)
Decrease in receivables and dividend and interest receivables of financial assets	36	106,036,879,188	419,366,517,609
Decrease/(increase) in receivables for services rendered	37	4,669,513,234	(3,414,139,323)
Decrease in other receivables	39	300,928,219	111,825,924
Increase in other assets	40	(98,733,186)	(13,080,608,223)
(Decrease)/increase in accrued expenses	41	(6,453,170,722)	8,856,638,915
Increase in prepaid expenses	42	(5,131,550,693)	(1,471,480,061)
Corporate income tax paid	43	(73,475,005,819)	(114,299,161,503)
Interest paid	44	(185,192,873,788)	(138,751,432,405)
(Decrease)/increase in accounts payable	45	(10,984,814,205)	3,645,823,973
Increase in employee benefits payable	46	8,779,000	405,000
(Decrease)/increase in taxes payable to State Treasury	47	(10,421,248,740)	13,162,923,434
(Decrease)/increase in payable to employees	48	(14,915,431,059)	32,852,356,765
(Decrease)/increase in other payables	50	(11,612,398,748)	70,675,010,971
Net cash flows from operating activities	60	2,141,792,410,390	(2,572,130,144,435)

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2022
(Indirect method – continued)

Form B03 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

	Code	2022 VND	2021 VND
II CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for additions to fixed assets	61	(48,284,029,820)	(4,908,187,780)
Proceeds from disposal and sale of fixed assets	62	273,336,364	141,818,182
Net cash flows from investing activities	70	(48,010,693,456)	(4,766,369,598)
III CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Proceeds from capital contributions	71	-	1,500,000,000,000
Proceeds from short-term borrowings	73	7,489,405,000,000	11,364,594,000,000
Other borrowings	73.2	7,489,405,000,000	11,364,594,000,000
Payments to settle borrowing principals	74	(9,387,459,000,000)	(10,136,226,000,000)
Other borrowings	74.3	(9,387,459,000,000)	(10,136,226,000,000)
Net cash flows from financing activities	80	(1,898,054,000,000)	2,728,368,000,000
Net cash flows during the year (90 = 60 + 70 + 80)	90	195,727,716,934	151,471,485,967
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	101	380,307,579,547	228,836,093,580
▪ Cash	101.1	125,307,579,547	226,085,082,895
▪ Cash equivalents	101.2	255,000,000,000	2,751,010,685
Cash and cash equivalents at the end of the year (103 = 90 + 101) (Note 5)	103	576,035,296,481	380,307,579,547
▪ Cash	103.1	151,035,296,481	125,307,579,547
▪ Cash equivalents	103.2	425,000,000,000	255,000,000,000

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2022
(Indirect method – continued)

Form B03 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

CASH FLOWS OF CUSTOMERS FOR BROKERAGE AND ENTRUSTMENT ACTIVITIES

	Code	2022 VND	2021 VND
Cash flows of customers for brokerage and entrustment activities			
Proceeds from sales of securities brokered by the Company	01	109,279,010,026,870	220,498,178,982,911
Payments for purchases of securities brokered by the Company	02	(109,766,692,278,050)	(220,163,460,763,811)
Receive deposits to pay customers' securities transactions	07	112,008,593,316,963	222,023,000,232,079
Deposits (payment)/received of investors at VSD	07.1	(57,179,660,215)	65,414,441,639
Payment for securities transactions of customers	08	(112,288,325,109,129)	(221,977,057,041,351)
Proceeds from securities issuers	14	4,821,553,975,174	9,947,675,943,461
Payments for securities issuers	15	(4,831,388,464,367)	(10,005,906,055,836)
Net cash flows during the year	20	(834,428,192,754)	387,845,739,092
Cash and cash equivalents of customers at the beginning of the year	30	1,430,552,012,413	1,042,706,273,321
Cash in banks at the beginning of the year	31	1,430,552,012,413	1,042,706,273,321
▪ Cash deposits managed by the Company for securities transactions of investors	32	857,471,001,203	746,113,368,836
▪ Synthesising deposits for securities trading activities	33	560,495,651,000	225,777,431,900
▪ Deposits from securities issuers	35	12,585,360,210	70,815,472,585
Cash and cash equivalents of customers at the end of the year (40 = 20 + 30)	40	596,123,819,659	1,430,552,012,413

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2022
(Indirect method - continued)

Form B03 – CTCK/HNs
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	Code	2022 VND	2021 VND
Cash in banks at the end of the year	41	596,123,819,659	1,430,552,012,413
▪ Cash deposits managed by the Company for securities transactions of investors	42	520,559,548,822	857,471,001,203
▪ Synthesising deposits for securities trading activities	43	72,813,399,820	560,495,651,000
▪ Deposits from securities issuers	45	2,750,871,017	12,585,360,210

22 February 2023

Prepared by:



Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

Reviewed by:



Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director



ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of changes in equity for the year ended 31 December 2022

Form B04 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	Opening balance as at		Movement during the year ended				Closing balance as at	
	1/1/2021	1/1/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022
	VND	VND (Reclassified)	Increase VND (Reclassified)	(Decrease) VND	Increase VND	(Decrease) VND	VND (Reclassified)	VND
Owner's capital	1,500,000,000,000	3,000,000,000,000	1,500,000,000,000	-	-	-	3,000,000,000,000	3,000,000,000,000
Contributed capital	1,500,000,000,000	3,000,000,000,000	1,500,000,000,000	-	-	-	3,000,000,000,000	3,000,000,000,000
Reserve to supplement authorised capital	121,345,390,339	147,729,332,606	26,383,942,267	-	-	-	147,729,332,606	147,729,332,606
Financial reserve	142,595,289,554	168,979,231,821	26,383,942,267	-	-	-	168,979,231,821	168,979,231,821
Retained profits	289,785,082,565	777,622,282,635	487,837,200,070	-	285,562,755,399	(207,630,546,213)	777,622,282,635	855,554,491,821
Realised profits	393,894,210,541	761,671,967,089	367,777,756,548	-	285,562,755,399	-	761,671,967,089	1,047,234,722,488
Unrealised (losses)/profits	(104,109,127,976)	15,950,315,546	120,059,443,522	-	-	(207,630,546,213)	15,950,315,546	(191,680,230,667)
Total	2,053,725,762,458	4,094,330,847,062	2,040,605,084,604	-	285,562,755,399	(207,630,546,213)	4,094,330,847,062	4,172,263,056,248

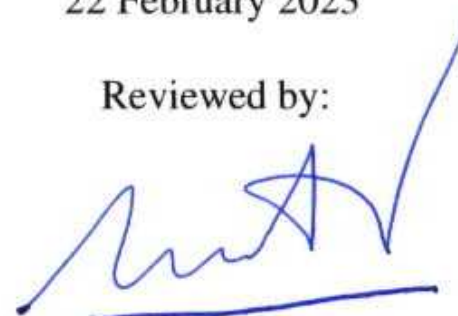
Prepared by:



Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

22 February 2023

Reviewed by:



Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022

Form B09 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements.

1. Reporting entity

(a) Establishment

ACB Securities Company Limited (“the Company”) is a limited liability company established in Vietnam under Establishment and Operation Licence No. 06/GPHDKD dated 29 June 2000 issued by the State Securities Commission of Vietnam. The Company’s Establishment and Operation Licence has been amended several times, the most recent of which is the Amended Establishment and Operation Licence No. 101/GPĐC-UBCK dated 24 October 2022 issued by the State Securities Commission of Vietnam.

(b) ACBS’s equity

As at 31 December 2022 and 1 January 2022, ACBS’s equity was VND3,000,000 million.

(c) Principal activities

The principal activities of ACBS are to carry out securities brokerage, securities trading, securities investment consulting, corporate financial consulting, securities underwriting, margin loans and securities depository activities.

(d) Normal operating cycle

The normal operating cycle of ABCS is generally within 12 months.

(e) Subsidiary

As at 31 December 2022 and 1 January 2022, the Company has one (1) subsidiary 100% owned which is ACB Fund Management Company (“ACBC”), established under the license operation No. 41/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 28 October 2008, operating in fund management industry.

(f) Number of employees

As at 31 December 2022, the Company had 386 employees (1/1/2022: 363 employees).

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

The consolidated financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 (“Circular 210”) issued by the Ministry of Finance on Accounting Guidelines applicable to securities companies and Circular No. 334/2016/TT-BTC dated December 27, 2016 (“Circular 334”) issued by the Ministry of Finance on amending, supplementing and replacing Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210, Circular No. 23/2018/TT-BTC dated 12 March 2018 (“Circular 23”) issued by the Ministry of Finance on Accounting guidance for covered warrants for securities companies that are issuers and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

(b) Basis of measurement

The consolidated financial statements, except for the consolidated statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept, except for financial instruments classified as financial assets at FVTPL and available for sales financial assets which are measured at fair value. The methods used to measure fair values are described in Note 3(e). The consolidated statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Annual accounting period

The annual accounting period of ACBS is from 1 January to 31 December.

(d) Accounting and presentation currency

ACBS’s accounting currency is Vietnam Dong (“VND”), which is also the currency used for financial consolidated financial statement presentation purpose.

(e) Changes in accounting estimates

Application of Circular 114/2021/TT-BTC

On 17 December 2021, the Ministry of Finance issued Circular No. 114/2021/TT-BTC to abolish Circular No. 146/2014/TT-BTC dated 6 October 2014 of the Ministry of Finance guiding the financial regime for securities companies, fund management companies (“Circular 114”). Circular 114 takes effect from 1 February 2022 and applies from fiscal year 2022. Accordingly, securities companies apply transition provisions to implement accounting policies.

Applying for fiscal year 2022, ACBS has applied prospective the relevant regulation of Circular 114. The prospective application of regulations related to Circular 114 and its impact on the financial statements of ACBS, if any, is disclosed in Note 3(r) to the financial statements.

ACB Securities Company Limited

**Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)**

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

3. Summary of significant accounting policies

Except for the change in accounting policies as described in Note 2(e), the following significant accounting policies have been consistently adopted in the preparation of these consolidated financial statements.

(a) Basic of consolidation

Subsidiaries

Subsidiaries are entities controlled by the Company. The financial statements of the subsidiary are included in the consolidated financial statements from the date that control commences until the date that control ceases.

Loss of control

When it loses control over a subsidiary, ACBS derecognises the assets and liabilities of the subsidiary, and any related NCI and other equity components. Any gain or loss arising from this event is recognised in the consolidated statement of income. After divestment, the remaining interest in the previous subsidiary (if any) is recognised at the carrying amount of the investment in the separate financial statements of the parent company, after adjusting for proportionality for the changes in equity since the date of acquisition if ACBS still retains significant influence in the investee, or at cost of the remaining investment if significant influence is no longer present.

Transactions eliminated on consolidation

Intra-group transactions, balances, and any unrealised income of ACBS and expenses arising from intra-group transactions, are eliminated in preparing the consolidated financial statements. Unrealised gains and losses arising from transactions with equity accounted investees are eliminated against the investment to the extent of ACBS's interest in the investee.

(b) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the year have been translated into VND at rates approximating actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate and account transfer selling rate, respectively, at the end of the annual accounting period quoted by the commercial bank where ACBS most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the consolidated statement of income.

ACB Securities Company Limited

**Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)**

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

(c) Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand, cash in banks and cash deposits for securities transactions clearing and settlement of the Company. Cash deposits for securities transactions, securities transactions clearing and settlement of the customers are separated from ACBS's accounts.

Cash equivalents are short-term investments with term to maturity of not more than 3 months, which are readily convertible to known amount of cash and are subject to an insignificant risk of changes in value from the acquisition date at the end of the annual accounting period.

(d) Financial assets and financial liabilities

(i) Recognition

Financial assets and financial liabilities are recognised in statement of financial position when ACBS becomes a party to the contractual provisions of the financial assets and financial liabilities.

(ii) Classification and measurement

- Financial assets at fair value through profit or loss ("FVTPL"): see Note 3(e);
- Held-to-maturity investments: see Note 3(f);
- Loans and receivables: see Note 3(g), 3(h) ; and
- Available for sales financial assets: see Note 3(i).

ACBS classifies financial liabilities as financial liabilities measured at amortisation, except for covered warrants payables which are classified as financial liabilities recognised at fair value through profit or loss.

(iii) Derecognition

ACBS derecognises a financial asset when the contractual rights of ACBS to the cash flows from the financial asset expire, or when ACBS transfers the rights to receive the contractual cash flows in a transaction in which substantially all of the risks and rewards of ownership of the financial asset are transferred.

ACBS derecognises a financial liability when its contractual obligations are discharged, cancelled or expired.

(iv) Offsetting

Financial assets and liabilities are offset and the net amount presented in the consolidated statement of financial position when and only when ACBS has a legal right to set off the amounts and ACBS intends either to settle them on a net basis or to realise the asset and settle the liability simultaneously.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

(e) Financial assets at FVTPL

A financial asset at FVTPL is a financial asset that meets either of the following conditions:

- It is considered by management as held for trading. A financial asset is considered as held for trading if:
 - it is acquired principally for the purpose of selling it in the near term;
 - there is evidence of a recent pattern of short-term profit-taking; or
 - a derivative (except for a derivative that is financial guarantee contract or a designated and effective hedging instrument).
- Upon initial recognition, it is designated by ACBS as financial asset at FVTPL.

Financial assets at FVTPL are initially recognised at purchase price excluding transaction costs. Subsequent to initial recognition, these financial assets are measured at market value or fair value (when market value is not available) with changes in market price or fair value being recognised as profit or loss in the consolidated statement of income.

For listed securities, the market price is the closing price at the Ho Chi Minh City Stock Exchange and the Hanoi Stock Exchange on the latest transaction date prior to the end of the annual accounting period.

For securities registered for trading on the Unlisted Public Company Market (“UPCOM”), the market price is the closing price at UPCOM on the latest trading day prior to the end of the annual accounting period.

For unlisted securities and not yet registered for trading, the market price is the average price of the transaction prices at the latest trading date prior to the end of the annual accounting period but within one month from the end of the annual accounting period provided by three securities companies which are not related to ACBS. In case there are no transaction prices within this year, no allowance is required by ACBS.

For delisted securities and securities for which trading has been suspended or cancelled from the sixth day onward, the fair value is the book value at the latest balance sheet date.

Investments in equity instruments including derivative instruments to be settled by equity instruments are stated at cost if there are no market prices and their fair values cannot be determined reliably.

(i) Covered warrants

Covered warrants are secured securities with collaterals issued by the securities companies which gives its holder the right to buy (call warrant) or sell (put warrant) underlying securities to issuing organisations at a predetermined price, at or sooner a predetermined time, or receive the difference between the exercise price and the underlying securities price at the time of execution. The securities companies issuing covered warrants are required to deposit cash and financial assets, or obtain bank guarantees to secure their obligations to warrant holders.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

The Company records transactions related to covered warrants under the guidance of Circular No. 23/2018/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 12 March 2018, details as follows:

When distributing covered warrants to investors, ACBS recognised an increase in covered warrants payables at issued price and also monitored off-balance sheet the number of warrants allowed to issue.

Covered warrants are initially recognised at issued price and subsequently revalued at fair value at the “Covered warrants payables” account. At the end of the annual accounting period, ACBS revalued its outstanding covered warrants at fair value. In case the price of covered warrant is decreased or increased, the difference will be recognised as income or expense in the consolidated statement of income.

Expenses of issuance of covered warrants are recognised in the loss of sales of financial assets recognised under FVTPL in the consolidated statement of income.

Gains/(losses) at maturity date are recognised in gains/(losses) from sales of financial assets at FVTPL in the consolidated statement of income.

(ii) Future contracts

Futures contracts are listed derivatives which confirm the commitment between the parties to perform one of the following transactions:

- Buy or sell a certain amount of underlying assets at a determined price on a predetermined future date; or
- Pay for the difference between the value of the predetermined underlying asset at the time of contract and the value of the underlying asset at a predetermined future date.

The Company recognises transactions related to future contracts under the guidance of Official Letter No. 6190/BTC-CDKT issued by the Ministry of Finance on 12 May 2017, details as follows:

The Company’s trading transactions

The Company’s deposits of derivative securities transaction are recognised and presented in the “Other current assets” in the consolidated statement of financial position.

On a daily basis, ACBS recognises an increase or decrease in cash and the gain/(loss) in the consolidated statement of income at “Gains/(losses) from sales of financial assets at FVTPL”. ACBS derecognises when the position is closed or the future contract reaches maturity.

Brokerage transactions

Deposits in derivative securities clearing funds are recognised and presented in the “Other long-term assets” in the consolidated statement of financial position.

Deposits from trading derivative securities of customers are recorded in the Off-balance sheet statement at “Derivative deposits of customers at VSD”.

ACB Securities Company Limited

**Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)**

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

(f) Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments and a fixed maturity that ACBS has the positive intention and ability to hold to maturity, other than:

- those that ACBS on initial recognition classified as at FVTPL;
- those that ACBS classified as available-for-sale; and
- those that meet the definition of loans and receivables.

Held-to-maturity investments include term deposits at banks and these investments are stated at costs less allowance for doubtful debts. Allowance for diminution in value is made when there is an indicator of long-term decline or strong evidence that ACBS might not be able to fully recover the amount and ACBS does not make allowance for diminution in value for short-term changes in prices.

Financial assets will not be further classified as held-to-maturity investments if during the current financial year or during the two most recent financial years they were sold or reclassified a significant amount of held-to-maturity financial assets prior to maturity, unless the sale or reclassification meets either of the following conditions:

- it is very close to maturity that changes in market interest rates do not significantly affect the value of financial assets;
- it is made after ACBS has received the majority of the principal of these financial assets under payment progress or advance payments; or
- it is in connection with a special event beyond the control of ACBS and this event cannot be predicted by ACBS.

(g) Loans

Loans are stated at cost. After initial recognition, loans are recorded at amortised cost using the effective interest rate method. Advances to customers for the proceeds from selling securities are advances to customers who have transactions to sell securities at the transaction date. These advances are due within two trading days.

At the end of the annual accounting period, allowance is made for loans when there is evidence of impairment. Allowance is determined by the difference between the market value of the collateral assets and the carrying amount of the respective loan and advances at the end of the annual accounting period. Allowance made/(reversed) for impairment of loans and advances is recognised as an increase/(decrease) in expenses in the consolidated statement of income.

(h) Account receivables

Receivables from the sale of financial assets and from the rendering of services and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts. Allowance for doubtful debts is made based on the overdue status of the debts or expected losses on undue debts which may occur when an economic organisation is bankrupted or liquidated; or the debtor is missing, having escaped, being prosecuted, in prison, under a trial or pending executive of sentences or deceased.

ACB Securities Company Limited

**Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)**

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

Allowance for bad debts is determined by reference to past due status as follows:

<i>Overdue status</i>	<i>Allowance rate</i>
From six (06) months to less than one (01) year	30%
From one (01) year to less than two (02) years	50%
From two (02) years to less than three (03) years	70%
From three (03) years and over	100%

For overdue debts, the Company's Board of Directors also assesses the expected recovery of the debts in determining the allowance.

Allowance for doubtful debts based on the expected losses of undue debts is determined by the Company's Board of Directors after giving consideration to the recovery of these debts.

(i) Available-for-sale financial assets

Available-for-sale financial assets are non-derivative financial assets that are designated as available for sale or that are not classified as:

- financial assets at fair value through profit or loss;
- held-to-maturity investments; or
- loans and receivables.

At the end of the annual accounting period, available-for-sale financial assets are stated at fair value, fair value is determined as described in Note 3(e). Any change in fair value of financial assets is recognised in other comprehensive income under equity. Unrealised loss is recognised as expense immediately when there is objective evidence of impairment. When derecognising of an available-for-sale financial asset, the outstanding change in fair value is reclassified as income or expense in the consolidated statement of income.

(j) Tangible fixed assets

(i) Cost

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repairs and maintenance and overhaul cost, is charged to the statement of income in the year in which the cost is incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(ii) Depreciation

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets.

▪ Buildings	25 years
▪ Machinery and equipment	3 - 7 years
▪ Motor vehicles	6 years
▪ Management equipment	3 - 5 years
▪ Other tangible fixed assets	3 - 6 years

(k) Intangible fixed assets

Software

Cost of acquiring new software, which is not an integral part of the related hardware, is capitalised and treated as an intangible asset. Software cost is amortised in the statement of income on a straight-line basis over year ranging from 3 to 5 years.

(l) Prepaid expenses

Prepaid expenses include prepayments for goods, services, tools and equipment do not qualify to be accounted as fixed assets according to the prevailing regulations. Prepaid expenses are initial stated at cost and allocated to operating expenses on a straight-line basis over their estimated useful life.

(m) Trade and other payables

Trade and other payables are stated at their cost.

(n) Bonds issued

At initial recognition, bonds are measured at cost which comprises proceed from issuance net of issuance costs. Any discount, premium or issuance costs are amortised on the straight-line basis over the term of the bond.

(o) Provisions

A provision is recognised if, as a result of a past event, ACBS has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(p) Taxation

Income tax on the profit or loss for the year comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to other comprehensive income, in which case it is recognised in other comprehensive income.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the year, using tax rates enacted at the end of the annual accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous years.

Deferred tax is provided for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amount of assets and liabilities using tax rates enacted or substantively enacted at the end of the annual accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary differences asset can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

(q) Contributed capital

Contributed capital is recognised on the contribution date at the actual amount contributed less any directly attributable transaction costs.

(r) Statutory reserves

Before 1 January 2022

According to Circular No. 146/2014/TT-BTC ("Circular 146") dated 6 October 2014 issued by the Ministry of Finance to provide guidance on the financial regime for securities companies, fund management companies, the Company is required to make the following allocations from realised profit to statutory reserves:

	Annual allocation	Maximum balance
Reserve to supplement authorised capital	5% profit after tax	10% of authorised capital
Financial reserve	5% profit after tax	10% of authorised capital

The reserve to supplement share capital and financial reserve are non-distributable and are classified as part of equity.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

From 1 January 2022

Circular 114 is effective from 1 February 2022 and is therefore deemed to be applied for the annual accounting period ending 31 December 2022. Consequently, the Company has ceased to allocate realised profit to statutory reserves and the existing balances can be used as follows:

- The reserve to supplement authorised capital that was already made under Circular 146 will be used to supplement authorised capital as promulgated under Securities Law No. 54/2019/QH14 and other legal regulations.
- The financial reserve can be used to supplement to authorised capital or distributed in accordance with the decision at the Annual General Meeting, Members' Council or Chairman of the Company as promulgated under Securities Law No. 54/2019/QH14, other legal regulations.

The Company's Board of Directors has not yet made any decision regarding the existing balances of reserve to supplement authorised capital and financial reserve in the year ended 31 December 2022.

(s) Revenue

(i) Gains from sales of financial assets

Gains from sales of financial assets is recognised in the consolidated statement of income upon ACBS's receipt of the order matching reports of securities trading transactions from Vietnam Securities Depository ("VSD") (for listed securities) or completion of the agreement on transfer of assets (for unlisted securities).

(ii) Dividend and interest income from financial assets

Dividend income is recognised in the consolidated statement of income when ACBS's right to receive dividends is established. Share dividends are not recognised as income.

Interest income is recognised in the consolidated statement of income on a time proportion basis with reference to the principal outstanding and the applicable interest rate. Interest income also includes amortisation of discounts, premiums, interest received in advance or differences between the value at initial recognition and par value at maturity date.

(iii) Revenue from securities brokerage

Revenue from securities brokerage activities is recognised in the consolidated statement of income when the securities transactions of the customer have been processed.

(iv) Revenue from financial advisory services

Revenue from financial advisory services is recognised in the consolidated statement of income in proportion to the stage of completion of the transaction at the end of the annual accounting period. The stage of completion is assessed by reference to work performed.

(v) Revenue from securities custodial services

Revenue from securities custody activities is recognised in the consolidated statement of income when the service is rendered.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

(t) Interest expense

Interest expense is recognised as an expense in the consolidated statement of income when it is incurred. Interest expenses related to loans receivables are recognised at "Allowance expenses for loans receivables and borrowings costs of loans".

(u) Operating lease payments

Payments made under operating leases are recognised in the consolidated statement of income on a straight-line basis over the term of the lease.

(v) Related parties

Parties are considered to be related to ACBS if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where ACBS and the other party are subject to common control or significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.

Related companies include the parent company, the ultimate parent companies and their subsidiaries and associates.

(w) Comparative information

Comparative information in these consolidated financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior year are included as an integral part of the current year consolidated financial statements and are intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current year. Accordingly, the comparative information included in these consolidated financial statements is not intended to present ACBS's financial position, results of operation or cash flows for the prior year.

(x) Nil balances

Items or balances required by Circular 334 issued by the Ministry of Finance that are not shown in these consolidated financial statements indicate nil balances.

4. Financial instruments

(a) Financial risk management

(i) Overview

ACBS has exposure to the following risks from its use of financial instruments:

- credit risk;
- liquidity risk; and
- market risk.

This note presents information about ACBS's exposure to each of the above risks, ACBS's objectives, policies and processes for measuring and managing risk.

The Members' of Council oversees how the Board of Directors monitors compliance with ACBS's risk management policies and procedures and reviews the adequacy of the risk management framework in relation to the risks faced by ACBS.

(ii) Risk management framework

The Board of Directors has overall responsibility for the establishment and oversight of ACBS's risk management framework. The Board of Directors has established the Risk Management Committee, which is responsible for developing and monitoring ACBS's risk management policies. The Committee reports regularly to the Board of Directors on its activities.

ACBS's risk management policies are established to identify and analyse the risks faced by ACBS, to set appropriate risk limits and controls, and to monitor risks and adherence to limits. Risk management policies and systems are reviewed regularly to reflect changes in market conditions and ACBS's activities. ACBS, through its training and management standards and procedures, aims to develop a disciplined and constructive control environment in which all employees understand their roles and obligations.

(b) Credit risk

Credit risk is the risk of financial loss to ACBS if a customer or counterparty to a financial instrument fails to meet its contractual obligations.

To manage the level of credit risk, ACBS attempts to deal with counterparties of good credit standing, and when appropriate, obtains collaterals. The Board of Directors has established a credit policy under which each new customer is analysed individually for creditworthiness before the standard terms and conditions are offered.

Concentration level of credit risk that arises from groups of counterparties when they have similar economic characteristics that would cause their ability to meet contractual obligations to be similarly affected by changes in economic or other conditions. The major concentration level of credit risk arises from type of customer in relation to ACBS's advances to customers for the proceeds from selling securities and margin loans.

Collaterals

The amount and type of collateral required depends on an assessment of the credit risk of the counterparty. Guidelines are implemented regarding the acceptability of types of collateral and valuation parameters. The main types of collateral obtained are listed securities and cash deposited at ACBS. The Board of Directors monitors the market value of collateral, requests additional collateral in accordance with the underlying agreement, and monitors the market value of collateral obtained during its review of the adequacy of the allowance for doubtful debts.

Exposure to credit risk

Not considering collaterals, ACBS's maximum exposure to credit risk at the end of the annual accounting period was as follows:

	Note	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cash and cash equivalents:			
Demand deposits in the bank (i)	5	151,035,296,481	125,307,579,547
Cash equivalents (i)	5	425,000,000,000	255,000,000,000
Held-to-maturity investments (i)	7(b)	2,361,393,479,452	1,677,759,480,691
Loans:			
Margin loans (ii)	7(c)	1,979,945,476,320	4,494,324,570,919
Advance to customers for the proceeds from selling securities (iii)	7(c)	67,991,341,407	255,054,372,308
Other receivables:			
Receivables and dividend and interest receivables of financial assets (iv)		49,453,459,970	46,302,537,918
Receivables from selling financial assets (iv)		543,937,000	34,200,561,000
Receivables for services rendered (iv)	11	3,451,220,747	8,120,733,981
Other current assets	13	6,961,131,558	6,984,029,465
Total value of assets subject to credit risk		5,045,775,342,935	6,903,053,865,829

(i) Cash in banks, cash equivalents and held-to-maturity investments

Cash in banks, cash equivalents and held-to-maturity investments of ACBS are mainly held with well-known financial institutions. The Board of Directors does not foresee any significant credit risk from these deposits and does not expect that these financial institutions may default and cause losses to ACBS.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(ii) Margin loans contract

Margin loans are secured by eligible securities listed on the stock exchanges. Under the prevailing regulations on margin loans, the credit limit is set at 50% of the eligible securities' value. Ineligible securities are defined by the stock exchanges on an ad-hoc basis. Eligible securities are approved and frequently updated by Margin loans risk management function based on several criteria including volatility and liquidity.

Customer Securities Department has continuously reviewed the margin loan report which includes balances, collateral assets and margin ratio. When the secured margin ratio falls below 40% (regulated level: 30%), the system alerts and the Company makes margin calls. When the secured margin ratio falls below 30%, the Company force sells out collateral assets to collect the loans.

According to the prevailing securities regulations, the margin loan limit applicable to a balance for either an individual customer or an institution customer is 3% of the securities company's equity. As at 31 December 2022 and as at 1 January 2022 there were no margin loan balance that exceeds 3% of the Company's equity.

Analysis of credit quality of margin loans as at the end of the annual accounting period was as follows:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Margin loans		
▪ Overdue from 3 years and above	116,201,992,743	116,201,941,678

(iii) Advances to customers for the proceeds from selling securities

Advances to customers for the proceeds from selling securities are collected from Vietnam Securities Depository. Vietnam Securities Depository is a state-owned entity and has no history of payment defaults.

Vietnam Securities Depository requires its members to deposit into the Settlement Fund and the Clearing Fund for derivatives securities to secure their trading obligations.

The Company may fulfil customers' securities trading orders only when the customers' balances maintain enough (100%) cash and securities and must carry out further steps to ensure payments prior to execution of the trades.

Credit risk from advances to customers for the proceeds from selling securities is assessed as low.

As at 31 December 2022 and as at 1 January 2022, there were no balance with Securities Depository Center that were past due nor impaired.

(iv) Other receivables

Credit exposure is restricted by doing business with counterparties with high credit ratings and obtaining security where necessary.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(c) Liquidity risk

Liquidity risk is the risk that ACBS will not be able to meet its financial obligations as they fall due. ACBS's approach to managing liquidity is to ensure, as far as possible, that it will always have sufficient liquidity to meet its liabilities when due, under both normal and stressed conditions, without incurring unacceptable losses or risking damage to ACBS's reputation.

Financial liabilities with fixed or determinable payments and estimated interest payments as of the end of the annual accounting period were as follows:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Short-term borrowings	1,342,964,000,000	2,741,018,000,000
Bonds issued – short term	-	500,000,000,000
Accounts payable for securities trading activities	38,909,146,263	81,461,308,834
Accounts payable to suppliers	4,061,971,429	15,046,785,634
Accrued expenses	43,626,730,207	66,860,483,201
Other payables	1,179,125,129	1,428,895,704
	<u>1,430,740,973,028</u>	<u>3,405,815,473,373</u>

ACBS manages its ability to meet the expected operational expenses and servicing its debts by investing its cash surpluses in cash equivalents and short-term deposits at banks.

ACBS considers that the risk related to debt obligations is rather low. It is able to mobilise funds and loans with term of less than 12 months can be renewed with current lenders.

(d) Market risk

Market risk is the risk that changes in market prices, such as foreign exchange rates, interest rates and equity prices will affect ACBS's results of operations or the value of its holding financial instruments. The objective of market risk management is to manage and control market risk exposures within acceptable parameters, while optimising the return.

(i) Currency risk

Currency risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in foreign exchange rates.

ACBS is exposed to currency risk on borrowings that are denominated in a currency other than the accounting currency of the Company, which is VND. At the end of the annual accounting period, ACBS does not have any balance from these transactions.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

(ii) Interest rate risk

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market interest rates.

At the end of the annual accounting period, the interest rate profile of ACBS's interest-bearing financial instruments was as follows:

	Carrying amount	
	30/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Fixed rate instruments		
Cash in banks and cash equivalents	576,035,296,481	380,307,579,547
Held-to-maturity investments	2,361,393,479,452	1,677,759,480,691
Loans receivable – net	1,931,735,061,034	4,633,177,855,499
Other current assets	6,961,131,558	6,984,029,465
Deposits at Settlement Funds	20,000,000,000	20,000,000,000
Short-term borrowings	(1,342,964,000,000)	(2,741,018,000,000)
Bonds issued – short-term	-	(500,000,000,000)

(iii) Stock price risk

Shares held by ACBS are affected by market risks arising from uncertainty about the future value of these shares. ACBS manages its share price risk by setting investment limits. The Investment Committee of the Company also reviews and approves investment decisions in shares.

At the end of the annual accounting period, the financial instruments exposed to the share price risk of ACBS are as follows:

	Fair value	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Financial instruments with stock price risk		
Financial assets at FVTPL	488,686,617,868	715,764,379,353
▪ <i>Listed shares and traded shares on UPCOM</i>	360,969,986,368	489,043,037,353
▪ <i>Underlying assets hedge for warrants issued by the Company</i>	127,716,631,500	221,835,600,000
▪ <i>Covered warrants issued by other organisations</i>	-	4,885,742,000
Financial liabilities at FVTPL	33,828,143,000	71,380,746,000
▪ <i>Covered warrants payables</i>	33,828,143,000	71,380,746,000

As at 31 December 2022, if share prices increase/decrease by 5% with all other variables (including tax rates) being held constant, the net revaluation net differences of the financial assets and financial liabilities of the Company would have increased/decreased by VND19,547 million and VND1,353 million, respectively (1/1/2022: by VND28,630million and VND2,855 million).

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022 (continued)
Form B09 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*
(e) Fair value

Fair value is the amount for which an asset could be exchanged, or a liability settled, between knowledgeable, willing parties in an arm's length transaction on the measurement date.

The fair values of financial assets and liabilities, together with the carrying amounts shown in the statement of financial position were as follows:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Carrying amount VND	Fair value VND	Carrying amount VND	Fair value VND
<i>Categorised as financial assets at FVTPL</i>				
▪ Financial assets at FVTPL	488,694,834,569	488,694,834,569	715,769,698,944	715,769,698,944
- Listed shares and traded shares on UPCOM	360,969,986,368	360,969,986,368	489,043,037,353	489,043,037,353
- Unlisted shares and not yet registered for trading	8,216,701	8,216,701	5,319,591	5,319,591
- Underlying assets hedge for warrants issued by the Company	127,716,631,500	127,716,631,500	221,835,600,000	221,835,600,000
- Covered warrants issued by other organisations	-	-	4,885,742,000	4,885,742,000
<i>Categorised as loans and receivables:</i>				
▪ Cash and cash equivalents (i)	576,035,296,481	576,035,296,481	380,307,579,547	380,307,579,547
▪ Held-to-maturity investments – short-term (i)	2,361,393,479,452	2,361,393,479,452	1,677,759,480,691	1,677,759,480,691
▪ Loans receivable – net (i)	1,931,735,061,034	1,931,735,061,034	4,633,177,855,499	4,633,177,855,499
▪ Receivables (i)	48,698,303,990	48,698,303,990	79,199,226,138	79,199,226,138
▪ Prepayments to suppliers (i)	16,253,263,672	16,253,263,672	8,819,047,078	8,819,047,078
▪ Receivables from services rendered (i)	3,451,220,747	3,451,220,747	8,120,733,981	8,120,733,981
▪ Other receivables (i)	671,617,513	671,617,513	972,545,732	972,545,732
▪ Other current assets (i)	6,961,131,558	6,961,131,558	6,984,029,465	6,984,029,465
▪ Long-term deposits, collaterals and pledges	6,937,962,100	(*)	6,930,962,100	(*)
▪ Deposits at Settlement Funds	20,000,000,000	(*)	20,000,000,000	(*)
▪ Other non-current assets	15,012,663,057	(*)	15,017,740,054	(*)
<i>Classified as available-for-sale financial asset:</i>				
▪ Investments	61,920,280,000	(*)	-	(*)

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	31/12/2022		1/1/2022	
	Carrying amount VND	Fair value VND	Carrying amount VND	Fair value VND
<i>Classified as financial liabilities recognised at FVTPL:</i>				
▪ Covered warrants payables	(33,828,143,000)	(33,828,143,000)	(71,380,746,000)	(71,380,746,000)
<i>Categorised as liabilities at amortised cost:</i>				
▪ Short-term borrowings (i)	(1,342,964,000,000)	(1,342,964,000,000)	(2,741,018,000,000)	(2,741,018,000,000)
▪ Bonds issued – short term (i)	-	-	(500,000,000,000)	(500,000,000,000)
▪ Accounts payable for securities trading activities (i)	(5,081,003,263)	(5,081,003,263)	(10,080,562,834)	(10,080,562,834)
▪ Accounts payable to suppliers (i)	(4,061,971,429)	(4,061,971,429)	(15,046,785,634)	(15,046,785,634)
▪ Accrued expenses (i)	(43,626,730,207)	(43,626,730,207)	(66,860,483,201)	(66,860,483,201)
▪ Other payables (i)	(1,179,125,129)	(1,179,125,129)	(1,428,895,704)	(1,428,895,704)

- (i) The fair value of these financial assets and financial liabilities are assumed to be equal to their carrying amount because these financial assets and financial liabilities are short term.
- (*) ACBS has not determined fair values of these financial instruments for disclosure in the consolidated financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of these financial instruments may differ from their carrying amounts.

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

5. Cash and cash equivalents

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cash at banks	149,185,877,802	119,403,674,050
Cash for clearing and settlement	1,849,418,679	5,903,905,497
Cash equivalents (i)	425,000,000,000	255,000,000,000
	576,035,296,481	380,307,579,547

- (i) As at 31 December 2022, term deposits at banks with original term not exceeding 3 months earned annual interest rates ranging from 5.50% to 6.00% (1/1/2022: from 2.90% to 3.00%).

6. Volume and value of transactions during the year

	2022		2021	
	Volume of transactions	Value of transactions VND	Volume of transactions	Value of transactions VND
a) The Company				
Shares	518,102,893	6,372,842,577,790	256,636,492	5,797,957,439,100
Covered warrants	21,140,000	2,189,401,190,000	89,400,000	9,221,595,790,000
Other securities	3,076	424,376,290,000	14,266	1,882,295,980,000
b) Investors/customers				
Shares	9,635,729,282	219,052,501,468,860	14,124,895,453	326,193,889,071,300
Covered warrants	1,500,000	154,328,500,000	533,390,000	55,516,993,185,391
Other securities	408,838	50,059,499,410,000	435,212	59,221,229,760,000
	10,176,884,089	278,252,949,436,650	15,004,771,423	457,833,961,225,791

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

7. Financial assets

(a) Financial assets at FVTPL

	31/12/2022		1/1/2022	
	Cost VND	Fair value VND	Cost VND	Fair value VND
Listed shares and traded shares on UPCOM	528,078,862,630	360,969,986,368	486,646,878,015	489,043,037,353
BTS	96,516,948,816	45,751,305,600	101,555,812,800	83,880,034,000
HPG	46,473,553,626	42,198,156,000	28,235,994,003	28,254,862,400
TCB	38,729,904,613	30,632,508,500	51,844,609,314	51,513,200,000
POW	31,594,664,651	28,307,700,000	2,980,319	3,675,000
NLG	48,004,678,907	27,900,000,000	16,414,265	19,388,400
MWG	28,999,263,981	23,818,080,000	14,782,717,469	17,816,082,300
MBB	29,593,811,136	22,833,630,000	340,365,273	338,419,000
SSI	43,389,683,387	22,567,500,000	338,035,332	355,969,600
CTG	24,667,561,350	20,437,500,000	268,905,296	295,608,000
IDC	24,565,769,960	12,680,000,000	-	-
Others	115,543,022,203	83,843,606,268	289,261,043,944	306,565,798,653
Unlisted shares	7,770,909	8,216,701	4,888,673	5,319,591
PME	2,163,000	2,163,000	2,163,000	2,163,000
TAC	1,778,400	1,824,000	-	-
VIS	924,000	1,023,000	-	-
Others	2,905,509	3,206,701	2,725,673	3,156,591
Underlying assets the hedge for warrants	148,794,721,689	127,716,631,500	208,548,858,175	221,835,600,000
HPG	39,972,526,846	36,295,200,000	-	-
TCB	25,214,752,711	19,943,016,500	82,452,063,122	81,925,000,000
MWG	18,960,253,648	15,572,700,000	43,187,721,998	52,049,700,000
MBB	19,379,037,263	14,952,240,000	-	-
FPT	10,695,154,790	9,766,300,000	-	-
VHM	11,655,509,991	9,652,800,000	35,594,032,375	35,194,400,000
MSN	7,008,953,171	6,500,700,000	28,195,322,054	33,071,400,000
VRE	6,264,879,493	5,920,130,000	19,119,718,626	19,595,100,000
POW	5,542,735,939	4,966,095,000	-	-
VNM	4,100,917,837	4,147,450,000	-	-
Covered warrants issued by another organisations	-	-	9,490,227,135	4,885,742,000
CTCB2109	-	-	3,960,500,000	2,086,920,000
CFPT2105	-	-	2,600,540,130	1,160,082,000
CMSN2011	-	-	2,929,187,005	1,638,740,000
	676,881,355,228	488,694,834,569	704,690,851,998	715,769,698,944

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(b) Held-to-maturity investments

	31/12/2022		1/1/2022	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Term deposits at banks (*)	2,293,753,479,452	-	1,607,549,480,691	-
Term deposits at banks – Warrants (**)	67,640,000,000	-	70,210,000,000	-
	2,361,393,479,452	-	1,677,759,480,691	-

(*) As at 31 December 2022, term deposits at banks are deposits at Asia Commercial Joint Stock Bank and Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam and Joint Stock Bank for Industry and Trade of Vietnam with original maturity term from 6 months to 12 months in Vietnam Dong and earn interest rates from 4.80% to 9.50% per annum (1/1/2022: from 3.70% to 5.10% per annum).

Included in term deposits with banks as at 31 December 2022 was VND1,059,440 million (1/1/2022: VND1,625,000 million), which were pledged at banks to secure short-term loans of the Company (Note 19).

(**) As at 31 December 2022, the deposit at the custodian bank to secure the obligation for covered warrants issued by the Company is the deposit at the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam ("the Bank") has a maturity from 6 to 9 months in Vietnam Dong and earns interest from 6.0% to 8.2% per annum. The Company has the right to use the money on the account to conduct legal and valid account transactions; may perform transactions related to co-ownership, authorisation related to term deposit accounts in accordance with the Bank's regulations.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(c) Loans receivables

	31/12/2022		1/1/2022	
	Cost VND	Fair value VND	Cost VND	Fair value VND
Margin loans	1,979,945,476,320	1,863,743,719,627	4,494,324,570,919	4,378,123,483,191
Advances to customers for the proceeds from selling securities	67,991,341,407	67,991,341,407	255,054,372,308	255,054,372,308
	2,047,936,817,727	1,931,735,061,034	4,749,378,943,227	4,633,177,855,499

(i) The fair value of these loans are considered to be equal to their carrying amount because these loans are short term.

8. Allowance for diminution in value of financial assets and pledge assets

	31/12/2022		1/1/2022	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Allowance for impairment of margin loans	116,201,992,743	116,201,756,693	116,201,941,678	116,201,087,728
2022	As at 31/12/2022		Allowance	Allowance
	Cost	Recoverable	as at	made during
	VND	amount	1/1/2022	the year
		VND	VND	VND
	116,201,992,743	236,050	116,201,087,728	668,965
2021	As at 31/12/2021		Allowance	Allowance
	Cost	Recoverable	as at	reversed during
	VND	amount	1/1/2021	the year
		VND	VND	VND
	116,201,941,678	853,950	116,201,161,613	(73,885)

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

9. Receivables

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Interest receivables on bank deposits	26,719,077,729	37,963,906,974
Receivables from selling listed securities	543,937,000	34,200,561,000
Interest receivables on from the parent bank	22,463,712,241	8,085,087,944
Others	270,670,000	253,543,000
	49,997,396,970	80,503,098,918

10. Short-term prepayment for suppliers

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Office rental expenses	10,939,756,900	559,811,700
Purchase and repair of software information systems expense	2,809,222,140	-
Software expenses	-	6,049,786,740
Others	2,504,284,632	2,209,448,638
	16,253,263,672	8,819,047,078

11. Receivables from services rendered

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Receivables from brokered services	2,215,961,311	7,343,579,931
Receivables from consulting activities	775,600,000	304,000,000
Others	459,659,436	473,154,050
	3,451,220,747	8,120,733,981

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

12. Short-term prepaid expenses

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Software expenses	3,442,579,339	2,084,591,752
Office rental expenses	-	1,040,000,000
Others	2,077,673,972	2,001,515,386
	5,520,253,311	5,126,107,138

13. Other current assets

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Deposit for derivatives trading	6,961,131,558	6,984,029,465

14. Investments

		31/12/2022			1/1/2022		
		Ownership rate	Cost VND	Fair value VND	Allowance VND	Cost VND	Fair value VND
Investment in other entities							
Vietnam Investment Credit Rating Joint Stock Company							
10.20%	10,520,280,000	(*)	-	-	-	-	-
Hoa Phat - A Chau Real Estate Joint Stock Company							
10.16%	51,400,000,000	(*)	-	-	-	-	-

(*) As at 31 December 2022 and 1 January 2022, ACBS has not determined fair values of these financial instruments for disclosure in the consolidated financial statements because information about their market prices is not available. The fair values of these financial instruments may differ from their carrying amounts.

15. Tangible fixed assets

2022	Building VND	Machinery and equipment VND	Motor vehicle VND	Management equipment VND	Other tangible fixed assets VND	Total VND
Cost						
Opening balance	62,445,734,395	4,838,053,139	4,919,438,800	35,339,784,135	2,310,884,203	109,853,894,672
Additions	-	-	1,575,225,636	18,870,864,241	1,440,138,320	21,886,228,197
Transfer from construction in progress (Note 17)	-	-	-	13,676,547,400	-	13,676,547,400
Disposals	-	-	(1,413,640,000)	-	-	(1,413,640,000)
Written-off	-	(1,605,050,936)	-	(1,707,931,280)	-	(3,312,982,216)
Closing balance	62,445,734,395	3,233,002,203	5,081,024,436	66,179,264,496	3,751,022,523	140,690,048,053
Accumulated depreciation						
Opening balance	33,747,924,347	4,838,053,139	3,044,505,081	27,338,445,479	2,168,108,737	71,137,036,783
Charge for the year	2,497,829,376	-	599,417,805	7,489,441,236	78,590,918	10,665,279,335
Disposals	-	-	(1,413,640,000)	-	-	(1,413,640,000)
Written-off	-	(1,605,050,936)	-	(1,707,931,280)	-	(3,312,982,216)
Closing balance	36,245,753,723	3,233,002,203	2,230,282,886	33,119,955,435	2,246,699,655	77,075,693,902
Net book value						
Opening balance	28,697,810,048	-	1,874,933,719	8,001,338,656	142,775,466	38,716,857,889
Closing balance	26,199,980,672	-	2,850,741,550	33,059,309,061	1,504,322,868	63,614,354,151

15. Tangible fixed assets (continued)

2021	Building VND	Machinery and equipment VND	Motor vehicle VND	Management equipment VND	Other tangible fixed assets VND	Total VND
Cost						
Opening balance	62,445,734,395	4,974,506,319	4,455,305,400	30,349,948,384	2,310,884,203	104,536,378,701
Additions	-	-	982,100,000	5,797,169,700	-	6,779,269,700
Disposals	-	(136,453,180)	(517,966,600)	(807,333,949)	-	(1,461,753,729)
Closing balance	62,445,734,395	4,838,053,139	4,919,438,800	35,339,784,135	2,310,884,203	109,853,894,672
Accumulated depreciation						
Opening balance	31,250,094,971	4,974,506,319	2,827,100,059	25,461,555,961	2,122,275,409	66,635,532,719
Charge for the year	2,497,829,376	-	735,371,622	2,684,223,467	45,833,328	5,963,257,793
Disposals	-	(136,453,180)	(517,966,600)	(807,333,949)	-	(1,461,753,729)
Closing balance	33,747,924,347	4,838,053,139	3,044,505,081	27,338,445,479	2,168,108,737	71,137,036,783
Net book value						
Opening balance	31,195,639,424	-	1,628,205,341	4,888,392,423	188,608,794	37,900,845,982
Closing balance	28,697,810,048	-	1,874,933,719	8,001,338,656	142,775,466	38,716,857,889

Included in tangible fixed assets were assets costing VND26,643 million which were fully depreciated as at 31 December 2022 (1/1/2022: VND29,214 million), but which are still in use.

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

16. Intangible fixed assets

2022	Software VND	Others VND	Total VND
Cost			
Opening balance	47,800,410,182	198,000,000	47,998,410,182
Additions	696,500,000	526,000,000	1,222,500,000
Transfer from construction in progress (Note 17)	8,571,132,223	-	8,571,132,223
Written-off	(1,022,398,794)	-	(1,022,398,794)
Closing balance	56,045,643,611	724,000,000	56,769,643,611
Accumulated depreciation			
Opening balance	41,425,146,843	198,000,000	41,623,146,843
Charge for the year	3,832,625,996	151,743,725	3,984,369,721
Written-off	(1,022,398,794)	-	(1,022,398,794)
Closing balance	44,235,374,045	349,743,725	44,585,117,770
Net book value			
Opening balance	6,375,263,339	-	6,375,263,339
Closing balance	11,810,269,566	374,256,275	12,184,525,841

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

16. Intangible fixed assets (continued)

2021	Software VND	Others VND	Total VND
Cost			
Opening balance	45,714,780,182	198,000,000	45,912,780,182
Additions	2,085,630,000	-	2,085,630,000
Closing balance	47,800,410,182	198,000,000	47,998,410,182
Accumulated depreciation			
Opening balance	35,988,155,245	198,000,000	36,186,155,245
Charge for the year	5,436,991,598	-	5,436,991,598
Closing balance	41,425,146,843	198,000,000	41,623,146,843
Net book value			
Opening balance	9,726,624,937	-	9,726,624,937
Closing balance	6,375,263,339	-	6,375,263,339

Included in intangible fixed assets were assets costing VND33,279 million which were fully amortised as at 31 December 2022 (1/1/2022: VND31,850 million), but which are still in use.

17. Construction in progress

	2022 VND	2021 VND
Opening balance	2,553,768,000	-
Additions during the year	25,175,301,623	2,553,768,000
Transfer to prepaid expenses	(3,450,750,000)	-
Transfer to tangible fixed assets (Note 15)	(13,676,547,400)	-
Transfer to intangible fixed assets (Note 16)	(8,571,132,223)	-
Closing balance	2,030,640,000	2,553,768,000

Construction in progress balance represents the cost of computer software that has not been installed.

18. Deposits at Settlement Funds and Clearing Fund for derivative securities trading activities

(a) Deposit at Settlement Funds

According to Decision No. 45/QD-VSD dated 22 May 2014 issued by the Vietnam Securities Depository, ACBS is required to deposit an initial amount of VND120 million at the Vietnam Securities Depository and an annual contribution of 0.01% of the total value of brokered securities, which are listed and registered for transactions in the Stock Exchanges, in the previous year with the maximum of annual contribution of VND2,500 million to Settlement Funds.

Movements of deposits at Settlement Funds during the year were as follows:

	2022 VND	2021 VND
Opening balance	20,000,000,000	20,000,000,000
Interest incurred	1,181,866,225	1,351,623,979
Received interest	(1,181,866,225)	(1,351,623,979)
Closing balance	20,000,000,000	20,000,000,000

(b) Other non-current assets

According to Decision No. 97/QD-VSD dated 23 March 2017 issued by the Vietnam Securities Depository on regulations on management and use of clearing fund for derivative securities activities, ACBS is responsible for contributing to Clearing Fund in cash or securities. The minimum contribution rate in cash is 80% of the total value of assets contributed to Clearing Fund. The initial minimum contribution is VND10 billion for direct clearing members, VND15 billion for general clearing members. As at 31 December 2022 and 1 January 2022, ACBS has fully paid the minimum contribution.

19. Short-term borrowings

	Balance at 1/1/2022 VND	Receipts VND	Payments VND	Balance at 31/12/2022 VND
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (i)	975,000,000,000	3,530,000,000,000	(4,055,000,000,000)	450,000,000,000
Personal loans (ii)	713,588,000,000	1,235,764,000,000	(1,151,388,000,000)	797,964,000,000
Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank (iii)	-	190,000,000,000	(95,000,000,000)	95,000,000,000
Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank	300,000,000,000	600,000,000,000	(900,000,000,000)	-
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	270,000,000,000	490,000,000,000	(760,000,000,000)	-
Woori Bank Limited	226,430,000,000	113,580,000,000	(340,010,000,000)	-
Malayan Banking Berhad – Ho Chi Minh City Branch	150,000,000,000	300,000,000,000	(450,000,000,000)	-
Chinatrust Commercial Bank – Ho Chi Minh City Branch	106,000,000,000	553,061,000,000	(659,061,000,000)	-
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank	-	183,000,000,000	(183,000,000,000)	-
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank	-	294,000,000,000	(294,000,000,000)	-
	2,741,018,000,000	7,489,405,000,000	(8,887,459,000,000)	1,342,964,000,000

- (i) The loan with Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam is a loan with a credit limit of VND1,200,000 million, effective for withdrawal until the end of 2 November 2023 and subject to interest rates that vary from period announced by the bank. The loan is intended to supplement capital for business operations. This loan has a loan term of 12 months and is secured by deposits at Asia Commercial Joint Stock Bank with amounting to VND500,000 million.
- (ii) The borrowing from individual bears interest from 7.10% to 8.20% per annum (1/1/2022: 5.90% to 7.50% per annum). The purpose of these borrowings is to finance working capital. These borrowings are unsecured and they are payable within a year.

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

- (iii) The borrowings from Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank is with a credit limit of VND350,000 million, effective for withdrawal until 29 August 2023, and bears interest at a rate announced by the bank periodically. The purpose of the borrowings is to provide loans for investment in government bonds and bank deposit certificates. The borrowings are unsecured and it is payable within 12 months.

20. Short-term bonds issued

	1/1/2022 VND	Incurred VND	Paid VND	31/12/2022 VND
Short-term bonds issued (i)	500,000,000,000	-	(500,000,000,000)	-

- (i) These are unsecured and non-convertible definitive bonds issued individually in the form of certificates to domestic or foreign individual and institutional investors. The bonds have a par value of VND1 billion, term of 1 year from the date of issuance. Bondholders have the right to request ACBS to redeem them before the maturity date. Bond interest rates apply from 7.40% to 7.80% per annum.

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

21. Accounts payable for securities trading activities

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Payable to Securities Exchanges and Depository Centres	5,081,003,263	10,080,562,834
Covered warrants payable (*)	33,828,143,000	71,380,746,000
	<u>38,909,146,263</u>	<u>81,461,308,834</u>

(*) As at 31 December 2022, the number of covered warrants issued by the Company were as follows:

Code	31/12/2022		1/1/2022	
	Allowed to issue	Circulated	Allowed to issue	Circulated
CHPG2225	9,000,000	8,411,500	-	-
CTCB2214	4,500,000	4,132,900	-	-
CMBB2213	4,500,000	3,847,800	-	-
CMSN2214	3,000,000	1,388,900	-	-
CMWG2213	9,000,000	7,767,600	-	-
CVNM2211	6,000,000	428,600	-	-
CVRE2219	4,500,000	1,686,800	-	-
CVHM2218	9,000,000	2,602,500	-	-
CFPT2212	8,000,000	1,810,600	-	-
CPOW2210	2,000,000	1,485,400	-	-
CMWG2104	-	-	5,000,000	2,500,600
CMSN2104	-	-	5,000,000	1,931,200
CTCB2105	-	-	15,000,000	10,606,500
CVRE2105	-	-	10,000,000	4,908,400
CVHM2115	-	-	15,000,000	9,096,900
	<u>59,500,000</u>	<u>33,562,600</u>	<u>50,000,000</u>	<u>29,043,600</u>

22. Accounts payable to suppliers

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Payable for buying financial assets	3,485,548,000	12,676,681,000
Other suppliers	576,423,429	2,370,104,634
	<u>4,061,971,429</u>	<u>15,046,785,634</u>

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

23. Taxes and other receivables or payables to State Treasury

2022	1/1/2022 VND	Incurred VND	Paid VND	Netted-off VND	31/12/2022 VND	
					Receivable	Payable
Corporate income tax	35,715,856,394	19,829,052,268	(73,475,005,819)	-	18,108,548,213	178,451,056
Personal income tax	6,056,528,099	31,234,525,952	(34,665,353,447)	-	-	2,625,700,604
Investors' income tax	18,759,745,860	154,168,081,213	(161,941,993,927)	-	-	10,985,833,146
Value added tax	215,658,018	1,047,831,751	(585,911,177)	(362,719,689)	-	314,858,903
Other taxes	1,956,144,226	17,714,964,375	(17,030,673,791)	-	-	2,640,434,810
	62,703,932,597	223,994,455,559	(287,698,938,161)	(362,719,689)	18,108,548,213	16,745,278,519

2021	1/1/2021 VND	Incurred VND	Paid VND	31/12/2021 VND
Corporate income tax	20,156,995,447	129,858,022,450	(114,299,161,503)	35,715,856,394
Personal income tax	2,024,550,236	35,719,542,186	(31,687,564,323)	6,056,528,099
Investors' income tax	10,290,885,396	182,275,343,323	(173,806,482,859)	18,759,745,860
Value added tax	112,453,005	870,901,860	(767,696,847)	215,658,018
Other taxes	828,696,622	12,016,245,190	(10,888,797,586)	1,956,144,226
	33,413,580,706	360,740,055,009	(331,449,703,118)	62,703,932,597

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

24. Accrued expenses

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Interest expenses	40,588,562,107	57,369,144,379
Others	3,038,168,100	9,491,338,822
	43,626,730,207	66,860,483,201

25. Contributed capital

Contributed capital

ACBS's authorised and contributed equity capital were as follow:

	Authorised and contributed capital	
	VND	%
Asia Commercial Joint Stock Bank	3,000,000,000,000	100%

26. Off-balance sheet items the consolidated statement of financial position

(a) Valuable paper custodied (Quantity)

	31/12/2022	1/1/2022
Shares	3,850,094	3,850,094
Bonds	200,000	200,000
	4,050,094	4,050,094

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(b) Listed/registered financial assets at Vietnam Securities Depository (“VSD”) of the Company

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Freely traded financial assets	315,528,532,000	247,546,127,000
Financial assets awaiting for settlement	1,035,714,000	11,489,144,000
	316,564,246,000	259,035,271,000

(c) The Company's financial assets in transit

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Shares	750,000,000	2,400,000,000
Warranties	1,580,993,000	2,022,296,000
	2,330,993,000	4,422,296,000

27. Revenue from operating activities**(a) Gains/(losses) from sales of financial assets at FVTPL investments**

2022	Quantity	Proceeds VND	Cost VND	Gains/(losses) from sales of securities VND	Gains/(losses) from sales of securities prior year VND
Shares	63,616,693	2,927,403,363,790	3,095,743,466,047	(168,340,102,257)	249,653,693,557
Bonds	10,570,000	1,094,531,540,000	1,094,869,650,000	(338,110,000)	(4,627,230,000)
Warrants issued by other organisations	12,739,500	14,549,965,000	27,864,912,135	(13,314,947,135)	(27,157,065,433)
ETF fund certificates	-	-	-	-	3,458,163,088
Certificates of deposit					
(Losses)/gains from selling underlying securities				(181,993,159,392)	221,327,561,212
Gains of matured warrants issued by other organisations				2,514,053,100	38,680,872,060
Gains/(losses) from trading derivatives – future contracts				826,250,000	(4,587,500,000)
Gains/(losses) when buying back warrants issued by the Company				47,274,279,997	(46,931,235,250)
(Losses)/gains from matured warrants issued by the Company				(8,427,555,900)	9,422,945,800
				(139,806,132,195)	217,912,643,822

27. Revenue from operating activities (continued)**(a) Gains/(losses) from sales of financial assets at FVTPL investments (continued)**

2021	Quantity	Proceeds VND	Cost VND	Gains/(losses) from sales of securities VND	Losses from sales of securities prior year VND
Shares	52,935,792	2,415,472,905,114	2,165,819,211,557	249,653,693,557	23,703,323,436
Bonds	44,700,000	4,608,484,280,000	4,613,111,510,000	(4,627,230,000)	(1,522,250,000)
Warrants issued by other organisations	24,397,250	87,902,172,000	115,059,237,433	(27,157,065,433)	2,834,898,768
ETF fund certificates	3,441,300	77,598,684,000	74,140,520,912	3,458,163,088	1,092,558,712
Certificates of deposit	-	-	-	-	(200,000,000)
Gains from selling underlying securities				221,327,561,212	25,908,530,916
Gains of matured warrants issued by other organisations				38,680,872,060	-
(Losses)/gains from trading derivatives – future contracts				(4,587,500,000)	394,500,000
Losses when buying back warrants issued by the Company				(46,931,235,250)	(15,138,593,300)
Gains from matured warrants issued by the Company				9,422,945,800	-
				217,912,643,822	11,164,437,616

27. Revenue from operating activities (continued)**(b) Gains/(losses) from revaluation of financial assets**

	Cost as at 31/12/2022 VND	Fair value/ market price as at 31/12/2022 VND	Revaluation differences as at 31/12/2022 VND	Revaluation differences as at 1/1/2022 VND	Revaluation gain/(loss) differences during the year VND
Financial assets recognised at FVTPL					
Listed shares and traded shares on UPCOM	528,078,862,630	360,969,986,368	(167,108,876,262)	2,396,159,338	(169,505,035,600)
Unlisted shares and not registered for trading	7,770,909	8,216,701	445,792	430,918	14,874
Underlying assets hedge for warrants	148,794,721,689	127,716,631,500	(21,078,090,189)	13,286,741,825	(34,364,832,014)
Covered warrants issued by other organisation	-	-	-	(4,604,485,135)	4,604,485,135
	676,881,355,228	488,694,834,569	(188,186,520,659)	11,078,846,946	(199,265,367,605)
	Cost as at 31/12/2022 VND	Fair value/ market price as at 31/12/2022 VND	Revaluation differences as at 31/12/2022 VND	Revaluation differences as at 1/1/2022 VND	Revaluation gain/(loss) differences during the year VND
Covered warrants	30,334,432,992	33,828,143,000	(3,493,710,008)	(42,409,461,000)	38,915,750,992

27. Revenue from operating activities (continued)

(b) Gains/(losses) from revaluation of financial assets (continued)

	Cost as at 31/12/2021 VND	Fair value/ market price as at 31/12/2021 VND	Revaluation differences as at 31/12/2021 VND	Revaluation differences as at 1/1/2021 VND	Revaluation gains/(losses) differences during the year VND
Financial assets recognised at FVTPL					
Listed shares and traded shares on UPCOM	486,646,878,015	489,043,037,353	2,396,159,338	(66,425,378,776)	68,821,538,114
Unlisted shares and not registered for trading	4,888,673	5,319,591	430,918	(47,625,732,413)	47,626,163,331
Underlying asset hedge for warrants	208,548,858,175	221,835,600,000	13,286,741,825	3,500,874,693	9,785,867,132
Covered warrants issued by other organisation	9,490,227,135	4,885,742,000	(4,604,485,135)	2,316,375,232	(6,920,860,367)
ETF fund certificates	-	-	-	448,149,088	(448,149,088)
	704,690,851,998	715,769,698,944	11,078,846,946	(107,785,712,176)	118,864,559,122
	Cost as at 31/12/2021 VND	Fair value/ market price as at 31/12/2021 VND	Revaluation differences as at 31/12/2021 VND	Revaluation differences as at 1/1/2021 VND	Revaluation gains/(losses) differences during the year VND
Covered warrants	28,971,285,000	71,380,746,000	(42,409,461,000)	3,676,584,200	(46,086,045,200)

27. Revenue from operating activities (continued)

(c) Dividend, interest income from financial assets at FVTPL, held to maturity investments, loans and receivables

	2022 VND	2021 VND
From financial assets at FVTPL	23,188,611,184	30,266,444,409
▪ Income from term deposits	9,115,075,777	23,190,269,626
▪ Dividends and interests arising from financial assets at FVTPL	14,073,535,407	7,076,174,783
From held to maturity investments	85,999,190,056	61,185,064,101
From loans and receivables	354,037,522,300	342,368,942,982
▪ Income from margin activities	349,284,588,423	337,214,965,025
▪ Income from advance services	4,752,933,877	5,153,977,957
	463,225,323,540	433,820,451,492

(d) Revenue other than income from financial assets

	2022 VND	2021 VND
Revenue from securities brokerage	498,213,087,255	569,915,888,219
Revenue from securities custody	7,455,318,107	9,008,180,416
Revenue from financial advisory services	1,975,537,273	1,285,340,000
Other operating income	1,610,726,000	781,532,894
	509,254,668,635	580,990,941,529

28. Allowance expenses for loans receivables and borrowings costs of loans

	2022 VND	2021 VND
Allowance made/(reversed) for diminution in value of financial assets and collaterals (Note 8)	668,965	(73,885)
Borrowing costs	168,412,291,516	185,819,220,074
Others	12,064,582,679	1,157,188,553
	180,477,543,160	186,976,334,742

29. Expenses for securities brokerage

	2022 VND	2021 VND
Employee costs	127,128,607,174	190,500,398,837
Securities brokerage fees	60,524,837,273	90,949,704,257
Outside services	23,061,918,760	19,832,532,503
Depreciation and amortisation of fixed assets	10,861,402,111	7,974,363,207
Others	27,858,366,463	38,513,253,807
	249,435,131,781	347,770,252,611

30. General and administration expenses

	2022 VND	2021 VND
Salary expenses	78,845,957,229	58,709,720,271
Outside services	23,864,857,688	13,540,565,471
Depreciation and amortisation of fixed assets	3,569,500,065	3,405,952,468
Non-deductible value added tax	4,230,000,204	1,756,723,690
Office stationery expenses	1,637,206,366	1,190,173,486
Others	5,682,892,754	2,129,672,813
	117,830,414,306	80,732,808,199

31. Corporate income tax expenses

(a) Reconciliation of effective tax rate

	2022 VND	2021 VND
Accounting profit before tax	97,761,261,454	671,031,674,564
Tax at the Company's tax rate	19,552,252,291	131,541,870,301
Adjustments due to consolidated financial statements	2,944,110,000	-
Non-taxable income	(2,814,707,081)	(1,785,762,345)
Non-deductible expenses	95,820,285	-
Under provision of previous years	51,576,773	5,866,778
Corporate income tax expenses	19,829,052,268	129,761,974,734

(b) Applicable tax rates

ACBS's income tax rate is 20%. The income tax computation is subjected to the review and approval of the tax authorities.

32. Significant transactions with related parties

ACBS had the following principal transactions with related parties during the year as follows:

	2022 VND	2021 VND
Asia Commercial Joint Stock Bank		
Received equity contribution	-	1,500,000,000,000
Interest on bank deposits	36,619,232,666	16,398,157,769
Office rental costs, facilities expenses	2,044,594,586	2,123,214,005
Ownership transferring income	-	77,251,454
Rental income	840,000,000	720,000,000
Consulting revenue	995,454,546	661,363,636
Brokerage revenue	141,432,931,433	22,180,958,560
Investment purchased	51,400,000,000	-
Other costs	102,292,806	297,683,484
Salary, bonus and remuneration for key members	8,729,921,670	6,265,800,000

ACBS had the following significant balances with related parties at the end of the annual accounting period:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Asia Commercial Joint Stock Bank ("the Bank")		
Demands deposit at the Bank	146,694,248,405	116,037,319,191
Bank deposits with original terms are less than 12 months	1,414,439,780,822	305,800,000,000
Bank deposits with original terms not exceeding 3 months	350,000,000,000	180,000,000,000
Interest receivables from bank deposits	22,463,712,241	8,085,087,944

33. Commitments

Lease Commitments

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were as follows:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Within one year	15,771,384,147	2,735,684,800
Within two to five years	59,897,108,393	3,993,854,400
	75,668,492,540	6,729,539,200

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

34. Comparative information

During 2022, the Company has adjusted the figures relating to the reclassification of the revaluation differences of covered warrants issued by the Company in the consolidated financial statements as at 31 December 2021. Comparative the figures presented in the previous year, before and after the reclassification are as follows:

(a) Consolidated statement of financial position

	1/1/2022 (reclassified) VND	1/1/2022 (as previously reported) VND
Realised profits	761,671,967,089	808,952,896,689
Unrealised profits/(losses)	15,950,315,546	(31,330,614,054)

(b) Consolidated statement of changes in equity

	1/1/2022 (reclassified) VND	1/1/2022 (as previously reported) VND
Realised profits	761,671,967,089	808,952,896,689
Unrealised profits/(losses)	15,950,315,546	(31,330,614,054)

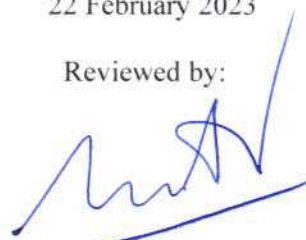
Prepared by:



Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

22 February 2023

Reviewed by:



Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director

PART 7

ACTION IN 2023

7.1.OUTLOOK IN 2023



The world economy in 2023 is expected to have many optimistic signals in the last 6 months of the year with inflation and interest rates expected to gradually cool down, boosting global consumption to recover. For Vietnam, this will also be a good signal for the economic

activities to recover, production, import and export to expand in the last 6 months of the year. Public investment is expected to be boosted, which will boost domestic economic sectors, create jobs, create capital flows and boost domestic consumption.

GDP forecasts

GDP growth	2019	2020	2021	2022	2023F
Vietnam	7,0%	2,9%	2,6%	7,8%	6,5%
Average	3,8%	-5,7%	4,3%	4,6%	4,1%
Singapore	1,3%	-5,4%	8,0%	3,0%	2,3%
Thailand	2,3%	-6,1%	1,5%	2,8%	3,7%
Malaysia	4,3%	-5,6%	3,1%	5,4%	4,4%
Indonesia	5,0%	-2,1%	3,7%	5,3%	5,0%
Philippines	5,9%	-9,5%	5,7%	6,5%	5,0%

Source: IMF, TCTK

With the expectation that the picture will be brighter in the last 6 months of the year, the Vietnamese stock market is expected to be ahead of the economic reversal with early disbursements from the second quarter of 2023 to catch the positive signals. We estimate the VN-Index in 2023 to reach 1,217 points under the base case scenario with profit growth of 12.8% and P/E of 11.3x. This baseline scenario is based on two assumptions: the resilience of the banking sector thanks to the stable asset quality and NIM, and the inflation in 2023 under control, giving the Government more room to

promote public investment, thereby promoting related industries such as building materials, logistics, industrial parks... Capital injected into the economy through public spending will solve the liquidity issue of the system and help businesses, especially in the manufacturing sector, have easier access to capital loans. Accordingly, the Vietnamese stock market in 2023 will become attractive and will attract more foreign capital flows back into the market, especially when the market valuation is at a very attractive level, close to the 10-year bottom.

7.2.RETAIL DEVELOPMENT OUTLOOK IN 2023

Deploying cross-selling operations with Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB):

Taking advantages from the strength of the Parent bank's system – ACB which are Brand and Customer, ACBS strives to promote comprehensive cooperation in cross-selling securities products and services, expanding the scale of operations to all ACB branches and transaction offices nationwide. Besides that, ACBS will also cooperate with ACB to develop customers through digital channels, providing securities products and services on the ACB ONE mobile application platform.

Improving the brokerage team and increasing the quality of consulting and customer services:

One of ACBS's key tasks in 2023 is complete restructuring the brokerage team in order to be a foundation of a new development strategy for the period of 2023 - 2025. The brokerage team will be screened and rearranged. At the same time, to improve the quality of the team, ACBS will develop professional training programs and organize the courses to improve skills for Brokers.

The following activities will be implemented to support and promote Brokers in developing and taking care of customers:

- ▶ Standardizing customer care principles, requiring Brokers to ensure the frequency of interaction with customers and meet the service quality.
- ▶ Building customer management and customer care software systems.
- ▶ Developing online consulting and customer care channels;
- ▶ Organizing periodic emulation programs to promote customer services.





Continuously improving products and services:

In 2023, ACBS will continue to improve online trading channels, specifically:

- Building a new website for placing orders, integrating price broad, market information, stock analysis and trading functions;
- Continuing to improve the stock trading application (Mobile app), adding more features and utilities.

In addition, some new products

and services will also be deployed such as: money transfer via identity accounts, trading of open-ended fund certificates, etc. ACBS will research and design product packs with flexible pricing policies to suit the needs and behaviors of each customer group, thereby creating competitive advantages and differentiated value-added in the market.

7.3.DIGITAL TRANSFORMATION

In line with the trend of 2023, we will research to apply advanced technology to enhance customer interaction and experience, such as AI chatbot, features add-on, feedback instantly, and more. To increase customer confidence when trading securities, ACBS takes security seriously. Specifically, this year, ACBS will continue

to carry out a series of penetration tests to detect and fix any issues, no matter how small.

With the motto of "Putting customers at the center," ACBS will invest in building a Data Warehouse and standardizing the customer data platform (CDP) to lay the foundation for data mining to help us better understand customers, and then provide the most suitable products and services for each target group.